

Dự án

Tăng cường khả năng chống chịu của
nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh
nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực
Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR)

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Hà Nội, tháng 5 năm 2023

1. NỘI DUNG

Báo cáo tóm tắt	5
1. Giới thiệu	6
1.1 TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN	6
1.1.1 Mục tiêu của dự án	6
1.1.2 Tóm tắt các hoạt động	6
1.2 Mục đích và Mục tiêu của ESMP	11
1.2.1. Tài liệu CSAT của dự án	11
1.2.2 Các hoạt động hỗ trợ xây dựng ESMP	12
1.2.3 Các hoạt động trong phạm vi ESMP	16
2. Khung pháp lý và thể chế cho các vấn đề môi trường và xã hội	21
2.1 Pháp luật, Chính sách và Quy định	21
2.2. So sánh SES của UNDP và SPS của ADB	22
3. Thực hiện và vận hành	24
3.1. Cơ cấu quản lý chung và Trách nhiệm	24
3.2. Quản lý Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội	25
3.2.1. Trách nhiệm của các bên liên quan	25
3.2.2 Kế hoạch hoạt động hiện trường	26
3.2.3 Báo cáo sự cố môi trường	27
3.2.4 Danh sách kiểm tra môi trường hàng ngày và hàng tuần	27
3.2.5 Hành động sửa đổi	27
3.2.6 Rà soát và đánh giá	27
3.2.7 Giám sát, đánh giá và báo cáo	28
3.3. Đào tạo	30
3.4 Kế hoạch hành động thực hiện	31
3.5 Dự toán	32
4. Truyền thông	34
4.1 Kế hoạch tham gia của các bên liên quan	34
4.2 Cơ chế giải quyết khiếu nại	35
5. Rủi ro về Môi trường và Xã hội	39
5.1 Rủi ro và các biện pháp giảm thiểu	39
5.2 Người bản địa	59
5.2.1. Áp dụng SES của UNDP đối với người bản địa trong dự án	59

5.2.2. Kết quả tham vấn tại địa điểm dự án với người dân và cộng đồng DTTS	59
5.2.3. Cơ chế kiểm soát để đảm bảo nhà thầu tuân thủ IPP	60
6. Các chiến lược giảm thiểu môi trường và xã hội	61
6.1 Khí hậu	61
6.2 Hệ sinh thái	62
6.2.1 Thông tin cơ sở	62
6.2.2 Tiêu chí Hiệu suất	64
6.3 Nước ngầm	66
6.3.1 Thông tin cơ sở	66
6.3.2 Tiêu chí Hiệu suất	66
6.4. Nước mặt	68
6.4.1 Thông tin cơ sở	68
6.4.2 Tiêu chí Hiệu suất	68
6.5. Chất lượng không khí	70
6.5.1 Thông tin cơ sở	70
6.5.2 Tiêu chí Hiệu suất	70
6.6 Tiếng ồn và độ rung	73
6.6.1 Thông tin cơ sở	73
6.6.2 Tiêu chí Hiệu suất	73
6.7 Kiểm soát xói mòn, thoát nước và trầm tích	76
6.7.1 Thông tin cơ sở	76
6.7.2 Địa hình	76
6.7.3 Đất	76
6.7.4 Tiêu chí Hiệu suất	76
6.8 Quản lý chất thải	80
6.8.1 Thông tin cơ sở	80
6.8.2 Tiêu chí Hiệu suất	80
6.9 Quản lý xã hội	83
6.9.1 Thông tin cơ sở	83
6.9.2 Tiêu chí Hiệu suất	84
6.10 Di sản văn hóa và khảo cổ	88
6.10.1 Thông tin cơ sở	88
6.10.2 Tiêu chí Hiệu suất	90
6.11. Các biện pháp quản lý khẩn cấp	92
6.11.1 Tiêu chí Hiệu suất	92



Phụ lục

94

MẪU KẾ HOẠCH HIỆN TRƯỜNG

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

. I

96

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Tham vấn thực địa, hội thảo xác nhận và nâng cao năng lực về SES	12
Bảng 2: Các chuyên gia môi trường và xã hội hỗ trợ dự án	14
Bảng 3: Các hoạt động được dự đoán là rủi ro trung bình của dự án	15
Bảng 4: Các hoạt động có khả năng rủi ro vừa phải cần được xem xét	16
Bảng 5: Kế hoạch giám sát môi trường trong giai đoạn thi công	28
Bảng 6: Kế hoạch giám sát môi trường trong giai đoạn thi công	29
Bảng 7: Yêu cầu lập báo cáo thường xuyên	30
Bảng 8: Chương trình đào tạo nâng cao năng lực về quản lý và giám sát môi trường	30
Bảng 9: Lịch trình thực hiện các hoạt động ESMP	32
Bảng 10: Ước tính chi phí thực hiện EMP cho toàn bộ tiểu dự án	33
Bảng 11: Các cuộc họp tham vấn được tổ chức trong quá trình chuẩn bị ESMP này:	34
Bảng 12: Các cuộc tham vấn sắp tới	35
Bảng 13: Các rủi ro môi trường tiềm ẩn và các biện pháp giảm thiểu	40
Bảng 14: Danh sách các khu bảo tồn lân cận trong 5 tỉnh mục tiêu của dự án đến các xã mục tiêu của dự án	62
Bảng 15: Các biện pháp quản lý động thực vật	65
Bảng 16: Các biện pháp quản lý nước ngầm	67
Bảng 17: Các biện pháp quản lý chất lượng nước	69
Bảng 18: Các biện pháp quản lý chất lượng không khí	71
Bảng 19: Các biện pháp quản lý tiếng ồn và rung	74
Bảng 20: Các biện pháp kiểm soát xói mòn, thoát nước và bồi lắng	77
Bảng 21: Các biện pháp quản lý chất thải	81
Bảng 22: Các biện pháp quản lý xã hội	85
Bảng 23: Di tích lịch sử và di tích được công nhận chính thức	88
Bảng 24: Di sản văn hóa và khảo cổ	91
Bảng 25: Các biện pháp quản lý khẩn cấp	93

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Các khu vực tại Việt Nam – thể hiện các tỉnh mục tiêu của dự án SACCR	13
Hình 2: Bản đồ của năm tỉnh mục tiêu dự án GCF2-SACCR	14
Hình 3 Các yếu tố chính trong Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội của UNDP (SES), UNDP 2015	31
Hình 4: Cấu trúc tổ chức dự án	33
Hình 5: Sơ đồ Tổ chức Thực hiện ESMP	34
Hình 6: Sơ đồ mô phỏng quy trình khiếu nại	51

BÁO CÁO TÓM TẮT

Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMP) được lập nhằm hỗ trợ cho dự án “Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ” (SACCR) do Chính phủ Việt Nam (GoV) và UNDP thực hiện.

Dự án nhằm trao quyền cho các hộ sản xuất nhỏ dễ bị tổn thương ở năm tỉnh – đặc biệt là phụ nữ và nông dân dân tộc thiểu số – để quản lý rủi ro khí hậu ngày càng tăng đối với sản xuất nông nghiệp thông qua việc thực hiện hai giải quyết hai nội dung (1) Tăng cường an ninh nước cho sản xuất nông nghiệp cho các nông hộ nhỏ dễ bị tổn thương khi đối mặt với sự biến đổi lượng mưa do khí hậu và hạn hán và (2) Tăng khả năng phục hồi sinh kế của nông hộ nhỏ thông qua nông nghiệp thích ứng với khí hậu và khả năng tiếp cận thông tin khí hậu, tài chính và thị trường.

Dự án đã được sàng lọc theo Quy trình Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội (SESP) của UNDP và được coi là một dự án có rủi ro cấp độ vừa phải. ESMP được xây dựng dựa trên Khung Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMF) được xây dựng cho dự án dựa trên các Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội (SES) của UNDP. ESMP cung cấp các cơ chế và biện pháp để quản lý các tác động xã hội và môi trường liên quan đến các hoạt động xây dựng sẽ được thực hiện bởi dự án trong Hoạt động 1.2: Thiết lập kết nối cuối cùng từ cơ sở hạ tầng thủy lợi của WEIDAP tới ruộng của nông dân nghèo và cận nghèo để giúp họ đối phó với sự tình trạng biến động lượng mưa và hạn hán ngày càng tăng và Hoạt động 1.3. Tăng cường tưới tiêu bổ sung cho các nông hộ nhỏ phụ thuộc nước mưa để đối phó với biến động về lượng mưa và hạn hán

Tất cả các hoạt động trong Hoạt động 1.1 sử dụng đồng tài trợ từ ADB và Chính phủ Việt Nam thông qua Dự án Cải thiện hiệu quả sử dụng nước ở các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP), thực tế dự án này đã giải quyết các vấn đề về chính sách an toàn môi trường và xã hội thông qua các tài liệu bảo trợ xã hội của ADB chứ không thuộc phạm vi ESMP này.

ESMP áp dụng cách tiếp cận dựa trên rủi ro, xác định một tập hợp toàn diện các rủi ro môi trường và xã hội tiềm ẩn và các biện pháp giảm thiểu liên quan đến các hoạt động xây dựng, sau đó được áp dụng cho từng hoạt động và địa điểm xây dựng cụ thể trong suốt vòng đời của dự án. Các kế hoạch cụ thể cho địa điểm hoặc hoạt động cụ thể sẽ được chuẩn bị dựa trên hướng dẫn được cung cấp trong ESMP này để giải quyết các vấn đề cụ thể và/hoặc các giai đoạn công việc theo kế hoạch tổng thể của dự án. Một ví dụ về kế hoạch hiện trường điển hình được cung cấp trong ESMP này. ESMP này bao gồm tất cả các địa điểm cho Hoạt động 1.2 và Hoạt động 1.3; tuy nhiên, nếu có khả năng xảy ra mức độ rủi ro cao hơn hoặc rủi ro mới được xác định, thì các công việc tại địa điểm cụ thể đó (bao gồm cả việc thực hiện ESMP này) sẽ bị tạm dừng cho

đến khi vấn đề đó được giải quyết theo chính sách của GCF và FAA của dự án. Kế hoạch hiện trường của từng vị trí thi công sẽ được đính kèm cùng với ESMP này.

Các nhà thầu được lựa chọn để thực hiện các hoạt động xây dựng trong Hoạt động 1.2 và Hoạt động 1.3 cần chuẩn bị các Kế hoạch của Nhà thầu Xây dựng cụ thể để chứng minh cách họ sẽ đáp ứng các yêu cầu của ESMP đối với các địa điểm thi công do họ quản lý. Các yêu cầu này sẽ được quy định rõ ràng trong hồ sơ mời thầu các công trình xây dựng này và được đưa vào tất cả các hợp đồng ký kết với nhà thầu xây dựng.

ESMP được cấu trúc dựa trên nguyên tắc cải tiến liên tục và sẽ được theo dõi và cập nhật khi cần thiết.

1. GIỚI THIỆU

Khung Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMP) này được lập để hỗ trợ dự án: Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ (SACCR) do Chính phủ Việt Nam thực hiện với sự tài trợ của Quỹ Khí hậu Xanh (GCF).

ESMP được xây dựng dựa trên Khung Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMF) của dự án. ESMP bao gồm các cơ chế và biện pháp quản lý các tác động xã hội và môi trường liên quan đến các hoạt động xây dựng của dự án. ESMP cung cấp các cơ chế và biện pháp để quản lý các tác động xã hội và môi trường liên quan đến các hoạt động xây dựng dự án. Các rủi ro khác của dự án được quản lý thông qua ESMF.

1.1 TỔNG QUAN VỀ DỰ ÁN

Chính phủ Việt Nam với sự hỗ trợ của UNDP đang xây dựng một dự án về thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu đối với nông hộ nhỏ, đặc biệt là người dân tộc thiểu số và nông dân nghèo/cận nghèo, để trình GCF. Dự án hướng tới việc cải thiện khả năng phục hồi của các cộng đồng dễ bị tổn thương trước các tác động của biến đổi khí hậu.

1.1.1 Mục tiêu của dự án

Vấn đề chính mà dự án quan tâm giải quyết là mối đe dọa đối với các hộ sản xuất nông nghiệp nhỏ dễ bị tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu gây ra bởi sự thay đổi lượng mưa và hạn hán. Mục tiêu của dự án này là trao quyền cho các nông hộ nhỏ dễ bị tổn thương khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ - chú trọng tới phụ nữ và nông dân người dân tộc thiểu số - quản lý rủi ro khí hậu ngày càng tăng đối với sản xuất nông nghiệp bằng cách đảm bảo nguồn nước, áp dụng các hệ thống cây trồng nông nghiệp và sử dụng thông tin về khí hậu, nông nghiệp và thị trường để đánh giá rủi ro, lập kế hoạch và quản lý nước và nông nghiệp. Dự án thúc đẩy sự thay đổi mô hình từ các biện pháp ngắn hạn, tạm thời sang sự phối hợp đầu tư nhiều bên, tích hợp để duy trì sản xuất nông nghiệp của các gia đình nhỏ thông qua quản lý nông nghiệp và nước có thông tin về rủi ro khí hậu.

1.1.2 Tóm tắt các hoạt động

Để đạt được mục tiêu này, dự án sẽ đầu tư vào việc tạo điều kiện cho các hộ nghèo/cận nghèo thích ứng với sự biến đổi lượng mưa và hạn hán ngày càng tăng do khí hậu thông qua việc thực hiện hai kết quả đầu ra có mối quan hệ tương hỗ:

Kết quả đầu ra 1 - Tăng cường an ninh nước cho sản xuất nông nghiệp cho các nông hộ nhỏ dễ bị tổn thương khi đối mặt với sự biến đổi lượng mưa do khí hậu và hạn hán

Kết quả đầu ra 2 - Tăng khả năng phục hồi sinh kế của nông hộ nhỏ thông qua nông nghiệp thích ứng với khí hậu và khả năng tiếp cận thông tin khí hậu, tài chính và thị trường.

Kết quả đầu ra 1 Kết quả đầu ra Tăng cường an ninh nước cho sản xuất nông nghiệp cho các nông hộ nhỏ dễ bị tổn thương khi đối mặt với sự biến đổi lượng mưa do khí hậu và hạn hán Kết quả đầu ra Tăng cường an ninh nước cho sản xuất nông nghiệp cho các nông hộ nhỏ dễ bị tổn thương khi đối mặt với sự biến đổi lượng mưa do khí hậu và hạn hán

Hoạt động 1.1: Thiết lập cơ sở hạ tầng thủy lợi quy mô lớn để đưa nước tưới đến tám khu vực canh tác ở các vùng mục tiêu ở năm tỉnh

Các hoạt động chính:

1.1.1 Phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi hiện đại phục vụ tối thiểu 19.200 ha tại 8 khu vực phục vụ thông qua cung cấp 185 km hệ thống tưới tiêu bao gồm

- (i) Hệ thống ống điều áp lấy nước từ kênh hoặc hồ chứa, và cung cấp nước cấp được đặt ở khoảng cách hợp lý từ ruộng của nông dân;
- (ii) Hiện đại hóa hệ thống chính bao gồm lớp lót kênh, cấu trúc điều khiển, cân bằng sức chứa và lắp đặt các thiết bị đo lường và điều khiển dòng chảy với giám sát từ xa; và
- (iii) Thay thế đập dâng tạm thời của người dân bằng đập mới và cải tiến và cung cấp hệ thống lưu trữ nước để nông dân bơm từ đó để tưới cho các HVC.

Hoạt động 1.2: Thiết lập các kết nối cuối cùng giữa công trình hạ tầng thủy lợi WEIDAP và các vùng canh tác của nông hộ nghèo và cận nghèo, giúp ứng phó với diễn biến phức tạp của lượng mưa và tình trạng hạn hán

Các hoạt động chính:

1.2.1 Thiết kế và xây dựng 4.765 hệ thống kết nối và phân phối bao gồm lắp đặt và bảo trì thiết bị tưới để ứng phó với biến đổi khí hậu

1.2.2 Tập huấn cho 4.765 nông hộ nghèo và cận nghèo về cách sử dụng các thiết bị tưới tiêu và bảo trì hệ thống để phòng có sự cố do biến đổi khí hậu.

1.2.3 Thành lập các Nhóm sử dụng nước để vận hành và bảo dưỡng các hệ thống chung hoặc hệ thống dùng chung, bao gồm các cấu trúc và thỏa thuận về các cơ chế tài trợ tiềm năng.

Hoạt động 1.3: Tăng cường tưới bổ sung cho ruộng canh tác của các nông hộ nhỏ có tưới tự nhiên nhằm ứng phó với sự thay đổi lượng mưa và hạn hán

Các hoạt động chính:

1.3.1 Xây dựng hoặc nâng cấp 1.159 ao thích ứng với khí hậu (với thiết kế tương ứng với từng địa điểm đào ao, đào 675 ao mới và nâng cấp 484 ao hiện có)

1.3.2 Đào tạo cho hơn 16.000 nông dân nghèo và cận nghèo hưởng lợi về quản lý tài nguyên nước thích ứng với khí hậu để tăng cường cấp nước

1.3.3 Thành lập 185 nhóm quản lý ao để vận hành và bảo dưỡng (O&M), xây dựng cơ chế hoạt động và thỏa thuận tài trợ tiềm năng.

Hoạt động 1.4: Nâng cao năng lực của các nông hộ nhỏ trong việc áp dụng các công nghệ và thực hành sử dụng nước hiệu quả nội đồng nhằm tối đa hóa năng suất nước để ứng phó với biến động về lượng mưa và tình trạng hạn hán

Các hoạt động chính:

1.4.1 Đào tạo hơn 21.200 nông dân thông qua 900 lớp học đầu bờ (FFS) về quản lý đất và sinh khối để tăng cường khả năng giữ ẩm, bổ sung nước ngầm và năng suất nước để ứng phó với các rủi ro khí hậu đang phát triển về an ninh nguồn nước (kết hợp với Hoạt động 2.1)

1.4.2 Tập huấn cho 30 cán bộ Sở NN & PTNT và nông dân nòng cốt ở 14 huyện (một khóa trong năm 2, 4 và 6) để hỗ trợ các nhóm nông dân trong việc đồng thiết kế, chi phí và vận hành và bảo dưỡng các công nghệ thích ứng với khí hậu, tiết kiệm nước

1.4.3 Lắp đặt hệ thống sử dụng nước hiệu quả nội đồng cho 8.621 hộ nghèo/hộ cận nghèo liên quan đến hỗ trợ đầu tư dựa trên hiệu quả hoạt động (liên kết với Hoạt động 2.1)

1.4.4 Đào tạo nông dân sản xuất nhỏ ở năm tỉnh về O&M đối với các công nghệ tiết kiệm nước chịu rủi ro do biến đổi khí hậu.

Kết quả đầu ra 2: Tăng khả năng chống chịu về sinh kế cho nông hộ nhỏ thông qua sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và tiếp cận với thông tin khí hậu, tài chính và thị trường

Hoạt động 2.1: Đầu tư vào các yếu tố đầu vào và năng lực để mở rộng quy mô các hệ thống và thực hành canh tác thích ứng với khí hậu (quản lý đất, cây trồng, đất đai) giữa các nông hộ thông qua FFS

Các hoạt động chính:

2.1.1 Vận động sự tham gia của các nông hộ nhỏ để thành lập/mở lại 900 FFS

2.1.2 Đào tạo cán bộ của SNN&PTNT, nông dân nòng cốt và các bên quan tâm khác (NGO, Nông dân và Hội Phụ nữ, v.v.) để xây dựng đội ngũ nông dân nòng cốt nhằm khuyến khích việc ứng dụng và áp dụng các gói CRA (15 hội thảo cấp tỉnh cho 30 SNN&PTNT cán bộ năm 2, 4 và 6; 28 khóa tập huấn cấp huyện và 120 cấp xã cho 30 nông dân nòng cốt trong năm 2 và 6)

2.1.3 Đào tạo nông dân và các tác nhân thứ hai trong chuỗi giá trị - đặc biệt là các nhà cung cấp đầu vào của khối tư nhân, người mua, người chế biến, người vận chuyển - thông qua 900 FFS về nhân rộng các hệ thống và thực hành canh tác thích ứng với khí hậu. (Mỗi FFS sẽ tiến hành các khóa đào tạo 1 ngày hai lần mỗi năm)

2.1.4 Hỗ trợ đầu tư cho 8.621 hộ nghèo/cận nghèo mục tiêu để có được vật tư đầu vào và công nghệ để thực hiện các gói CRA thông qua hệ thống tích điểm.

2.1.5 Đánh giá có sự tham gia việc tham gia hệ thống tích điểm các hệ thống và thực hành cây trồng thích ứng với khí hậu (Một cuộc họp 1 ngày cho 100 người tham gia/60 xã trong các năm 2, 4 và 6)

Hoạt động 2.2 Hỗ trợ kỹ thuật tăng cường khả năng tiếp cận thị trường và tín dụng cho các khoản đầu tư bền vững vào nông nghiệp thích ứng với khí hậu của các hộ quy mô nhỏ và các bên tham gia chuỗi giá trị

Các hoạt động chính:

2.2.1 Thiết lập và vận hành các Diễn đàn Đổi mới Khí hậu đa bên (CIP) ở từng tỉnh và ở cấp vùng sinh thái nông nghiệp (Họp các bên liên quan được tổ chức hai năm một lần ở mỗi tỉnh/5 tỉnh)

2.2.2 Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo liên kết thị trường với đầu vào, nhà cung cấp thông tin và công nghệ và người mua để sản xuất nông nghiệp thích ứng với khí hậu (hai khóa đào tạo, hai hội thảo kết nối và ba hội chợ thương mại ở mỗi huyện/14 huyện/bốn năm)

2.2.3 Hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo nông dân tiếp cận tín dụng thông qua các trung gian tài chính (Một hội thảo/1 xã trong số 60 xã trong năm 2 và 4).

Hoạt động 2.3 Đồng phát triển và áp dụng thông tin tư vấn khí hậu nông nghiệp tại địa phương của các nông hộ để tăng cường sản xuất nông nghiệp thích ứng với khí hậu

Các hoạt động chính:

2.3.1 Đào tạo 50 cán bộ của SNN&PTNT về xây dựng và diễn giải các dự báo thu nhỏ sử dụng trong lập kế hoạch nông nghiệp (tám khóa đào tạo trong bốn năm cho 50 người tham gia)

2.3.2 Hỗ trợ kỹ thuật thành lập các nhóm kỹ thuật ACIS và đào tạo 420 người tham gia ở cấp huyện (hội thảo 1 ngày cho 30 người/14 huyện)

2.3.3 Đồng phát triển, thông qua việc lập kế hoạch theo kịch bản, có sự tham gia (PSP) của các bản tin khí hậu nông nghiệp theo mùa và 10 ngày/15 ngày với nông dân sản xuất nhỏ (20 khóa đào tạo cấp tỉnh cho 30 cán bộ và 56 khóa đào tạo cấp huyện cho 60 người tham gia trên bốn năm)

2.3.4 Phân phát các bản tin cho 139.416 hộ gia đình tại 60 xã.

ESMP cung cấp các cơ chế và biện pháp để quản lý các tác động xã hội và môi trường liên quan đến các hoạt động xây dựng sẽ được thực hiện bởi dự án trong Hoạt động 1.2 và Hoạt động 1.3. Cụ thể, đây là Hoạt động 1.2.1: Thiết kế và xây dựng hệ thống kết nối và phân phối bao gồm lắp đặt và bảo trì thiết bị tưới để ứng phó với biến đổi

khí hậu; và Hoạt động 1.3.1: Xây dựng hoặc nâng cấp các ao có khả năng chống chịu khí hậu.

1.1.3. Dự án đồng tài trợ với dự án WEIDAP

Hoạt động 1.1 của dự án được tài trợ hoàn toàn bởi dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước ở các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP) do ADB và Chính phủ Việt Nam tài trợ. Tài trợ của GCF sẽ không được sử dụng cho hoạt động này. Tất cả các vấn đề về chính sách an toàn xã hội của các hoạt động nhỏ nằm trong Hoạt động 1.1 được giải quyết thông qua các chính sách an toàn của ADB, và do đó không nằm trong phạm vi của ESMP này.

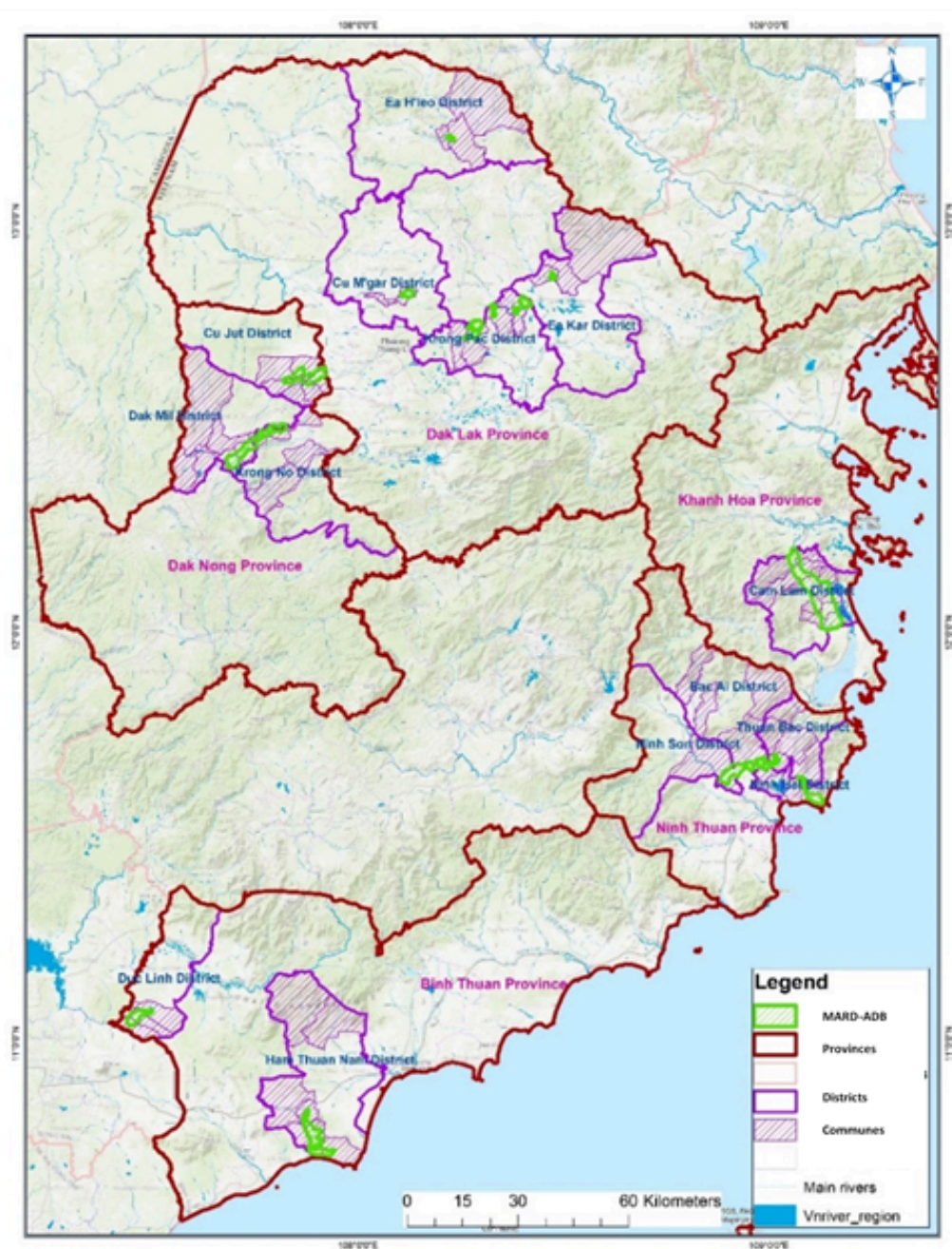
1.1.4. Phạm vi của dự án

Địa điểm thực hiện dự án tại năm tỉnh ở hai khu vực: Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ. Ở khu vực Tây Nguyên, dự án được thực hiện tại Đắk Lắk và Đắk Nông, ở khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, dự án được thực hiện tại các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận (hình 1).



Hình 1: Các khu vực tại Việt Nam – thể hiện các tỉnh mục tiêu của dự án SACCR

Dự án GCF2-SACCR sẽ được thực hiện tại 5 tỉnh như trong Hình 1 kết hợp với các địa điểm của tiểu dự án WEIDAP, dẫn đến việc lựa chọn 14 huyện và 60 xã (Hình 2). Hầu hết các xã trong tổng số 60 xã (bao gồm tất cả các vùng dự án WEIDAP) đều kết hợp hệ thống cây trồng có tưới chủ động và tưới tự nhiên, 17 xã được tưới chủ động nhiều hơn tưới tự nhiên và 43 xã được tưới tự nhiên nhiều hơn tưới chủ động.



Hình 2: Bản đồ của năm tỉnh mục tiêu dự án GCF2-SACCR

Tổng số 14 huyện và 60 xã (vùng dự án MARD-UNDP màu tím, các tiểu dự án WEIDAP của MARD-ADB màu xanh lá cây). Lưu ý, do gần đây đang xây dựng quy

hoạch tổng thể của tỉnh, huyện Cam Lâm ở Khánh Hòa có thể được thay thế bằng huyện Khánh Vĩnh. Huyện Khánh Vĩnh có bối cảnh kinh tế xã hội và môi trường tương tự và các hoạt động của dự án sẽ vẫn tương tự như khu vực ban đầu. Việc sàng lọc ban đầu cho thấy rằng không có rủi ro mới phát sinh hoặc rủi ro đáng kể nào nếu có thay đổi. Cần lưu ý rằng vẫn chưa có quyết định chính thức về việc chuyển địa điểm. ESMP này, phác thảo các biện pháp và chiến lược chung chung, không nêu các địa điểm cụ thể và do đó, vẫn có thể áp dụng cho các hoạt động giống nhau ở các địa điểm khác nhau. Ngoài ra, ESMP này cũng sẽ được xem xét và cập nhật như được nêu trong Phần 3.2.6 trong trường hợp có bất kỳ thay đổi bối cảnh cục bộ nào.

Với 14 huyện và 60 xã (với vùng dự án MARD-UNDP màu tím, và các tiểu dự án MARD-ADB WEIDAP màu xanh lá cây). Lưu ý, do thay đổi quy hoạch tổng thể tỉnh Khánh Hòa đến năm 2023, dự án đồng tài trợ (WEIDAP) đã rút khỏi huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, UBND tỉnh Khánh Hòa đã đề xuất triển khai các hoạt động của Dự án GCF2-SACCR tại các huyện khác của tỉnh, thay vì huyện Cam Lâm. Dự kiến, các huyện Khánh Vĩnh và Khánh Sơn đã được xác định do đây là các huyện được quy hoạch sản xuất nông nghiệp và có các đặc điểm xã hội và môi trường phù hợp với các can thiệp của GCF2-SACCR. Sàng lọc ban đầu cho thấy rằng không có rủi ro mới hoặc rủi ro đáng kể nếu thay đổi xảy ra. Hiện tại, UNDP cùng với các đối tác của dự án đang chuẩn bị Tài liệu tái cấu trúc dự án để trình lên GCF về việc chuyển địa điểm. ESMP này, phác thảo các biện pháp và chiến lược chung thay vì địa điểm cụ thể và do đó, vẫn có thể áp dụng cho các hoạt động giống nhau ở các địa điểm khác nhau. Ngoài ra, ESMP này cũng sẽ được xem xét và cập nhật như đã nêu trong Phần 3.2.6 trong trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về bối cảnh địa phương.

1.2 MỤC ĐÍCH VÀ MỤC TIÊU CỦA ESMP

1.2.1. Tài liệu CSAT của dự án

ESMP này là một phần của bộ tài liệu có liên hệ lẫn nhau, đề cập đến các CSAT trong dự án. Các tài liệu này hỗ trợ đảm bảo rằng dự án tuân thủ SES của UNDP như sau:

- Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường (SESP)
- Khung Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMF)
- Kế hoạch Quản lý Môi trường và Xã hội (tài liệu này)
- Kế hoạch gắn kết các bên liên quan (SEP)
- Khung lập kế hoạch cho người bản địa (IPPF)
- Kế hoạch dành cho người bản địa (IPP) (nếu được yêu cầu)
- Kế hoạch Hành động Giới
- Danh sách kiểm tra sự tuân thủ (tham khảo Bảng 13. Rủi ro môi trường tiềm ẩn và biện pháp giảm thiểu)

ESMP này đã được xây dựng để các nhân sự tham gia quản lý và thực hiện các hoạt động xây dựng dự án do GCF và Chính phủ tài trợ, trong Hoạt động 1.2 và 1.3. Các hoạt động phi xây dựng được quản lý thông qua việc áp dụng ESMF và các kế hoạch bảo vệ an toàn liên quan khác (như đã lưu ý ở trên).

ESMP này bao gồm tất cả các địa điểm thực hiện xây dựng tại hiện trường trong Hoạt động 1.2 và 1.3. ESMP sẽ được áp dụng tại mỗi địa điểm và hoàn thành kế hoạch hiện trường theo hướng dẫn được cung cấp trong tài liệu này. Nếu có yếu tố xuất hiện rủi ro cao hơn (hoặc mới) được xác định thông qua sàng lọc địa điểm bằng SESP, thì các công việc tại địa điểm cụ thể đó (bao gồm cả việc thực hiện ESMP này) sẽ bị tạm dừng cho đến khi vấn đề đó được giải quyết theo chính sách của GCF và FAA của dự án.

Mục tiêu của ESMP là đảm bảo rằng tất cả các tác động môi trường và xã hội tiềm ẩn có thể xảy ra một cách hợp lý trong quá trình thực hiện các hoạt động xây dựng do dự án hỗ trợ đều nằm trong giới hạn chấp nhận được và đã thống nhất. Điều này đạt được thông qua việc chủ động lập kế hoạch quản lý môi trường và xã hội trước khi tiến hành các hoạt động xây dựng.

ESMP được cấu trúc dựa trên yếu tố chính là cải tiến liên tục, nhằm được theo dõi và cập nhật theo yêu cầu.

1.2.2 Các hoạt động hỗ trợ xây dựng ESMP

Dựa trên các đánh giá được thực hiện trong giai đoạn lập dự án (như được mô tả trong ESMF), các rủi ro môi trường và xã hội và các tác động tiềm ẩn đã được xác định thêm thông qua một loạt các hội thảo và vòng tham vấn do UNDP, CPO và PPMU

thực hiện, cũng như hỗ trợ từ các chuyên gia môi trường và xã hội của dự án. Tổng cộng, hai khóa đào tạo dành cho các chuyên gia về an toàn đã được UNDP tổ chức.

Nhóm chuyên gia tư vấn từ Văn phòng Dự án Trung ương (CPO) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD), phối hợp với các chuyên gia về an toàn tại các Ban Quản lý Dự án cấp tỉnh (PPMU), đã tiến hành tham vấn tại 8 xã dự án và tổ chức hội thảo tham vấn. tỉnh Đắk Lắk để hoàn thiện ESMP này với sự tham gia của cán bộ dự án và đại diện cộng đồng địa phương. Thông tin về các hoạt động tham vấn này được tóm tắt trong Bảng 1.

Bảng 1: Tham vấn thực địa, hội thảo xác nhận và nâng cao năng lực về SES

Hoạt động	Địa điểm	Thời gian	Nội dung	Ghi chú
Tư vấn thực địa				
Tham vấn thực địa tại tỉnh Ninh Thuận	Xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải và xã Phước Thạnh, huyện Bắc Ái	6-7/07/2022	Tham vấn với cộng đồng địa phương và chính quyền địa phương để: - Xác định và xem xét các rủi ro tiềm ẩn tổng thể của các dự án, tập trung vào: + Xác định và xem xét các rủi ro đối với các nhóm dân tộc thiểu số (EM), các tác động nếu có đối với đất đai, quyền, lãnh thổ và sinh kế và di sản truyền thống, sự cần thiết của IPP và thông qua các câu hỏi về Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC)	Các cuộc tham vấn này được thực hiện bởi các chuyên gia tư vấn xã hội và môi trường của CPO. Nhân viên PPMU đã hỗ trợ và tiếp thu các thủ tục tham vấn để tiếp tục thực hiện các tham vấn liên quan khác tại tỉnh.
Tham vấn thực địa tại tỉnh Bình Thuận	Xã Mỹ Thanh, huyện Hàm Thuận Nam và xã Trà Tân, huyện Đức Linh	8-9/07/2022	+ Xác định và xem xét các rủi ro đối với các nhóm dân tộc thiểu số (EM), các tác động nếu có đối với đất đai, quyền, lãnh thổ và sinh kế và di sản truyền thống, sự cần thiết của IPP và thông qua các câu hỏi về Đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin (FPIC)	
Tham vấn thực địa tại tỉnh Đắk Nông	Xã Tam Thắng, huyện Cư Jut và xã Đức Minh, huyện Đắk Mil	10-11/7/2022	+ Xác định xem các công trình xây dựng dự án có vận hành vào các khu bảo tồn, di sản văn hóa, địa điểm linh thiêng lân cận hay không và liệu có gây ra bất kỳ tác động nào trực tiếp và tiềm ẩn nào	
Tham vấn thực địa tại tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Sar, huyện Ea Kar và xã Krông Buk, huyện Krông Pak	12-13/07/2022	+ Các tác động của công trình xây dựng - Giới thiệu các biện pháp giảm thiểu các tác động và nhận phản hồi từ cộng đồng	

Hoạt động	Địa điểm	Thời gian	Nội dung	Ghi chú
			- Giới thiệu Cơ chế Giải quyết Khiếu nại (GRM) - Thu thập thông tin kinh tế - xã hội và các dữ liệu liên quan khác để soạn thảo ESMP	
Hội thảo xác nhận để phát triển ESMP				
Hội thảo thẩm định	Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk	21-22/07/2022	- Rà soát, xác nhận các rủi ro và biện pháp giảm thiểu từ kết quả tham vấn tại 8 xã mẫu - Tập huấn về các thủ tục IPP và FPIC - Trình bày dự thảo ESMP để lấy thêm ý kiến đóng góp	60 người tham gia từ: Đại diện cộng đồng địa phương và cộng đồng EM Đại diện chính quyền địa phương (cấp xã, cấp huyện) Cán bộ PPMU Nhân viên và chuyên gia tư vấn từ CPO và UNDP
Nâng cao năng lực cho cán bộ PPMU				
Tập huấn lần 1 về các biện pháp bảo vệ	Cuộc họp trực tuyến	10/01/2022	Đào tạo về: - Các chính sách tổng quát của UNDP và SES - Phương pháp sàng lọc - Thiết lập và vận hành GRM	
Tập huấn lần 2 về các biện pháp tự vệ	UN House, Hà Nội, Việt Nam	6/05/2022	Đào tạo về: - Xác định và quản lý rủi ro - Xây dựng kế hoạch hiện trường	

Bảng dưới đây trình bày thông tin về những người chịu trách nhiệm chính về an toàn trong dự án này:

Bảng 2: Các chuyên gia môi trường và xã hội hỗ trợ dự án

No.	Name	Units	Position	Tel	Email
I	PPMU Dak Lak				

No.	Name	Units	Position	Tel	Email
1	Bui Thanh Son	Cán bộ chính sách an toàn môi trường	Văn phòng PPMU	0933598885	sonvnsatdaklak@gmail.com
2	Nguyen Duc Anh	Cán bộ chính sách an toàn xã hội	Văn phòng PPMU	0904466664	ducanhnguyen.pm@gmail.com
II	PPMU Dak Nong				
1	Trinh Thi My Duyen	Cán bộ chính sách an toàn môi trường	General Planning Department	0945338028	lemyduyen610@gmail.com
2	Pham Thi Hong Tuyen	Cán bộ chính sách an toàn xã hội	General Planning Department	0916083337	tuyenapm@gmail.com
III	PPMU Binh Thuan				
1	Le Phuong Thao	Cán bộ chính sách an toàn môi trường	Văn phòng PPMU	0943763803	thao.amui@gmail.com
2	Nguyen Thi Ha Giang	Cán bộ chính sách an toàn xã hội	Văn phòng PPMU	0918120576	hagiang.hpn@gmail.com
IV	PPMU Ninh Thuan				
1	Nguyen Thi Thanh Hang	Cán bộ chính sách an toàn xã hội	Văn phòng PPMU	0947892805	thanhhangeco@gmail.com
2	Vo Yen Oanh	Cán bộ chính sách an toàn môi trường	Văn phòng PPMU	0907495560	voyenoanh@gmail.com
V	PPMU Khanh Hoa				
1	Tran Quoc Long	Cán bộ chính sách an toàn xã hội và môi trường	Văn phòng PPMU	0935701000	Longtq89@gmail.com
VI	CPO ¹				

¹ Environmental and Social safeguards of the GCF-funded GCF2-SACCR project are being undertaken in association with the ADB-funded WEIDAP project.

No.	Name	Units	Position	Tel	Email
1	Nguyen Quang An	Cán bộ chính sách an toàn môi trường	Văn Phòng CPO	0989550535	nguyenquangancpo@gmail.com
2	Tran Thu Hang	Cán bộ chính sách an toàn xã hội	Văn Phòng CPO	0904461599	hangcpo@gmail.com
VII	UNDP				
1	Le Ngoc Dung	Impact and Inclusion Assurance Specialist	Quản lý dự án: GCF2-SAC CR	0961070890	Le.ngoc.dung@undp.org
VII	ADB-WEIDAP				
1	Vu Ngoc Chau	Chịu trách nhiệm về an toàn và môi trường xã hội	Chuyên gia	0911089090	vungocchau@adb.org

1.2.3. Phạm vi của ESMP

Phạm vi của ESMP này tập trung vào các hợp phần công trình xây dựng của dự án được dự kiến là Rủi ro Trung bình, thể hiện ở Bảng 3, ở đây cũng cần xác nhận rằng không có hoạt động nào cần ESIA (Đánh giá tác động môi trường xã hội), cũng như là EIA (đánh giá tác động môi trường). Vị trí các ao, và bản vẽ thiết kế điển hình cho các hoạt động dưới đây được cung cấp trong Phụ lục 7.

Bảng 3: Các hoạt động được dự đoán là rủi ro trung bình của dự án

Tỉnh	Huyện	Xã	Ao mới (số lượng ao)	Nâng cấp ao (số lượng ao)	kết nối chằng cuối (m)
Đắk Nông	Cư Jut	Ea T'Ling	24	12	101.500
		Nam Đông	18	9	77.000
		Đắk DRông	14	7	65.800
		Tâm Thắng	16	8	69.300
		Cư Knia	5	2	168.700
		Trúc Sơn	5	2	7.700
	Đắk Mil	Đắk Lao	2	4	6.300
		Đức Mạnh	3	6	18.900
		Long Sơn	2	4	12.600
		Đắk Sắk	7	14	46.900

Tỉnh	Huyện	Xã	Ao mới (số lượng ao)	Nâng cấp ao (số lượng ao)	kết nối chằng cuối (m)
	Krông Nô	Thuận An	1	2	10.500
		Đức Minh	5	10	34.300
		Đắk Sôr	6	13	
		Nam Xuân	5	10	110.600
		Đắk Drô	8	16	
		Nam Nung	9	19	
Đắk Lắk	Ea Hleo	TT. EaĐRăng	10	7	14.500
		EaSol	14	12	
		Điê Yang	7	6	35.500
	Cư M'Gar	Quảng Tiến	4	3	19.250
	Ea Kar	Ea Sô	14	12	
		Ea Sar	25	21	
		Xuân Phú	4	4	15.050
	Krông Pắc	Krông Buk	20	23	118.300
		Ea Phê	15	17	22.750
		Ea Yông	7	9	144.500
		Ea Kênh	12	14	27.500
Bình Thuận	Hàm Thuận Nam	TT Thuận Nam	10	11	8.750
		Mỹ Thạnh	11	13	
		Hàm Cần	20	24	
		Tân Lập	9	11	
		Tân Thuận	5	6	21.350
		Tân Thành	5	6	4.900
	Đức Linh	Tân Hà	8	12	14.500
		Đông Hà	9	14	8.000
		Trà Tân	7	11	35.500
Ninh Thuận	Ninh Hải	Phượng Hải			7.700
		Xuân Hải	7	6	47.950
		Tri Hải	11	4	19.600
		Nhon Hải	8	3	58.100
	Ninh Sơn	Mỹ Sơn	34	19	
		Nhon Sơn	5	3	99.400
	Thuận Bắc	Phước Chiến	28	18	
		Phước Kháng	16	10	
		Lợi Hải	32	20	70.000
		Bắc Sơn	18	11	156.100
		Bắc Phong	4	2	33.950
	Bác Ái	Phước Tân	16	10	

Tỉnh	Huyện	Xã	Ao mới (số lượng ao)	Nâng cấp ao (số lượng ao)	kết nối chằng cuối (m)
		Phước Thắng	18	12	
		Phước Thành	20	13	
		Phước Trung	7	2	52.150
Khánh Hòa	<i>Danh sách các xã/huyện tại tỉnh Khánh Hòa được hỗ trợ bởi dự án SACCR dự kiến sẽ thay đổi do những quy hoạch phát triển của địa phương vào năm 2022, như đã được giải thích trong Mục 1.1.4 của ESMP này và sẽ được cập nhật dựa trên Tài liệu Tái cơ cấu Dự án đã được phê duyệt sẽ được đệ trình lên GCF bởi dự án SACCR vào quý 1 năm 2023.</i>				

Nguồn: Báo cáo tiền khả thi

1.2.3 Các hoạt động trong phạm vi ESMP

Các hoạt động 1.2.1 và 1.3.1 thuộc phạm vi điều chỉnh của ESMP này với các tác động tiêu cực tiềm ẩn trong quá trình thi công xây dựng. Những hoạt động này được dự đoán là có mức Rủi ro Trung bình và **không có hoạt động nào trong số này yêu cầu (ESIA) đánh giá tác động môi trường xã hội) hoặc (EIA) đánh giá tác động môi trường.** Vì các hoạt động này thuộc danh mục III (Danh mục không thực hiện đánh giá tác động môi trường) theo luật pháp quốc gia (tức là Luật Bảo vệ Môi trường của Việt Nam, 2020).

Bảng 4: Các hoạt động có khả năng rủi ro vừa phải cần được xem xét

STT	Các hoạt động	Khía cạnh môi trường	Các tác động môi trường tiềm ẩn
1	1.2.1. Thiết kế và xây dựng 4.765 hệ thống kết nối và phân phối bao gồm lắp đặt và bảo trì thiết bị tưới để ứng phó với biến đổi khí hậu	Di dời	Gián đoạn canh tác trong quá trình xây dựng Giảm thu nhập do hoạt động canh tác bị gián đoạn trong quá trình thi công
		Tác động xây dựng - ô nhiễm không khí, tiếng ồn, chất thải, an toàn cộng đồng	Việc xây dựng có thể ảnh hưởng đến chất lượng không khí và gây tiếng ồn. Kết quả này chủ yếu đến từ việc đào, san lấp mặt bằng, bốc xếp bằng phương tiện và các hoạt động liên quan đến xây dựng khác. Các tác động tiềm tàng đến chất lượng không khí xung quanh, mùi hôi và khí thải
		Nước ngầm	Khả năng ô nhiễm nước ngầm do các hoạt động xây dựng Khả năng ô nhiễm do phân bón trong quá trình vận hành các khu vực tưới tiêu

STT	Các hoạt động	Khía cạnh môi trường	Các tác động môi trường tiềm ẩn
		OSH (Liên quan đến dự án Weidap)	Vận hành thiết bị bơm - yêu cầu nguồn điện cao áp để vận hành máy bơm, điều này có nguy cơ liên quan đến an toàn/sức khỏe.
		Bom mìn chưa phát lộ	Bom mìn chưa phát lộ-có nguy cơ gây thương tích cho con người
		Xói mòn/chất lượng nước	Xói mòn và bồi lắng - việc đào và loại bỏ thảm thực vật sẽ khiến mặt đất bị xói mòn và có khả năng làm suy giảm chất lượng nước mặt.
		Sinh thái học	Tác động đến sinh thái do hoạt động của công nhân Loại bỏ hoặc xáo trộn thảm thực vật tự nhiên, mất hoặc xáo trộn một quần xã thực vật độc đáo, quý hiếm hoặc bị đe dọa
		Sự bền vững	Thiếu O&M có thể dẫn đến các chương trình bị sự cố
		Thiết kế không phù hợp	Các thiết bị SCADA có thể thiết lập các mô hình tiêu từ các hồ chứa
		Chất thải	Chất thải xây dựng - chất thải rắn sẽ tăng lên trong quá trình xây dựng, ví dụ như vận chuyển số lượng lớn và đóng gói chất thải, chất thải từ các trại xây dựng, hàng rào và phế liệu,
		Rủi ro OHS cộng đồng	Vận hành thiết bị bơm - yêu cầu nguồn điện cao áp để vận hành bơm, điều này có nguy cơ liên quan đến an toàn/sức khỏe.
		Biến đổi khí hậu	Nguy cơ hạn hán và lũ lụt: Các sự kiện thiên tai thường xuyên xảy ra nhất là lũ lụt do lượng mưa lớn, bão, lở đất, sóng nhiệt, gió giật và hạn hán Hạn hán đang trở nên nghiêm trọng hơn và gây ảnh hưởng lên các khu vực rộng lớn hơn trước đây
2	1.3.1. Thành lập 185 nhóm quản lý ao để vận hành và bảo dưỡng (O&M), xây dựng các	Tác động do bụi bẩn	Bụi bẩn phát sinh trong quá trình xây dựng
		Tác động do tiếng ồn và độ rung	Tiếng ồn và độ rung tạo ra trong quá trình xây dựng
		Tác động do phát thải khí ô nhiễm	Phương tiện, máy móc hoạt động trên công trường phải tuân thủ các quy định về giới hạn khí thải.

STT	Các hoạt động	Khía cạnh môi trường	Các tác động môi trường tiềm ẩn
	cấu trúc và thỏa thuận tài trợ tiềm năng.	Chất thải	Chất thải xây dựng phát sinh trong quá trình đào ao
		Tác động do ô nhiễm nguồn nước	Nước thải sinh hoạt của công nhân không được kiểm soát sẽ gây ô nhiễm nguồn nước
		Rủi ro OHS đối với cộng đồng	Gia tăng giao thông trong khu vực dự án và xung quanh khu vực dự án Khu vực xây dựng có nguy cơ cao cần được rào lại để giảm thiểu lượng người ra vào
		Sinh thái học	Loại bỏ hoặc xáo trộn thảm thực vật tự nhiên, mất hoặc xáo trộn một quần xã thực vật độc đáo, quý hiếm hoặc bị đe dọa Tác động sinh thái do hoạt động của công nhân và người lao động Các rào cản hoặc đập có thể ngăn cản sự di cư của cá ở thượng nguồn
		Tác động do ô nhiễm nguồn nước	Chất thải xây dựng không được kiểm soát sẽ làm tắc đường ống thoát nước.
		Tác động do rác thải sinh hoạt	Rác thải sinh hoạt của công nhân bị vứt bừa bãi ra bên ngoài sẽ gây ảnh hưởng xấu đến đời sống của người dân
		Sự gián đoạn của các dịch vụ tiện ích	Gián đoạn hoạt động nông nghiệp trong quá trình xây dựng Giảm thu nhập do hoạt động canh tác bị gián đoạn trong quá trình xây dựng
		An toàn giao thông	Ảnh hưởng đến sự an toàn của người tham gia giao thông
		An toàn phòng chống cháy nổ	Các phương tiện, máy móc sử dụng có thể gây ra sự cố cháy nổ Kéo điện sinh hoạt và thi công cũng là nguyên nhân gây ra sự cố - Theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy
		Tác động đến thảm thực bì và tài nguyên sinh thái	Phục hồi các khu vực bị ảnh hưởng sau khi xây dựng

STT	Các hoạt động	Khía cạnh môi trường	Các tác động môi trường tiềm ẩn
		An toàn cho người lao động và cộng đồng	Lưu lượng giao thông cao hơn Không có biển cảnh báo về độ sâu của ao, cũng như biện pháp an toàn về khả năng xảy ra đuối nước nguy hiểm đến tính mạng. Không tuân thủ các yêu cầu về bảo hộ lao động, an toàn lao động
		Quan hệ với cộng đồng địa phương	Mối quan hệ không tốt/hòa đồng giữa nhà thầu xây dựng và người dân địa phương sẽ dẫn đến những hiểu lầm không đáng có.
		Thủ tục nếu phát hiện tài sản/di sản văn hóa	Trong quá trình khai quật hoặc xây dựng, đã phát hiện ra các địa điểm khảo cổ, địa điểm có giá trị lịch sử, tàn tích và đồ vật, bao gồm cả các khu mộ và/hoặc các ngôi mộ đơn lẻ.
		Quy trình rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh	Bom mìn chưa nổ có thể gây nguy hiểm đến tính mạng con người (Ví dụ: Bom mìn chưa nổ còn sót lại trong chiến tranh)
		Phòng chống COVID-19	Dịch COVID-19 nói riêng và các bệnh khác nói chung có thể gây ra những bất lợi trong quá trình thi công

ESMP này cung cấp thông tin chi tiết về những rủi ro môi trường và xã hội tiềm ẩn và đưa ra các biện pháp giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn bao gồm cả thời gian và trách nhiệm của các bên liên quan đối với các hoạt động giảm thiểu.

Căn cứ vào bản chất của các tác động liên quan đến các hoạt động của dự án cũng như phạm vi địa lý của các hoạt động, nội dung chính của ESMP đưa ra các phương pháp, biện pháp quản lý các vấn đề về môi trường và xã hội được áp dụng trong quá trình triển khai dự án. Điều này là cơ sở để phát triển các Kế hoạch hoạt động hiện trường cụ thể địa điểm, thiết kế thi công và các vấn đề về quản lý rủi ro môi trường và xã hội, kế hoạch này sẽ là tài liệu đi kèm theo ESMP. (Mẫu Kế hoạch hoạt động hiện trường bao gồm Sơ đồ địa điểm, sơ đồ thiết kế thi công được thể hiện tại Phụ lục 2). Kế hoạch hiện trường sẽ được hoàn thiện dần trong quá trình thực hiện dự án, cụ thể ngay sau khi xác định được người hưởng lợi thì việc lựa chọn địa điểm thi công và thiết kế thi công được hoàn thành. Lúc này, Kế hoạch hoạt động hiện trường sẽ được đính kèm với ESMP. Tất cả các kế hoạch hiện trường cho từng khu vực (phạm vi cấp xã) sẽ được UNDP xem xét và thông qua.

ESMP được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội liên quan đến các hoạt động xây dựng của dự án. ESMP đã được thiết kế để giảm thiểu tất cả các rủi ro dự kiến có thể xảy ra trong quá trình thi công xây dựng.

Để hỗ trợ các thành viên tham gia dự án xác định các tác động tiềm ẩn của từng địa điểm thi công cụ thể và áp dụng các biện pháp giảm thiểu thích hợp (các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và xã hội đã được nêu trong Phần V (Bảng 13)). Các biện pháp giảm thiểu này đã được trình bày chi tiết dưới các tiêu đề thích hợp theo từng bản chất của các tác động.

Các nhà thầu xây dựng thực hiện các hoạt động trong Bảng 3, cần phải chuẩn bị các Kế hoạch Nhà thầu Xây dựng cụ thể thể hiện cách họ sẽ đáp ứng các yêu cầu của ESMP cũng như Kế hoạch hoạt động hiện trường tại các địa điểm thi công do họ quản lý.

Quy trình sàng lọc cấp hiện trường và việc xây dựng Kế hoạch hoạt động hiện trường của Cán bộ Môi trường và Xã hội (ESS) của PPMU được mô tả như sau:

- Tiến hành sàng lọc địa điểm thi công theo danh sách sàng lọc SESP tại mỗi xã và báo cáo cho PPMU;
- Xây dựng Kế hoạch hoạt động hiện trường;
- Đảm bảo đại diện cho PPMU đã lồng ghép ESMP (và Kế hoạch hoạt động hiện trường) vào các thiết kế kỹ thuật chi tiết và hồ sơ đấu thầu thi công các công trình cũng như hợp đồng được ký giữa PPMU và nhà thầu;
- Đảm bảo PPMU thực hiện đúng trách nhiệm được quy định trong ESMP và giám sát điều khoản tham chiếu (TOR), các tài liệu đấu thầu và hợp đồng cho Tư vấn Giám sát Xây dựng (CSC) và Tư vấn Quản lý Môi trường Nội bộ (IEMC);
- Cung cấp thông tin đầu vào phù hợp cho quá trình lựa chọn tư vấn;
- Xem xét các báo cáo do CSC và IEMC đệ trình;
- Tiến hành kiểm tra thực địa định kỳ;
- Giúp PPMU về các giải pháp xử lý các vấn đề xã hội và cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM) của tiểu dự án; Và
- Chuẩn bị phần giám sát môi trường và xã hội, tiến độ và chuẩn bị các báo cáo để nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE)/Phòng Tài nguyên và Môi trường ở cấp Huyện/UBND xã (theo các quy định của Chính Phủ) và CPO, UNDP.

Những yêu cầu này sẽ được quy định rõ ràng trong hồ sơ mời thầu được phát hành để lựa chọn nhà thầu xây dựng, và các nhà thầu sẽ được yêu cầu đưa vào hồ sơ dự thầu của họ. Các yêu cầu này cũng sẽ được quy định trong tất cả các hợp đồng ký kết với nhà thầu thi công. Trước khi tiến hành thi công, các Kế hoạch của Nhà thầu xây dựng sẽ được xem xét, phê duyệt và kiểm tra theo yêu cầu được nêu chi tiết trong ESMP này,

Các nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm thực hiện ESMP trong quá trình thi công và có các hành động thích hợp khi cần thiết:

- Kế hoạch kiểm soát phát thải bụi, phát thải không khí, tiếng ồn và độ rung
- Nước thải - chất thải rắn - chất thải sinh hoạt của công nhân và chất thải thi công theo kế hoạch quản lý công trường.
- Kế hoạch quản lý tài nguyên sinh thái
- Kế hoạch quản lý các chất ô nhiễm bề mặt và nước ngầm, xói mòn và lũ lụt
- Kế hoạch quản lý an toàn giao thông
- Kế hoạch quản lý xã hội
- Kế hoạch quản lý an toàn và sức khỏe
- Sự tham gia của các bên liên quan (cộng đồng địa phương).

Để đánh giá hiệu quả của quá trình quản lý môi trường, cần phải lồng ghép các hoạt động với một chương trình giám sát có hệ thống. ESMP này cũng đề cập đến việc giám sát, báo cáo, xem xét và cập nhật sẽ diễn ra như thế nào.

2. KHUNG PHÁP LÝ VÀ THỂ CHẾ CHO CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

2.1 PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH VÀ QUY ĐỊNH

Các quy định chính sau đây có liên quan đến dự án:

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013)
- Luật Đất đai (2014) sửa đổi bổ sung (2020).
- Luật Khí tượng thủy văn (2018).
- Luật Thủy lợi (2017)
- Luật Phòng chống thiên tai (2013)
- Luật Tài nguyên nước (2013)
- Luật Bảo vệ Môi trường (2020)
- Luật Trưng mua và Trưng dụng tài sản (2008)
- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng (2017)
- Luật Quy hoạch đô thị (2020)
- Luật Đa dạng sinh học (2018)
- Luật Hợp tác xã (2012)
- Luật Tài nguyên nước (2012)
- Luật Bình đẳng giới (2007)

Các chính sách và chiến lược sau đây có liên quan đến dự án:

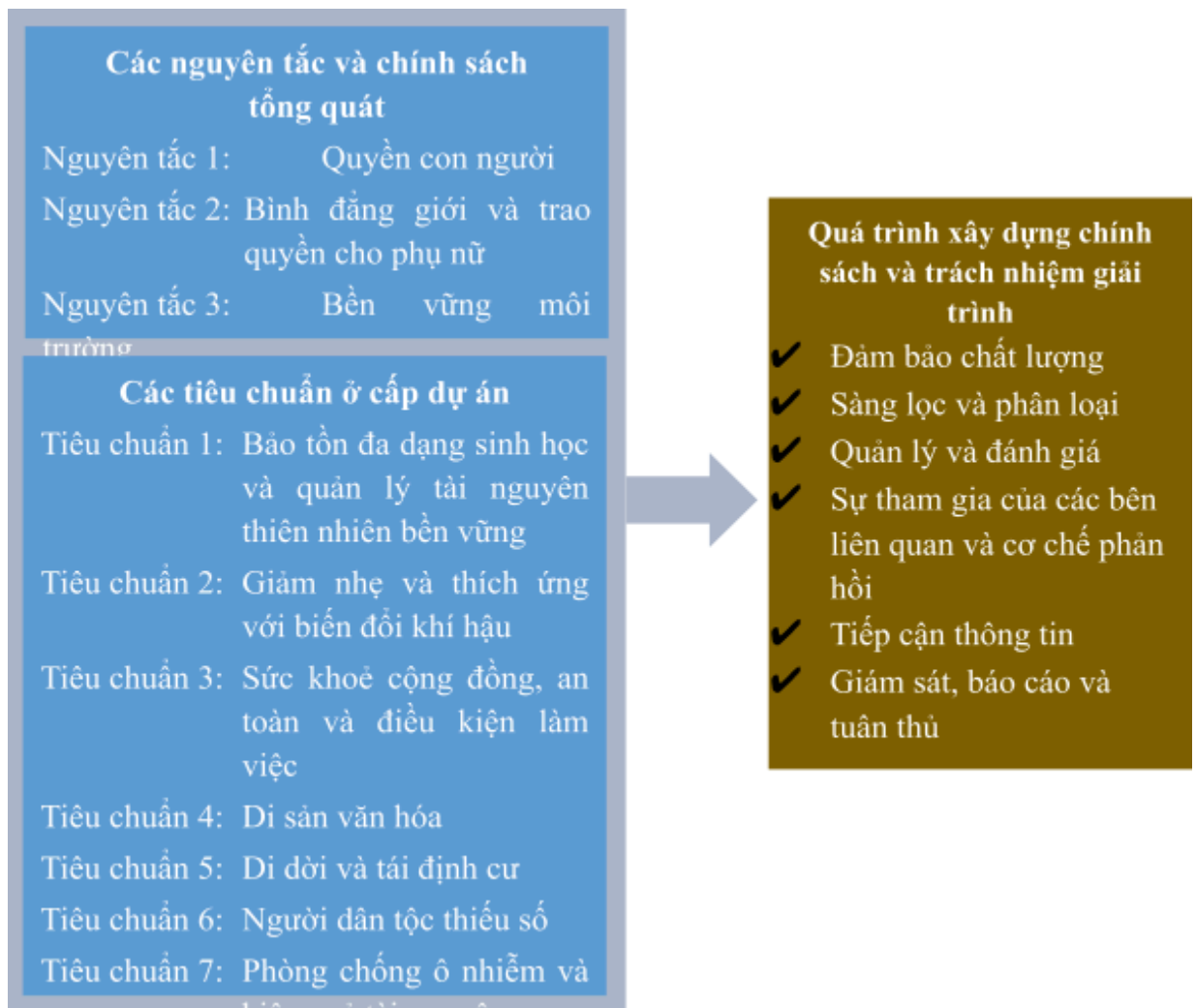
- Chiến lược Quốc gia về Bảo vệ Môi trường (NSEP) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (2012).
- Chiến lược và Kế hoạch hành động quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020 (2013)
- Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 được phê duyệt năm 2011
- Chiến lược Khoa học và Công nghệ trong Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2012)
- Chiến lược tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030
- Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030
- Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội 10 năm (SEDS) và Kế hoạch Phát triển Kinh tế - Xã hội 5 năm (SEDPs).
- Kế hoạch hành động quốc gia về thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững (2017)
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTP NRD) 2016-2020
- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTP SPR) 2016-2020
- Chiến lược phát triển chăn nuôi (2008)
- Kế hoạch tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế 2013-2020
- Quy hoạch tổng thể phát triển nuôi trồng thủy sản (2013)
- Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025
- Kế hoạch phát triển hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2021-2025
- Kế hoạch hành động phát triển tưới tiên tiến và tiết kiệm nước cho cây trồng cạn để hỗ trợ tái cơ cấu ngành tài nguyên nước giai đoạn 2015-2020 và định hướng 2021-2025.
- Thông tư số 34.2017TT-BTNMT về quy định thu hồi và xử lý sản phẩm thải bỏ
- Thông tư 19/2021/TT-BNNPTNT Danh mục thực phẩm bảo vệ được phép sử dụng, Danh mục thực vật được bảo vệ sử dụng
- Quyết định số 255/QĐ-TTg, ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025
- Nghị định 09/VBHN-BTNMT ngày 25.10.2019 về Quản lý chất thải và phế liệu
- Nghị định Quy định Đánh giá Môi trường Chiến lược, Đánh giá Tác động Môi trường và Cam kết Bảo vệ Môi trường
- Nghị định 38.2015VBHN-BTNMT ngày về Quản lý chất thải và phế liệu

2.2. SO SÁNH SES CỦA UNDP VÀ SPS CỦA ADB

Các Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội (SES) của UNDP cam kết lồng ghép tính bền vững về xã hội và môi trường trong các chương trình và dự án để hỗ trợ phát triển bền vững. Các mục tiêu của SES là:

- Tăng cường chất lượng chương trình bằng cách đảm bảo phương pháp tiếp cận có nguyên tắc
- Tối đa hóa các cơ hội và lợi ích xã hội và môi trường
- Tránh tác động xấu đến con người và môi trường
- Giảm thiểu tối đa và quản lý các tác động bất lợi khi không thể tránh được
- Tăng cường năng lực của UNDP và đối tác để quản lý rủi ro xã hội và môi trường
- Đảm bảo sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan, bao gồm thông qua cơ chế phản hồi khiếu nại của những người bị ảnh hưởng bởi dự án.

SES là một thành phần không thể thiếu trong chương trình đảm bảo chất lượng và quản lý rủi ro của UNDP. Điều này bao gồm Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường cấp dự án (SESP). Sàng lọc và phân loại các dự án là một trong những yêu cầu chính của Tiêu chuẩn môi trường và xã hội (SES). Các yếu tố chính của Tiêu chuẩn xã hội và môi trường (SES) của UNDP được thể hiện trong hình dưới đây.



**Hình 3 Các yếu tố chính trong Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội của UNDP (SES),
UNDP 2015**

Các mục tiêu của Quy trình sàng lọc xã hội và môi trường (SESP) của UNDP là:

- Tích hợp các Nguyên tắc chương trình SES để tối đa hóa các cơ hội và lợi ích về môi trường và xã hội, đồng thời tăng cường tính bền vững về xã hội và môi trường.
- Xác định các rủi ro xã hội và môi trường tiềm ẩn và tầm quan trọng của chúng.
- Xác định loại rủi ro của dự án (Thấp, Trung bình, Đáng kể, Cao); Và,
- Xác định mức độ đánh giá và quản lý xã hội và môi trường cần thiết để giải quyết các rủi ro và tác động tiềm tàng.

Dự án đã được sàng lọc theo Quy trình Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội của UNDP. Đánh giá rủi ro tác động được thực hiện bằng cách sử dụng Quy trình sàng lọc Môi trường và Xã hội của UNDP để đánh giá xác suất (dự kiến, rất có thể xảy ra, có khả năng vừa phải, không có khả năng xảy ra) và tác động của rủi ro (nghiêm trọng, nghiêm trọng, trung bình, nhỏ, không đáng kể). Từ đó, dự án được coi là dự án có rủi ro vừa phải (Loại B). Các cuộc thảo luận về đánh giá tác động được cung cấp trong mẫu Sàng lọc Môi trường và Xã hội và SESP của UNDP, cung cấp cơ sở lý luận cho việc phân loại dự án là rủi ro vừa phải.

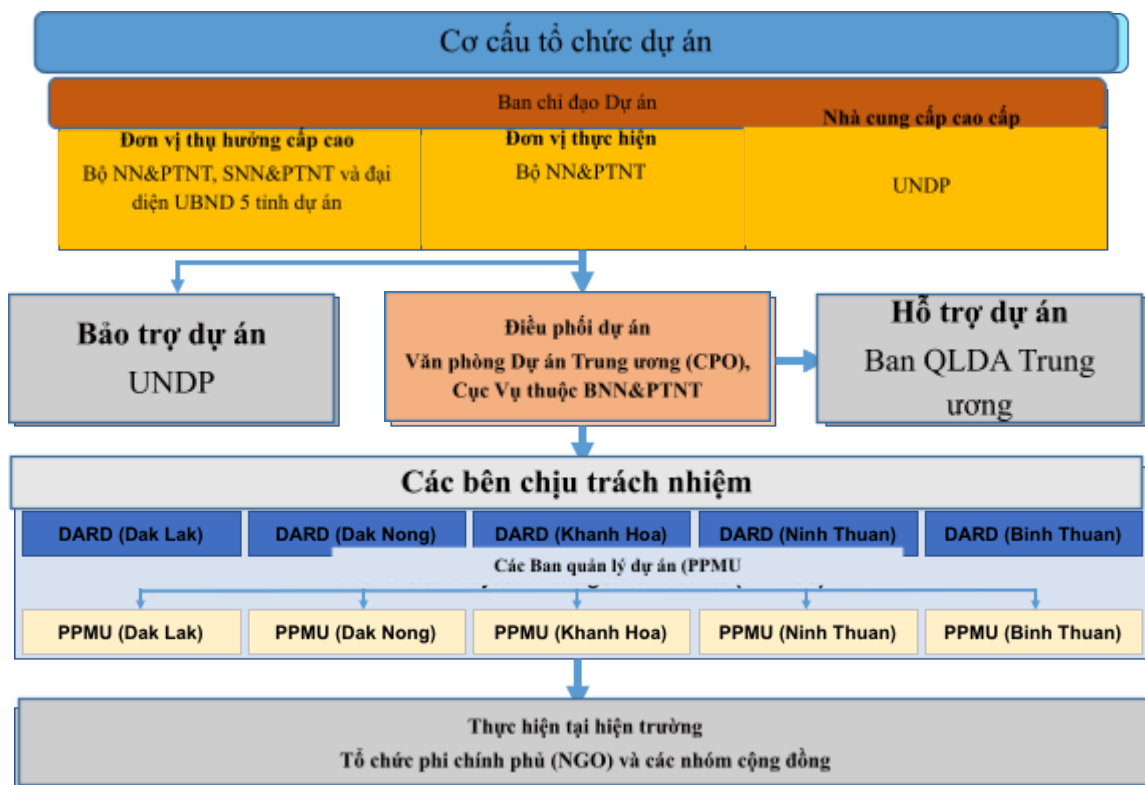
3. THỰC HIỆN VÀ VẬN HÀNH

3.1. CƠ CẤU QUẢN LÝ CHUNG VÀ TRÁCH NHIỆM

Cơ quan quản lý quốc gia thực hiện dự án này là Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD). Trong Bộ NN&PTNT, 'Văn phòng Dự án Trung ương' (CPO) được giao nhiệm vụ điều phối dự án.

Trách nhiệm thực hiện trên phạm vi quốc gia được giao cho Ban Quản lý Dự án Trung ương (CPMU) thuộc CPO của Bộ NN & PTNT, trong khi ở các tỉnh, việc thực hiện được giao cho Ban Quản lý Dự án tỉnh (PPMUs)

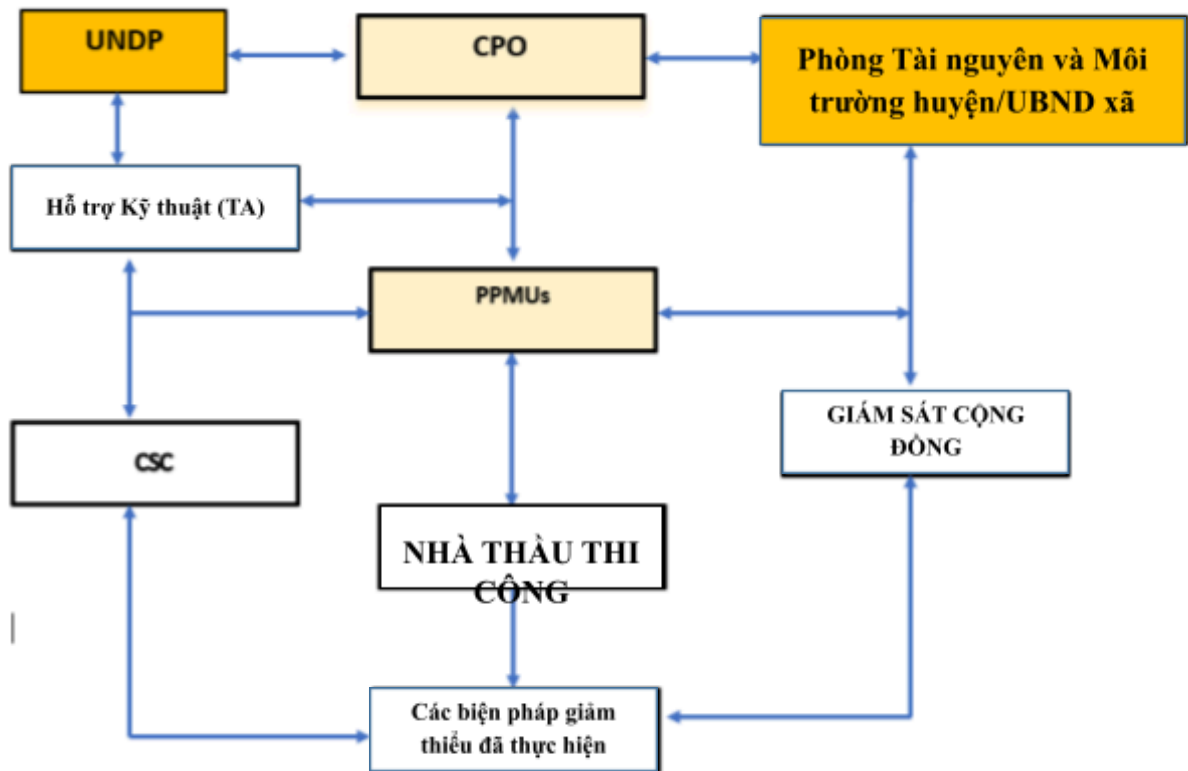
Cơ cấu tổ chức dự án như trong Hình 4. Dự án này được sắp xếp như một dự án ô theo thuật ngữ quản lý ODA của chính phủ Việt Nam.



Hình 4: Cấu trúc tổ chức dự án

Tương ứng với cơ cấu tổ chức Dự án, sơ đồ tổ chức thực hiện ESMP được thể hiện như sau trong Hình 4. Mối liên hệ của những người đầu mối phụ trách các vấn đề về chính sách an toàn trong mỗi tổ chức được nêu trong Bảng 1

Hình 4 có thể áp dụng cho các dự án xây dựng, cho thấy cách tổ chức thực hiện ESMP, cùng với kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (C-ESMP) cụ thể tại địa điểm do các nhà thầu xây dựng



Hình 5: Sơ đồ Tổ chức Thực hiện ESMP

3.2. QUẢN LÝ KẾ HOẠCH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Hình 4 ở trên trình bày cấu trúc thực hiện ESMP. Là cơ quan thực hiện, Bộ NN&PTNT chịu trách nhiệm đảm bảo việc thực hiện ESMF và ESMP thông qua các tổ chức thực hiện trực tiếp.

Để đảm bảo thực hiện hiệu quả ESMP, các hành động sau sẽ được thực hiện:

Trong quá trình thiết kế chi tiết và chuẩn bị hồ sơ mời thầu/hợp đồng cho từng gói thầu thuộc hoạt động 1.2.1 và 1.3.1, tư vấn thiết kế kỹ thuật chi tiết sẽ kết hợp các biện pháp giảm thiểu và trách nhiệm giám sát được cung cấp trong ESMP cùng với bất kỳ yêu cầu nào khác vào kỹ thuật chi tiết thiết kế và tài liệu mua sắm tiêu chuẩn và tài liệu hợp đồng. Các PPMU sẽ thông báo cho các nhà thầu về các yêu cầu bảo vệ dự án và yêu cầu họ cam kết tuân thủ. Giám sát chặt chẽ sẽ được đảm bảo từ các PPMU.

Trách nhiệm của các bên liên quan sẽ được trình bày như dưới đây trong 3.2.1:

3.2.1. Trách nhiệm của các bên liên quan

Các PPMU sẽ chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện tiểu dự án tổng thể, bao gồm cả việc tuân thủ môi trường của tiểu dự án. Các PPMU sẽ chịu trách nhiệm cuối cùng về việc thực hiện ESMP và hiệu quả môi trường của tiểu dự án trong giai đoạn xây dựng và vận hành. Cụ thể, PPMU sẽ:

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương với sự tham gia của cộng đồng trong quá trình chuẩn bị và thực hiện tiểu dự án;

Theo dõi và giám sát việc thực hiện ESMP, việc kết hợp ESMP vào các thiết kế kỹ thuật chi tiết và các tài liệu đấu thầu và hợp đồng;

Đảm bảo rằng hệ thống quản lý môi trường được thiết lập và hoạt động đúng chức năng;

Phụ trách báo cáo về việc thực hiện ESMP cho Sở TNMT/Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp Huyện nếu liên quan và UNDP.

Để đảm bảo tính hiệu quả trong quá trình thực hiện, **các PPMU sẽ cử (các) Cán bộ Môi trường (ES)** – địa chỉ liên hệ của các cán bộ/cán bộ này có thể tìm thấy trong Bảng 1 - để trợ giúp về các khía cạnh môi trường của tiểu dự án. ES chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện ESMP này và tiểu dự án C-ESMP nếu cần thiết. Sự cần thiết của C-ESMP sẽ được xác định bằng việc sàng lọc địa điểm. Cụ thể, ES sẽ chịu trách nhiệm:

Đảm bảo PPMU kết hợp ESMP vào thiết kế kỹ thuật chi tiết và các tài liệu đấu thầu và hợp đồng thi công;

Đảm bảo PPMU kết hợp trách nhiệm đối với ESMP và giám sát trong các TOR, hồ sơ đấu thầu và hợp đồng với Tư vấn giám sát xây dựng (CSC) và tư vấn chính sách an toàn khác (IEMC) khi cần thiết;

Cung cấp thông tin đầu vào trong quá trình lựa chọn nhà tư vấn;

Xem xét các báo cáo do CSC và các chuyên gia chính sách an toàn trình;

Tiến hành kiểm tra địa điểm định kỳ;

Giúp PPMU về các giải pháp xử lý các vấn đề xã hội của TDA; và

Viết phần thực hiện môi trường và xã hội về tiến độ và báo cáo đánh giá để trình nộp cho Sở TNMT/Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và CPO và UNDP.

Về phía **Nhà thầu**, dựa trên các thông số kỹ thuật về môi trường (ECOP) đã được phê duyệt trong hồ sơ mời thầu và hợp đồng, Nhà thầu có trách nhiệm thiết lập một C-ESMP cho từng khu vực công trường, trình kế hoạch cho PPMU và CSC để xem xét và phê duyệt trước khi bắt đầu thi công. Việc nhà thầu cung cấp số liệu quan trắc môi trường tại công trường được coi là công cụ đánh giá định lượng chất lượng môi trường xung quanh công trường.

CSC (Tư vấn Giám sát Xây dựng) và **(Các) Cán bộ Môi trường và Xã hội** sẽ được nhà thầu chỉ định và chịu trách nhiệm giám sát và giám sát thường xuyên tất cả các hoạt động xây dựng và đảm bảo rằng Nhà thầu tuân thủ các yêu cầu của hợp đồng và ECOP. Cụ thể hơn, CSC sẽ tuyển đủ số lượng cán bộ đủ năng lực (ví dụ: Kỹ sư Môi trường) có đầy đủ kiến thức về bảo vệ môi trường và quản lý tiểu dự án xây dựng để thực hiện các nhiệm vụ được yêu cầu và giám sát hoạt động của Nhà thầu và hỗ trợ thêm PPMU trong việc báo cáo và duy trì sự phối hợp chặt chẽ với cộng đồng địa phương. **(Các) Cán bộ Xã hội Môi trường** sẽ chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu Môi trường và Xã hội được đề xuất trong ESMP.

Nhà thầu cũng được yêu cầu chỉ định một cá nhân có năng lực làm **Cán bộ An toàn và Môi trường tại chỗ (SEO)** của nhà thầu, chịu trách nhiệm giám sát việc tuân thủ của nhà

thầu đối với các yêu cầu về sức khỏe và an toàn, các yêu cầu của ESMP và các đặc điểm kỹ thuật về môi trường (ECOP). SEO có những trách nhiệm sau:

Thực hiện các hành động để giảm thiểu tất cả các tác động tiêu cực tiềm ẩn phù hợp với mục tiêu được mô tả trong ESMP.

Tiến hành sàng lọc địa điểm, báo cáo với PPMU để xác định xem có cần C-ESMP hay không.

Tích cực giao tiếp với cư dân địa phương và có các hành động để ngăn chặn sự xáo trộn trong quá trình xây dựng.

Đảm bảo rằng tất cả cán bộ và công nhân hiểu rõ quy trình và nhiệm vụ của họ trong chương trình quản lý môi trường.

Báo cáo với PPMU và CSC về bất kỳ khó khăn nào và giải pháp của họ.

Báo cáo với chính quyền địa phương và PPMU và CSC nếu tai nạn môi trường xảy ra và phối hợp với các cơ quan và các bên liên quan chính để giải quyết các vấn đề này.

Cộng đồng địa phương: Theo thông lệ, cộng đồng có quyền và trách nhiệm thường xuyên giám sát hoạt động môi trường trong quá trình xây dựng để đảm bảo rằng họ nhà thầu và BQLDA đảm bảo các quyền và sự an toàn và tiến hành các biện pháp giảm thiểu. Nếu có sự cố, sẽ được báo cáo CSC và các PPMU

UBND tỉnh, Sở TNMT và UBND huyện: Giám sát việc thực hiện tiêu dự án theo khuyến nghị của Sở TNMT/Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện và các PPMU để đảm bảo tuân thủ các chính sách và quy định của Chính phủ. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm theo dõi việc tuân thủ các yêu cầu về môi trường của Chính phủ.

3.2.2 Kế hoạch hoạt động hiện trường

Kế hoạch hoạt động hiện trường sẽ được xây dựng bởi ESS của PPMU dựa trên các yêu cầu của ESMP này. Các Sơ đồ Địa điểm sẽ bao gồm các chi tiết cần thiết cho địa điểm hoặc hoạt động cụ thể và được yêu cầu tuân theo đối với tất cả các công trình xây dựng; điều này sẽ được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ hợp đồng thi công xây dựng.

Các kế hoạch hoạt động hiện trường được xây dựng theo cấp xã sẽ bao gồm thông tin về kết quả của quá trình sàng lọc, thông tin kinh tế xã hội của xã, sự hiện diện của dân tộc thiểu số và các rủi ro liên quan, sự hiện diện của các địa điểm được bảo vệ, kết quả tham vấn cộng đồng, địa điểm thực hiện thi công xây dựng và các rủi ro liên quan cũng như các biện pháp giảm thiểu. Mẫu kế hoạch hoạt động thực địa được cung cấp trong Phụ lục 2.

Quy trình đảm bảo an toàn môi trường của các hoạt động được thể hiện trong Hình 4.

3.2.3 Báo cáo sự cố môi trường

Đối với bất kỳ sự cố bao gồm các hành động không tuân thủ đối với quy trình ESMP cần phải ghi chép lại chi tiết vào sổ theo dõi. Đối với bất kỳ sự cố nào gây ra hoặc có khả

năng gây ra tác hại môi trường nghiêm trọng, Cán bộ hiện trường phải thông báo cho Giám đốc dự án càng sớm càng tốt. Tổ chức/nhà thầu trực tiếp thực hiện phải ngừng công việc cho đến khi hoàn thành việc khắc phục theo sự chấp thuận của PPMU.

3.2.4 Danh sách kiểm tra môi trường hàng ngày và hàng tuần

Cán bộ hiện trường chịu trách nhiệm sẽ hoàn thành danh sách kiểm tra môi trường hàng ngày tại mỗi địa điểm làm việc và duy trì việc ghi nhật ký công trường. Một danh sách kiểm tra môi trường hàng tuần sẽ được hoàn thành và sẽ bao gồm tham chiếu đến bất kỳ vấn đề nào được xác định trong danh sách kiểm tra hàng ngày do các cán bộ hiện trường hoàn thành. Danh sách kiểm tra đã hoàn thành sẽ được chuyển đến PPMU/SNN&PTNT để xem xét và theo dõi nếu có bất kỳ vấn đề nào được xác định.

3.2.5 Hành động sửa đổi

Mọi trường hợp không tuân thủ ESMP đều phải được ghi nhận trong các đợt kiểm tra môi trường hàng tuần và ghi vào nhật ký công trường. Tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của sự không tuân thủ, Cán bộ hiện trường có thể chỉ định hành động khắc phục trong báo cáo kiểm tra hiện trường hàng tuần. Tiến trình của tất cả các hành động khắc phục sẽ được theo dõi qua nhật ký công trường. Bất kỳ sự không tuân thủ nào và vấn đề về các hành động khắc phục phải được thông báo cho PPMU/SNN&PTNT.

3.2.6 Rà soát và đánh giá

ESMP là một tài liệu mở để xem xét và cập nhật thường xuyên do:

Thay đổi đáng kể trong dự án, ví dụ cơ cấu tổ chức hoặc thay đổi bối cảnh địa phương;
Có những thay đổi liên quan đến điều kiện môi trường hoặc các thông lệ môi trường được chấp nhận chung;

Các rủi ro môi trường mới hoặc chưa được xác định trước đó được xác định;

Thông tin thu nhận được các phương pháp giám sát và theo dõi dự án chỉ ra rằng các biện pháp kiểm soát hiện tại cần phải sửa đổi để có hiệu quả;

Có những thay đổi đối với luật môi trường liên quan đến dự án; hoặc

Có yêu cầu của cơ quan quản lý có liên quan;

Mọi thay đổi phải được xây dựng và thực hiện với sự tham vấn của Cán bộ UNDP và Phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện.

Khi có cập nhật, các cán bộ trên công trường cần phải được thông báo về việc điều chỉnh càng sớm càng tốt, qua các cuộc họp hoặc bằng văn bản.

Để quản lý ESMP liên tục trong suốt thời gian của chương trình, người quản lý chính sách môi trường và xã hội và tư vấn chính sách môi trường và xã hội hỗ trợ quản lý tổng hợp theo ngành dọc các hoạt động ESMP và để đảm bảo chúng tiếp tục phù hợp với các mục tiêu chương trình và hoạt động có thể thay đổi sau khi bắt đầu thực hiện chương trình. Các tài liệu ESMP sẽ được xem xét hàng năm hoặc trong các sự kiện nói trên.

3.2.7 Giám sát, đánh giá và báo cáo

Giám sát việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu

Việc giám sát hàng ngày sẽ được thực hiện dưới sự điều phối của nhóm môi trường do Nhà thầu thành lập.

Các hoạt động xây dựng không chỉ tuân thủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm theo hợp đồng mà còn tuân theo luật bảo vệ môi trường và kiểm soát ô nhiễm của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Nhà thầu phải trình tất cả các báo cáo về phương pháp thi công cho CSC và PPMU để phê duyệt để xem liệu các chính sách an toàn môi trường và kiểm soát ô nhiễm đã được đưa vào hay chưa. CSC và PPMU cũng sẽ xem xét tiến độ và chương trình của các công việc để xác nhận các luật môi trường liên quan không bị vi phạm và mọi khả năng vi phạm luật có thể được ngăn chặn. Cán bộ Môi trường sẽ hoàn thành việc này đồng thời với danh mục các chính sách an toàn.

Các hoạt động giám sát bao gồm:

Giám sát tuân thủ

- Khi tất cả các yêu cầu về chính sách an toàn được đáp ứng theo các tuyên bố về chính sách bảo trợ;
- Xây dựng và cập nhật danh sách kiểm tra thông tin và dữ liệu khách hàng tiềm năng cần thu thập trong quá trình thực hiện;

Giám sát chất lượng là bắt buộc

- Để đánh giá tính đầy đủ, phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của việc thực hiện ESMP;
- Bao gồm các biến số giám sát;

Việc giám sát tuân thủ sẽ do PPMU và tư vấn giám sát xây dựng (CSC) thực hiện thường xuyên. PPMU và CSC sẽ chịu trách nhiệm giám sát hàng ngày việc tuân thủ của nhà thầu đối với các biện pháp giảm thiểu đã thỏa thuận. Kết quả sẽ được phản ánh trong báo cáo tiến độ tháng.

Chính quyền địa phương và cộng đồng sẽ thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định của Chính phủ, Nghị định số 84/2015/NĐ-CP - Quy chế giám sát đầu tư của cộng đồng. Ngoài ra, Cán bộ Môi trường của nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm giám sát hàng ngày về an toàn lao động và vệ sinh môi trường trên công trường và báo cáo cho PPMU và CSC.

Kế hoạch giám sát chi tiết sẽ được lập trong giai đoạn thiết kế.

Bất kỳ sự cố nào được phát hiện trong các đợt kiểm tra này sẽ được ghi lại và đưa vào báo cáo tháng. CPO và UNDP sẽ được thông báo ngay lập tức về bất kỳ sự cố hoặc tai nạn nào liên quan đến Dự án có hoặc có khả năng gây ảnh hưởng xấu đáng kể đến môi trường, cộng đồng bị ảnh hưởng, công chúng hoặc người lao động bao gồm nhưng không giới hạn ở; các sự cố, tai nạn gặp phải trong quá trình thi công xây dựng, sự cố tràn môi trường, v.v. Sự cố hoặc tai nạn sẽ được mô tả đầy đủ chi tiết và đi cùng với các biện pháp

hoặc hành động khắc phục ngay lập tức được thực hiện hoặc được lên kế hoạch thực hiện để giải quyết vấn đề đó, khoản bồi thường được thanh toán và bất kỳ thông tin nào được cung cấp bởi bất kỳ nhà thầu và tư vấn giám sát nào, nếu thích hợp. Báo cáo sự cố được đảm bảo là phù hợp với các chính sách GCF/UNDP. Tất cả các sự kiện và sự không tuân thủ sẽ được báo cáo theo các tiêu chuẩn của dự án như được mô tả trong ESMP.

Kế hoạch giám sát trong giai đoạn thi công được trình bày như sau:

Bảng 5: Kế hoạch giám sát môi trường trong giai đoạn thi công

Môi trường	Địa điểm	Tần suất	Các thông số cần theo dõi	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia áp dụng
Giám sát xói mòn, sụt lún, nứt nẻ	Tất cả các công trường	Trong quá trình thi công	Giám sát các vị trí đào và lấp đất	Nghị định 15/2013/NĐ-CP quản lý chất lượng công trình xây dựng
Giám sát sự cố/rủi ro môi trường	Tất cả các công trường	Trong quá trình thi công	Trường hợp xảy ra sự cố môi trường (tức là nếu ngẫu nhiên xả nước thải theo dòng nước đến tầng chứa nước)	Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình. Thông tư 08/2017/TT-BXD quản lý chất thải xây dựng

Bảng 6: Kế hoạch giám sát môi trường trong giai đoạn thi công

STT	Hình thức	Địa điểm	Tần suất	Cơ sở
Theo dõi sức khỏe				
1	Vệ sinh môi trường	Công trường - Khu lán trại công nhân - Khu vực tập kết vật liệu	Hàng ngày	- Số lượng và điều kiện của dụng cụ làm sạch - Hộp sơ cứu - Công trình y tế - Số ca lây nhiễm và ô nhiễm - Kế hoạch truyền thông về sức khỏe cộng đồng

2	An toàn lao động	Công trường - Khu cắm trại dành cho công nhân	Hàng ngày	- PPE (thiết bị bảo hộ cá nhân) - Biển báo an toàn - Số vụ tai nạn
---	------------------	--	-----------	--

Việc nhà thầu cung cấp số liệu quan trắc môi trường tại công trường được coi là công cụ đánh giá định lượng chất lượng môi trường xung quanh công trường. Từ đó, tư vấn giám sát thi công yêu cầu bổ sung hoặc thay đổi biện pháp thi công và các biện pháp giảm thiểu để giảm thiểu tác động đến xã hội và môi trường.

Tổ chức thực hiện báo cáo

Các yêu cầu báo cáo ESMP được tóm tắt trong Bảng sau:

Bảng 7: Yêu cầu lập báo cáo thường xuyên

STT	Người lập báo cáo	Đệ trình lên	Tần suất báo cáo
1	Nhà thầu trình Chủ đầu tư	Các PPMU	Nhà thầu có nghĩa vụ báo cáo (Một số vấn đề cần báo cáo ngay, và phần lớn cần báo cáo theo tháng) cho CSC
2	Tư vấn giám sát thi công (CSC)	PPMU	CSC được yêu cầu báo cáo (ngay lập tức hoặc tháng) cho người sử dụng lao động hàng tuần và hàng tháng
3	Giám sát cộng đồng	PPMU	Khi cộng đồng có bất kỳ phàn nàn nào về việc thực hiện các chính sách an toàn của tiểu dự án
4	Các PPMU	CPO	PPMU được yêu cầu báo cáo cho CPO sáu tháng một lần theo quy định của Chính phủ
5	CPO	UNDP	CPO được yêu cầu báo cáo cho UNDP sáu tháng một lần theo PIM

Báo cáo của PPMU về hiệu quả/tuân thủ môi trường của tiểu dự án phải được đưa vào báo cáo tiến độ được đệ trình cho CPO và UNDP trước mỗi nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện tiểu dự án và phải bao gồm đầy đủ thông tin về:

- i) Chuẩn bị và công bố các công cụ bảo vệ môi trường cho các tiểu dự án;
- ii) Kết hợp các ESMP của tiểu dự án mới trong các tài liệu đấu thầu và hợp đồng;
- iii) Theo dõi và giám sát việc thực hiện ESMP của nhà thầu, kỹ sư giám sát thi công và các PC;
- iv) Bất kỳ trở ngại nào trong việc thực hiện biện pháp chính sách an toàn, các giải pháp và bài học kinh nghiệm.

3.3. ĐÀO TẠO

Các tổ chức thực hiện trực tiếp có trách nhiệm đảm bảo có đầy đủ các hệ thống để các cán bộ, nhà thầu và những người lao động khác có liên quan nhận thức được các yêu cầu về môi trường và xã hội đối với việc thi công, và ESMP.

Tất cả cán bộ dự án sẽ tham dự một buổi giới thiệu bao gồm các yêu cầu về sức khỏe, an toàn, môi trường và văn hóa.

Mọi công nhân tham gia vào bất kỳ hoạt động nào có khả năng gây tổn hại đến môi trường nghiêm trọng (ví dụ: xử lý các vật liệu nguy hiểm) sẽ được đào tạo về môi trường theo nhiệm vụ cụ thể.

Các chương trình đào tạo được đề xuất

Bảng 8: Chương trình đào tạo nâng cao năng lực về quản lý và giám sát môi trường

I. Loại 1	Ban Quản lý Tiểu Dự án Tỉnh (PPMU)
Khóa đào tạo	Giám sát, quan trắc và báo cáo môi trường
Người tham dự	Cán bộ môi trường và cán bộ kỹ thuật
Tần suất đào tạo	Ngay sau khi tiểu dự án có hiệu lực nhưng ít nhất 1 tháng trước khi thi công hợp đồng đầu tiên. Việc đào tạo tiếp theo sẽ được lên lịch khi cần thiết.
Thời gian	Bốn ngày đào tạo, hai lần một năm, được lặp lại hàng năm
Nội dung	Quản lý môi trường chung liên quan đến tiểu dự án bao gồm các yêu cầu của GCF/UNDP, hợp tác với các doanh nghiệp liên quan Yêu cầu về giám sát môi trường; Giám sát và thực hiện các biện pháp giảm thiểu; Sự tham gia của cộng đồng trong giám sát môi trường Hướng dẫn và giám sát nhà thầu, CSC và đại diện cộng đồng thực hiện giám sát môi trường. Các biểu mẫu sử dụng trong giám sát môi trường; Phản ứng và kiểm soát rủi ro; Các lĩnh vực khác cần xác định; Phương pháp tiếp nhận và gửi biểu mẫu.
Trách nhiệm	CPO, với sự hỗ trợ của nhóm Hỗ trợ kỹ thuật, thực hiện các chính sách an toàn
II Loại 2	CSC, nhà thầu, chính quyền xã/phường, đại diện cộng đồng
Khóa đào tạo	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu
Người tham dự	CSC; đội ngũ cán bộ quản lý thi công tại chỗ; cán bộ môi trường của nhà thầu; chính quyền xã/phường/tổ
Tần suất đào tạo	Sau khi đấu thầu, cập nhật dựa trên các yêu cầu
Thời gian	Ba ngày đào tạo cho CSC và nhà thầu và hai ngày đào tạo cho những người khác cũng được lặp lại hai lần một năm trên cơ sở hàng năm tùy theo nhu cầu
Nội dung	Tổng quan về quan trắc môi trường; Yêu cầu về giám sát môi trường; Vai trò và trách nhiệm của nhà thầu và CSC Nội dung và phương pháp quan trắc môi trường; Ứng phó và kiểm soát rủi ro; Tuyên truyền các biểu mẫu giám sát và hướng dẫn cách điền các biểu mẫu, báo cáo rủi ro; Các lĩnh vực khác cần xác định; Lập và gửi báo cáo
Trách nhiệm	CPO, với sự hỗ trợ của nhóm Hỗ trợ kỹ thuật, thực hiện các chính sách an toàn

III. Loại 3	Cộng đồng và người lao động
Khóa đào tạo	OHS
Người tham dự	Đại diện của các lãnh đạo cộng đồng và/hoặc công nhân (nếu thích hợp)
Tần suất đào tạo	Khi thích hợp
Thời gian	Một ngày thuyết trình và một ngày đào tạo công việc sau một ngày làm việc mỗi năm được lặp lại tùy theo nhu cầu
Nội dung	Trình bày sơ bộ về bảo vệ môi trường và tổng quan về môi trường Các vấn đề chính đòi hỏi cộng đồng và người lao động quan tâm để giảm thiểu rủi ro về an toàn (đường xá, thiết bị, máy móc, v.v.) và giảm ô nhiễm (bụi, khí thải, tràn dầu/mỡ, quản lý chất thải, v.v.) Quản lý an toàn, vệ sinh môi trường nơi làm việc và lán trại công nhân; Các biện pháp giảm thiểu tại công trường và khu lán trại công nhân; Các biện pháp an toàn về điện, cơ khí, giao thông, ô nhiễm không khí; Các lĩnh vực khác cần xác định; Quy trình ứng phó với tình huống khẩn cấp
Trách nhiệm	Nhà thầu, PPMU

3.4 KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN

Các yêu cầu về chính sách an toàn của ESMP này phải do nhà thầu chuẩn bị và được PPMU và CPO kiểm tra như một phần của quá trình nộp hồ sơ thầu. Tất cả các tài liệu do nhà thầu đệ trình đều được thẩm định theo yêu cầu của tiểu dự án được đệ trình CPO, PPMU và CSC để đảm bảo rằng không có công việc nào được thực hiện trừ khi kỹ sư giám sát/tư vấn giám sát hài lòng rằng nhà thầu có các đề xuất phù hợp để quản lý rủi ro E&S của hoạt động phù hợp với yêu cầu của người sử dụng lao động. Bất kỳ thay đổi nào trong tài liệu phải được cán bộ môi trường và CSC chấp nhận. Các tài liệu này sẽ thường xuyên được xem xét và cập nhật

Kế hoạch giám sát chi tiết sẽ được lập trong giai đoạn thiết kế. Dự toán chi phí giám sát sẽ được bao gồm trong chi phí thực hiện ESMP. Dự toán thực hiện các hoạt động ESMP được trình bày trong bảng sau:

Mọi quan tâm của cộng đồng địa phương và các biện pháp giảm thiểu nếu có đã được lưu ý và lồng ghép vào ESMP này.

Bảng 9: Lịch trình thực hiện các hoạt động ESMP

[illegible]

STT	Mô tả	2022		2023				2024				2025			
		III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV	I	II	III	IV
3	Kế hoạch kiểm soát phát thải bụi, phát thải không khí, tiếng ồn và độ rung														
4	Kế hoạch quản lý chất thải														
5	Kế hoạch quản lý giao thông														
6	Kế hoạch quản lý sức khỏe và an toàn														
7	Báo cáo tháng														
8	Báo cáo bán niên														
II	1.3.1 . hoạt động: Xây dựng hoặc nâng cấp 1.159 ao thích ứng với khí hậu (với thiết kế tương ứng với từng địa điểm đào ao, đào 675 ao mới và nâng cấp 484 ao hiện có)														
1	Sự tham gia các bên liên quan														
2	Đào tạo														
3	Kế hoạch kiểm soát phát thải bụi, phát thải không khí, tiếng ồn và độ rung														
4	Kế hoạch quản lý chất thải														
5	Kế hoạch quản lý giao thông														
6	Kế hoạch quản lý sức khỏe và an toàn														
7	Báo cáo tháng														
8	Báo cáo bán niên														

Ghi chú: Sẽ được cập nhật sau khi ký hợp đồng thi công

3.5 DỰ TOÁN

Kinh phí cho việc thực hiện ESMP bao gồm:

- lương của cán bộ chính sách an toàn và chuyên gia tư vấn của PPMU,
- chi phí cho Tư vấn Quản lý Môi trường (TA) bao gồm giám sát chất lượng môi trường,
- chi phí hỗ trợ kỹ thuật cho việc đào tạo chính sách bảo trợ và các dịch vụ kỹ thuật.
- chi phí tham vấn các bên liên quan
- Chi phí giám sát của CSC

Tất cả các chi phí sẽ được bao gồm trong chi phí của tiểu dự án. Dự toán chi phí cho việc thực hiện ESMP được cung cấp trong bảng sau.

Bảng 10: Ước tính chi phí thực hiện EMP cho toàn bộ tiểu dự án

Các hoạt động	Các nguồn tài trợ	Chi phí ước tính
a). Các biện pháp giảm thiểu của nhà thầu trong quá trình thi công	Một phần của hợp đồng thi công	Bao gồm trong đề xuất tài chính của nhà thầu

(b). Giám sát thực hiện chính sách an toàn trong quá trình thi công	Bao gồm trong phạm vi công việc và giá trị hợp đồng của tư vấn giám sát	Bao gồm trong đề xuất tài chính của nhà thầu
(c). Cán bộ chính sách an toàn của PPMU	Một phần chi phí quản lý dự án của tiểu dự án	50.000 USD tổng chi phí trong khung thời gian dự án cho mỗi PPMU x 5 PPMU = 250.000 USD
(d). Giám sát môi trường cho toàn bộ tiểu dự án	Một phần chi phí quản lý dự án của tiểu dự án	10.000 USD tổng chi phí trong khung thời gian dự án cho mỗi PPMU x 5 PPMU = 50.000 USD
(e). Chi phí hỗ trợ kỹ thuật cho đào tạo chính sách an toàn và các dịch vụ kỹ thuật để giảm thiểu các tác động tiêu cực trong quá trình thi công và vận hành. Nội dung đào tạo bao gồm đào tạo năng lực về bảo vệ môi trường, đào tạo về quan trắc môi trường, đào tạo về an toàn lao động và các chính sách an toàn môi trường và chi phí tham vấn các bên liên quan	Bao gồm trong phạm vi công việc và giá trị hợp đồng của tư vấn hỗ trợ kỹ thuật	USD 70,000
(f) Ngân sách dự phòng để điều tra/giải quyết vấn đề	Chính phủ đồng tài trợ cho dự án SACCR	USD 60,000

4. TRUYỀN THÔNG

4.1 KẾ HOẠCH THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Kế hoạch gắn kết các bên liên quan (SEP) là một tài liệu riêng biệt được xây dựng để hướng dẫn trao đổi thông tin với các bên liên quan khác nhau của dự án.

Mặc dù là một kế hoạch riêng biệt, SEP là một phần không thể thiếu để quản lý hiệu quả các vấn đề môi trường và xã hội và do đó được dẫn chiếu thường xuyên trong ESMP này.

Tham vấn về ESMF được thực hiện ở năm tỉnh trong thời gian từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 9 năm 2018 (tham khảo ESMF). Mục tiêu là để thông báo cho cộng đồng địa phương, các cơ quan công cộng, các cơ quan chủ chốt và các tổ chức quần chúng địa phương về các mục tiêu và phạm vi của Dự án.

Các cuộc họp tham vấn được tổ chức trong quá trình chuẩn bị ESMP này: nhóm chính sách an toàn dự án đã tiến hành tham vấn ở cấp xã và cộng đồng vào tháng 7 năm 2022 với mục đích tham vấn cộng đồng địa phương về các tác động tiềm tàng đối với môi trường và xã hội (cả tích cực và bất lợi) và các biện pháp giảm thiểu được đề xuất để đưa vào ESMP. Kết quả cho thấy hầu hết các cơ quan địa phương và người dân địa phương tại 8 cộng đồng được lựa chọn tham vấn đều hoàn toàn ủng hộ dự án. Mọi quan tâm của cộng đồng địa phương và các biện pháp giảm thiểu nếu có đã được lưu ý và lồng ghép vào ESMP này. Có 125 người tham gia và 70 người trong số họ là nữ trong cuộc tham vấn tại 8 cộng đồng (Bảng 11).

Bảng 11: Các cuộc họp tham vấn được tổ chức trong quá trình chuẩn bị ESMP này:

Tỉnh	Thời gian	Xã	Người tham dự	Giới	
				Nữ	Nam
Ninh Thuận	7/7/2022	Xuân Hải	16	14	2
	7/7/2022	Phước Thành	16	8	8
Bình Thuận	7/8/2022	Mỹ Thạnh	14	7	7
	7/9/2022	Trà Tân	16	7	9
Đắk Nông	7/11/2022	Tân Thành	16	9	7
	7/11/2022	Đức Minh	16	8	8
Dak Lak	7/12/2022	Ea Sar	17	7	10
	13/7/2022	Krông Buk	14	10	4

Sau cuộc họp tham vấn tại cộng đồng, một hội thảo tham vấn đã được tổ chức với 48 người tham gia tại các tỉnh Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk từ 5 tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắk Nông, Đắk Lắk. Những người tham gia bao gồm những người hưởng lợi đủ điều kiện, các hộ gia đình, đại diện của cộng đồng địa phương, chính quyền địa phương, PPMU và các chuyên gia tư vấn.

Nhóm đã trình bày và tham vấn các rủi ro tiềm ẩn về môi trường và xã hội của dự án, dự thảo ESMP tổng thể, bao gồm các biện pháp giảm thiểu và kế hoạch thực hiện. Các tác động lịch sử đến môi trường và xã hội cũng được tham khảo để hiểu rõ hơn về bối cảnh địa phương.

Nội dung chính của tham vấn cộng đồng và công bố thông tin bao gồm: Tham vấn với sự tham gia của chính quyền địa phương và người dân trong vùng dự án trong quá trình chuẩn bị và thực hiện ESMP nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho chính quyền và cộng đồng địa phương hiểu thêm về tiểu dự án, các tác động tiêu cực của việc thực hiện tiểu dự án và các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực này;

Các cuộc tham vấn sắp tới: Việc tham vấn với các cộng đồng bị ảnh hưởng và các bên liên quan khác sẽ được thực hiện liên tục trong giai đoạn thi công. Báo cáo tham vấn của mỗi cuộc tham vấn phải được lập với hồ sơ tham dự và chữ ký của tất cả những người tham gia. Các cuộc tham vấn trong tương lai được liệt kê trong Bảng dưới đây

Bảng 12: Các cuộc tham vấn sắp tới

Tham vấn	Phương pháp	Trách nhiệm thực hiện	Mốc thời gian
Tham vấn với các cộng đồng bị ảnh hưởng về các hoạt động của dự án, các tác động, các biện pháp giảm thiểu, GRM, tiến độ thi công và kế hoạch làm việc	Họp mở	Nhà thầu, CSC, PPMU, CPO	Giai đoạn thi công
Phổ biến các biện pháp và biện pháp phòng ngừa an toàn và sức khỏe cộng đồng với các cộng đồng bị ảnh hưởng	Họp mở	Nhà thầu, CSC, PPMU, CPO	Giai đoạn thi công
Các cuộc họp đột xuất khi cần thiết trong đó các thay đổi đáng kể đã được thực hiện hoặc xung đột đã phát sinh do tai nạn, hiểu lầm hoặc các nguyên nhân khác.	Họp, Thảo luận nhóm tập trung và Phỏng vấn sâu	Nhà thầu, CSC, PPMU, CPO,	Giai đoạn thi công

4.2 CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Trong giai đoạn thi công và thực hiện bất kỳ dự án nào, một người hoặc một nhóm người có thể bị ảnh hưởng bất lợi, trực tiếp hoặc gián tiếp do các hoạt động của dự án. Khiếu nại có thể phát sinh có thể liên quan đến các vấn đề xã hội như tiêu chí đủ điều kiện và quyền được hưởng, gián đoạn dịch vụ, mất sinh kế tạm thời hoặc vĩnh viễn và các vấn đề xã hội và văn hóa khác. Khiếu nại cũng có thể liên quan đến các vấn đề môi trường như tạo ra quá nhiều bụi, thiệt hại công trình hạ tầng do rung chuyển liên quan đến thi công hoặc vận chuyển nguyên liệu thô, tiếng ồn, tắc nghẽn giao thông, giảm chất lượng hoặc số lượng nguồn nước mặt/đất tư nhân/cộng đồng trong quá trình cải tạo công trình thủy lợi, thiệt hại vườn, nhà và đất nông nghiệp v.v.

Dự án cho phép những người có khiếu nại hoặc cảm thấy khó chịu bởi dự án có thể truyền đạt mối quan tâm, khiếu nại và/hoặc khiếu nại của họ thông qua một quy trình thích hợp thông qua Cơ chế đăng ký khiếu nại và giải quyết khiếu nại được thiết lập ở cấp dự án.

Dự án sẽ tuân theo Hướng dẫn - Tiêu chuẩn Xã hội và Môi trường (SES) của UNDP, Hướng dẫn về sự tham gia của các bên liên quan: Cơ chế giải quyết khiếu nại để thiết lập GRM cho dự án như sau:

- **Nhận và Đăng ký Khiếu nại:** Cán bộ An toàn của các PPMU sẽ nhận và đăng ký tất cả các khiếu nại trong vòng 48 giờ. Cán bộ tiếp nhận khiếu nại và/hoặc khiếu nại nên cố gắng thu thập thông tin cơ bản có liên quan về khiếu nại và người khiếu nại và sẽ thông báo ngay cho Cán bộ phụ trách các biện pháp an toàn trong CPMU. GRM được phổ biến rộng rãi thông qua các cuộc họp và áp phích tại các hội trường cộng đồng và Văn phòng UBND xã. Tất cả các bên liên quan đều được thông báo về mục đích, quy trình và đảm bảo tính bảo mật của các chi tiết cá nhân của người ghi lại khiếu nại. Tất cả các bên liên quan bao gồm quan chức chính phủ, nhà thầu, công nhân và cộng đồng sẽ được thông báo về người đầu mối và số điện thoại của họ sẽ được chia sẻ để đăng ký khiếu nại trực tiếp hoặc qua điện thoại.
- **Xác nhận, Đánh giá và Chỉ định:** Sau khi đăng ký khiếu nại và/hoặc khiếu nại, cán bộ phụ trách các biện pháp an toàn sẽ nghiên cứu chi tiết về khiếu nại và/hoặc khiếu nại và chuyển khiếu nại và/hoặc khiếu nại cho thành viên có liên quan với ngày cụ thể để trả lời và khắc phục khiếu nại. Tùy thuộc vào bản chất của khiếu nại, các khiếu nại nghiêm trọng và nhạy cảm về thời gian như quấy rối tình dục, an ninh và sử dụng sai các nguồn lực của dự án, Giám đốc các PPMU cần được thông báo ngay lập tức và với sự tham vấn của Bộ NN&PTNT và UNDP sẽ giải quyết và trả lời khiếu nại thông qua các biện pháp thích hợp.
- **Đề xuất phản hồi:** Người được phân công sẽ điều tra thêm và nếu cần sẽ thảo luận với các bộ phận và nhân viên liên quan khác để chuẩn bị phản hồi chi tiết.
- **Thỏa thuận về phản hồi:** Các khiếu nại nhỏ cần được xử lý và trả lời trong vòng một tuần với sự tham vấn của các thành viên liên quan và các cơ quan nhà nước trong

khi phản hồi đối với các khiếu nại lớn cần được sự đồng ý/giải quyết của Giám đốc PPMU hoặc chuyển đến **Ủy ban giải quyết khiếu nại** trong vòng 2 tuần.

- Thực hiện phản hồi đã thống nhất: Các thành viên liên quan sẽ thực hiện phản hồi đã thống nhất với sự hỗ trợ từ các chuyên gia kỹ thuật và lĩnh vực liên quan theo yêu cầu. Các cơ quan nhà nước có liên quan sẽ được thông báo sao cho phù hợp với sự hỗ trợ của họ.
- Xem xét phản hồi nếu không thành công: Cán bộ được phân công tham vấn với Giám đốc PPMU và ban quản lý CPO/UNDP sẽ xem xét sửa đổi cách tiếp cận, giới thiệu ra ngoài hoặc đóng khiếu nại khi thích hợp.
- Khiếu nại đã được giải quyết thành công và kết thúc: Tất cả các khiếu nại đã nhận và được giải quyết sẽ được ghi lại và đưa ra các biện pháp giảm thiểu để tránh lặp lại các vấn đề tương tự trong tương lai. Nếu khiếu nại chưa được giải quyết, thành viên GRM nên ghi lại các bước đã thực hiện, liên lạc với người khiếu nại (và các bên liên quan khác nếu đã có nỗ lực đáng kể để bắt đầu hoặc hoàn thành quy trình nhiều bên liên quan) và các quyết định của tổ chức và người khiếu nại về việc giới thiệu hoặc sử dụng các lựa chọn thay thế khác, bao gồm cả các lựa chọn thay thế hợp pháp.
- Báo cáo với GCF: Dự án sẽ cập nhật cho GCF về số lượng khiếu nại nhận được, bản chất của khiếu nại, tình trạng của khiếu nại (đã giải quyết/chưa giải quyết) và các biện pháp giảm thiểu được áp dụng để tránh tình trạng tương tự trong tương lai.

Trong giai đoạn xây dựng, GRM cũng sẽ được quản lý bởi các nhà thầu dưới sự giám sát của CSC (Tư vấn giám sát thi công). Các nhà thầu sẽ thông báo cho các cộng đồng bị ảnh hưởng nếu khiếu nại của họ được giải quyết. Điều này sẽ thông qua quá trình tham vấn cộng đồng và công bố thông tin mà các nhà thầu có thể đối thoại thường xuyên với các cộng đồng bị ảnh hưởng và chính quyền địa phương thông qua các cuộc họp (ít nhất mỗi quý một lần), và các tài liệu hàng tháng sẽ được công bố, thông qua phương tiện truyền thông địa phương thông báo về các kế hoạch sắp tới của dự án, tiểu dự án. Cán bộ chính sách an toàn của PPMU sẽ giám sát và tạo điều kiện nếu có bất kỳ hoạt động nào của các nhà thầu trong việc giải quyết khiếu nại.

Tất cả các khiếu nại và hành động của các nhà thầu sẽ được ghi lại trong các báo cáo giám sát an toàn của tiểu dự án. Khiếu nại và yêu cầu bồi thường có thể được thực hiện như sau:

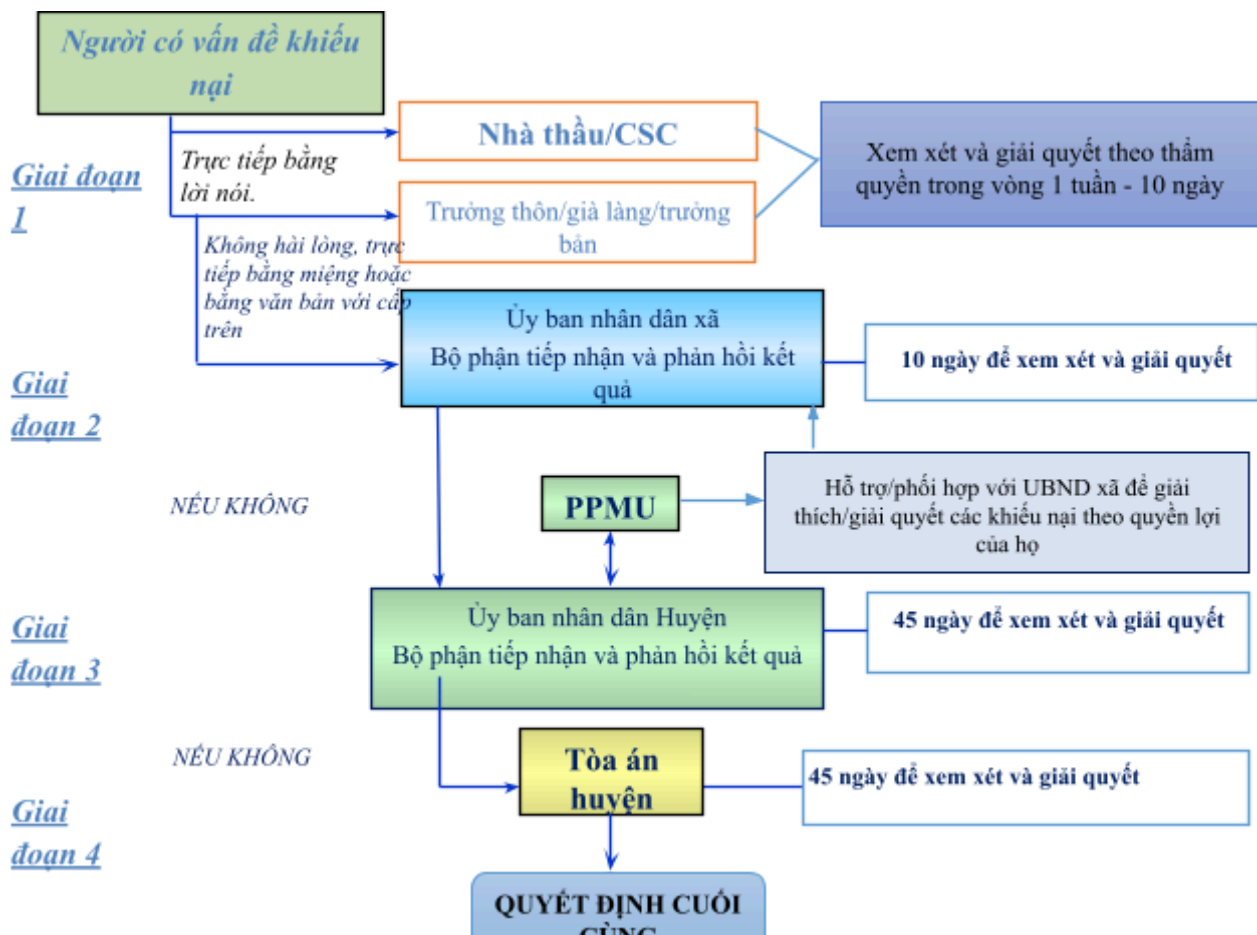
- Bằng lời nói: nói chuyện trực tiếp với cán bộ EHS của nhà thầu hoặc đại diện của nhà thầu tại văn phòng dự án PPMU;
- Văn bản: giải quyết khiếu nại bằng văn bản đến địa chỉ xác định (theo trình tự khiếu nại các cấp UBND xã - UBND huyện - UBND tỉnh; đại diện nhà thầu và BQLDA tỉnh);
- Qua điện thoại, fax, e-mail: tới CSC, cán bộ EHS hoặc đại diện nhà thầu và PPMU.

Các địa chỉ liên hệ và thủ tục này được cung cấp bằng tờ rơi dán tại trụ sở xã, hội trường cộng đồng và thông báo qua loa phát thanh tại khu vực mục tiêu dự án. Thông tin về IRM của GCF và GRM của UNDP cũng được cung cấp. Khi nhận được khiếu nại, nhân viên CSC và EHS hoặc đại diện của nhà thầu sẽ ghi lại chúng trong nhật ký/hồ sơ giải quyết khiếu nại và duy trì việc ghi nhật ký các sự kiện liên quan đến khiếu nại đó cho đến khi chúng được giải quyết. Ngay sau khi nhận được đơn khiếu nại, mỗi đơn phải xuất trình 3 bản. Bản gốc sẽ được nộp và các bản sao sẽ được gửi cho cán bộ EHS của nhà thầu, CSC và PPMU trong vòng 24 giờ.

Khi nhận được khiếu nại, các cán bộ CSC và EHS hoặc đại diện của nhà thầu sẽ ghi lại vào nhật ký/hồ sơ giải quyết khiếu nại và duy trì việc lưu trữ thông tin liên quan đến các khiếu nại đó cho đến khi khiếu nại được giải quyết. Ngay sau khi nhận được đơn khiếu nại, người tiếp nhận phải copy thành 3 bản. Bản gốc sẽ được nộp và các bản sao sẽ được gửi đến cán bộ EHS của nhà thầu, CSC và PPMU trong vòng 24 giờ.

Thông tin được lưu trong nhật ký giải quyết khiếu nại:

- Ngày và thời gian nhận đơn khiếu nại;
- Tên, địa chỉ và thông tin liên lạc của người khiếu nại;
- Mô tả ngắn gọn các khiếu nại;
- Các hành động cần thực hiện để giải quyết các khiếu nại bao gồm: ai đã được liên hệ và kết quả của từng bước trong quy trình giải quyết khiếu nại;
- Ngày và thời gian liên hệ với người khiếu nại trong quá trình giải quyết khiếu nại;
- Các giải pháp xử lý cuối cùng;
- Ngày giờ và cách thức thông báo kết quả giải quyết khiếu nại;
- Chữ ký của người khiếu nại khi nhận kết quả.



Hình 6: Sơ đồ mô phỏng quy trình khiếu nại

Các khiếu nại nhỏ sẽ được giải quyết trong vòng một tuần. Đối với các khiếu nại nghiêm trọng hơn bằng văn bản, người khiếu nại sẽ phản hồi trong vòng 2 tuần đầu (và sau đó hàng tuần) bằng cách gửi trực tiếp, đăng, gửi fax, email về việc giải quyết khiếu nại cho đến khi hoàn tất các văn bản cuối cùng.

Trong trường hợp khiếu nại liên quan đến GBV/SEAH, Cán bộ phụ trách an toàn sẽ thông báo cho đầu mối nhân viên được chỉ định, những người được thông báo về tất cả các dịch vụ GBV/đầu mối giới thiệu cho cộng đồng của họ và cách tiếp cận. Đầu mối sẽ giúp giảm nguy cơ phơi nhiễm cho những người sống sót sau BLG và giảm sự suy giảm lòng tin. Đầu mối SEAH sẽ hỗ trợ nạn nhân SEAH bằng cách giới thiệu họ đến (các) nhà cung cấp dịch vụ BLG để được hỗ trợ ngay sau khi nhận được khiếu nại trực tiếp từ nạn nhân. Thông tin trong GRM sẽ được giữ bí mật – đối với các khiếu nại của SEAH, GRM sẽ phục vụ chủ yếu để: a) giới thiệu người khiếu nại đến nhà cung cấp dịch vụ BLG; và b) hồ sơ giải quyết khiếu nại.

Mục tiêu chính của cơ chế này là giải quyết khiếu nại càng nhanh càng tốt bằng các biện pháp đơn giản, liên quan đến càng ít người càng tốt và ở mức thấp nhất có thể. Chỉ khi một vấn đề không thể giải quyết một cách đơn giản và/hoặc trong vòng 2 tuần, các cơ quan chức năng khác mới được tham gia. Đây là những tình huống khi yêu cầu bồi thường thiệt hại và số tiền đã trả không thể giải quyết được những thiệt hại đó và không rõ nguồn gốc của những thiệt hại đó.

Cơ chế giải quyết khiếu nại của Dự án không thay thế hoặc loại trừ các phương thức giải quyết khiếu nại hiện có khác. Tất cả những người khiếu nại có quyền sử dụng hệ thống chính phủ của Việt Nam bất cứ lúc nào để tìm kiếm giải pháp hoặc cơ chế khiếu nại độc lập có sẵn sau đây:

- Cơ chế phản hồi của các bên liên quan của UNDP - www.undp.org/secu-srm
- Cơ chế khắc phục độc lập của GCF - <https://irm.greenclimate.fund>

Khi khiếu nại liên quan đến Hoạt động 1.1, khiếu nại sẽ được chuyển đến đầu mối thích hợp trong dự án WEIDAP để truy cập vào hệ thống WEIDAP GRM. Dự án SACCR sẽ liên lạc với WEIDAP trong quá trình quản lý vấn đề và nếu được yêu cầu, hãy hỗ trợ giải quyết vấn đề và liên lạc với người khiếu nại. Các kết quả đạt được thông qua WEIDAP GRM sẽ được theo dõi và ghi lại trong SACCR GRM cho đến khi kết thúc tuân thủ. SACCR sẽ đảm bảo rằng người khiếu nại được thông báo về kết quả cuối cùng (theo SACCR GRM).



5. RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Vì dự án này được UNDP hỗ trợ với vai trò là Đơn vị được GCF công nhận, nên dự án đã được sàng lọc bằng cách sử dụng Thủ tục Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội của UNDP. Việc sàng lọc đã xem xét cả các hoạt động được đề xuất sẽ được thực hiện như một phần của dự án GCF và các yếu tố dự án WEIDAP liên quan và dự án được coi là có xếp hạng rủi ro tổng thể là “Trung bình”.

ESMF được xây dựng dựa trên kết quả của SESP. ESMF đã xác định một loạt rủi ro được coi là có thể xảy ra. ESMP này được xây dựng dựa trên ESMF và bao gồm đánh giá thêm về các hoạt động được đề xuất để tạo ra những hoạt động đã được thực hiện và một loạt các rủi ro và giảm thiểu tiềm năng.

5.1 RỦI RO VÀ CÁC BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU

Bảng 13 liệt kê các rủi ro được xác định cho toàn bộ dự án. Bảng này có thể được sử dụng như một tài liệu tham khảo để hỗ trợ các thành viên trong nhóm dự án xác định các rủi ro có thể áp dụng cho các địa điểm cụ thể.

Bảng 13: Các rủi ro môi trường tiềm ẩn và các biện pháp giảm thiểu

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
Kết quả đầu ra 1: Kết quả đầu ra Tăng cường an ninh nước cho sản xuất nông nghiệp cho các nông hộ nhỏ để bị tổn thương khi đối mặt với sự biến đổi lượng mưa do khí hậu và hạn hán						
1.2.1. Thiết kế và xây dựng 4.765 hệ thống kết nối và phân phối bao gồm lắp đặt và bảo trì thiết bị tưới để ứng phó với biến đổi khí hậu						
Di dời	Gián đoạn canh tác trong quá trình xây dựng Giảm thu nhập do hoạt động canh tác bị gián đoạn trong quá trình thi công	Tham gia sớm với nông dân để tối ưu hóa cơ hội lập kế hoạch trồng và thu hoạch nhằm giảm thiểu gián đoạn. Đảm nhận việc thi công ở một khu vực trước khi chuyển sang khu vực tiếp theo. Tìm cách giảm thiểu diện tích đất cần thiết.	Trong quá trình thi công	Độ phù hợp cao	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Tác động xây dựng - ô nhiễm không khí, tiếng ồn, chất thải, an toàn cộng đồng	Việc xây dựng có thể ảnh hưởng đến chất lượng không khí và gây tiếng ồn. Kết quả này chủ yếu đến từ việc đào, san lấp mặt bằng, bốc xếp bằng phương tiện và các hoạt động liên quan đến xây dựng khác. Các tác động tiềm tàng đến chất lượng không khí xung quanh, mùi hôi và khí thải	Không đốt chất thải tại chỗ. Thời gian thi công được giới hạn trong khoảng thời gian từ 7 giờ sáng đến 6 giờ tối Máy móc phải được trang bị thiết bị chống ồn và không khí theo yêu cầu và hoạt động tốt. Thiết bị trên công trường cần được cài đặt giảm thiểu tác động tới các đối tượng nhạy cảm Hạn chế việc đào đất vào những thời điểm trong năm khi độ ẩm của đất cao để giảm thiểu bụi,	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		tưới ướt đường để giảm bụi đất khi cần thiết. Lực lượng lao động được cấp PPE và đào tạo phù hợp. Các địa điểm làm việc có rủi ro cao phải được rào lại để giảm thiểu sự tiếp cận của cộng đồng.				
Nước ngầm	Khả năng ô nhiễm nước ngầm do các hoạt động xây dựng Khả năng ô nhiễm do phân bón trong quá trình vận hành các khu vực tưới tiêu	Cần có các chương trình đào tạo và phổ biến kiến thức về cách bón phân và tưới tiêu phù hợp Hạn chế sử dụng phân bón hóa học	Trong quá trình thi công Trong giai đoạn vận hành	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
OHS (Liên quan đến dự án Weidap)	Vận hành thiết bị bơm - yêu cầu nguồn điện cao áp để vận hành máy bơm, điều này có nguy cơ liên quan đến an toàn/sức khỏe.	Trạm bơm phải được đảm bảo an toàn, không cho cộng đồng tiếp cận. Tổ chức vận hành tư nhân được đào tạo về vận hành bơm cao áp. Tổ chức vận hành cần được đào tạo về vận hành máy bơm cao áp.	Trong quá trình thi công	Không phù hợp	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Bom mìn chưa phát lộ	Bom mìn chưa phát lộ-có nguy cơ gây thương tích cho con người	Rà phá bom mìn cần thực hiện trước khi bàn giao mặt bằng	Tiền thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	PPMU	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
Xói mòn/chất lượng nước	Xói mòn và bồi lắng - việc đào và loại bỏ thảm thực vật sẽ khiến mặt đất bị xói mòn và có khả năng làm suy giảm chất lượng nước mặt.	Các khu vực làm việc được giới hạn ở mức độ có thể. Có thể là hoàn thành các khu vực nhỏ trước khi chuyển sang khu vực tiếp theo. Tránh đào đất khi có mưa lớn. Xây dựng và thực hiện Kế hoạch quản lý lưu vực	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Sinh thái học	Tác động đến sinh thái do hoạt động của công nhân Loại bỏ hoặc xáo trộn thảm thực vật tự nhiên, mất hoặc xáo trộn một quần xã thực vật độc đáo, quý hiếm hoặc bị đe dọa	Người lao động và công nhân thi công sẽ bị cấm thu thập các loài bản địa vào mọi lúc trong hợp đồng thi công.	Trong quá trình thi công	Không phù hợp	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Sự bền vững	Thiếu O&M có thể dẫn đến các chương trình bị sự cố	Các Ban Quản lý Thủy lợi (IMC) sẽ được thành lập. Xây dựng năng lực các IMC. Các quỹ O&M sẽ được thiết lập. Các thiết kế xem xét O&M và tìm cách giảm thiểu chi phí/yêu cầu.	Tiền thi công	Không phù hợp	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Thiết kế không phù hợp	Các thiết bị SCADA có thể thiết lập các mô hình tiêu từ các hồ chứa	Xem xét công việc thiết kế kỹ thuật chi tiết	Trong quá trình thi công	Không phù hợp	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
Chất thải	Chất thải xây dựng - chất thải rắn sẽ tăng lên trong quá trình xây dựng, ví dụ như vận chuyển số lượng lớn và đóng gói chất thải, chất thải từ các trại xây dựng, hàng rào và phế liệu,	Đảm nhận việc thi công ở một khu vực trước khi chuyển sang khu vực tiếp theo.	Trong quá trình thi công	Độ phù hợp cao	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Rủi ro OHS cộng đồng	Vận hành thiết bị bơm - yêu cầu nguồn điện cao áp để vận hành bơm, điều này có nguy cơ liên quan đến an toàn/sức khỏe.	Trạm bơm phải được đảm bảo an toàn, không cho cộng đồng tiếp cận. Tổ chức vận hành tư nhân được đào tạo về vận hành bơm cao áp. Tổ chức vận hành cần được đào tạo về vận hành máy bơm cao áp.	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Biến đổi khí hậu	Nguy cơ hạn hán và lũ lụt: Các sự kiện thiên tai thường xuyên xảy ra nhất là lũ lụt do lượng mưa lớn, bão, lở đất, sóng nhiệt, gió giật và hạn hán Hạn hán đang trở nên nghiêm trọng hơn và gây ảnh hưởng lên các khu vực rộng lớn hơn trước đây	Áp dụng các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu	Giai đoạn tiền thi công Giai đoạn thi công Giai đoạn vận hành	Yếu	Nhà thầu và hộ hưởng lợi	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Rủi ro xã hội tiềm ẩn	Phụ nữ và người dân tộc thiểu số không được tiếp cận thông tin về dự án nên không nắm được các tiêu chí để đăng ký tham gia.	Thông tin về dự án và các tiêu chí tham gia dự án cần được phổ biến rộng rãi hơn trên hệ thống	Sau khi WEIDAP hoàn thành việc thiết kế	Phù hợp mức độ vừa phải	Các PPMU, Cán bộ Chính sách Xã hội thực hiện việc	Cán bộ chính sách an toàn xã hội và giới của PPMU

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
	Tỷ lệ Phụ nữ và người dân tộc thiểu số tham gia các hoạt động tham vấn về thiết kế kết nối chặng cuối không đạt được đại diện giới theo yêu cầu (50% là phụ nữ) do nữ giới không được mời tham vấn, do các địa phương thường chỉ mời nam giới tham gia các cuộc họp và định kiến rằng nam giới biết rõ hơn phụ nữ. Một bộ phận phụ nữ làm chủ hộ (trụ cột trong hộ) thuộc hộ nghèo, cận nghèo có người phụ thuộc đủ điều kiện kết nối chặng cuối (cách kênh cấp nước không quá xa) không nằm trong danh sách người hưởng lợi. Các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ thuộc hộ nghèo, cận nghèo và hộ người dân tộc thiểu số có thể thiếu tài chính để đóng góp để có thể nhận được hỗ trợ từ kết nối.	loa truyền thanh của xã và các thôn. Thông tin về dự án cũng cần được phổ biến trong các cuộc họp ở cấp thôn, lồng ghép trong các cuộc họp của hội phụ nữ thôn để nhiều phụ nữ và cộng đồng DTTS có thể tiếp cận thông tin của dự án. Chọn danh sách các hộ được hưởng lợi có cả tên vợ và chồng. Sau đó, thay đổi cách mời đến các cuộc họp tham vấn. Cần dưới dạng viết, tên đầy đủ của người nữ trong thư mời, đối với tham vấn thiết kế. Thông báo cho cộng đồng về mức ưu tiên cao nhất của lợi ích trong kết nối chặng cuối cho tất cả các hộ gia đình do phụ nữ làm chủ hộ/trụ cột của hộ nghèo và cận nghèo và các hộ dân tộc thiểu số nếu họ đủ điều kiện kết nối. Công khai danh sách các đối tượng được hỗ trợ tại nơi công cộng tại UBND xã, (nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn) trong	các kênh tưới tiêu trong vùng.		lựa chọn đối tượng được hỗ trợ với sự hỗ trợ của chính quyền xã và thôn. Cán bộ kỹ thuật chịu trách nhiệm thiết kế kết nối chặng cuối cùng.	

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		thời gian 10 ngày để nhân dân trong thôn biết về các danh sách này. Các nhóm hưởng lợi có thể thiết lập các nguyên tắc hỗ trợ lẫn nhau khi hộ gia đình phụ nữ gặp khó khăn hoặc họ có thể nhờ đến sự giúp đỡ của các hiệp hội cộng đồng trong thôn bản của họ. Đại diện Hội Nông dân xã Trà Tân, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận cho biết, Hội Nông dân xã có thể sử dụng các nguồn lực của mình để hỗ trợ các gia đình do phụ nữ làm chủ khó khăn để họ hoàn thành các khoản đóng góp đối ứng nếu được yêu cầu.				
Kết quả đầu ra 1: Kết quả đầu ra Tăng cường an ninh nước cho sản xuất nông nghiệp cho các nông hộ nhỏ dễ bị tổn thương khi đối mặt với sự biến đổi lượng mưa do khí hậu và hạn hán <i>1.3.1. Xây dựng hoặc nâng cấp 1.159 ao thích ứng với khí hậu (với thiết kế tương ứng với từng địa điểm đào ao, đào 675 ao mới và nâng cấp 484 ao hiện có)</i>						
Tác động do bụi bẩn	Bụi bẩn phát sinh trong quá trình xây dựng	Thực hiện các biện pháp kiểm soát bụi để đảm bảo giảm thiểu phát sinh bụi và người dân địa phương không bị bất tiện, duy trì môi trường làm việc an toàn:	Trong quá trình thi công	Độ phù hợp cao	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		Phun nước rửa đường đất do vận chuyển, đi lại công trường; Che chắn kho bảo quản vật liệu (nơi có thể xây kè) Đất cát và các vị trí tập kết vật liệu ngoài trời phải được che chắn tránh gió.				
Tác động do tiếng ồn và độ rung	Tiếng ồn và độ rung tạo ra trong quá trình xây dựng	Nhà thầu phải có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về mức độ phát ra tiếng ồn và độ rung Tất cả các phương tiện, máy móc hoạt động trên công trường phải có "Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường" theo quy định tại Thông tư 55/2014/TT-BGTVT; tránh tiếng ồn quá mức do bảo dưỡng máy móc không đầy đủ. Giảm thiểu việc vận chuyển hoặc xử lý vật liệu thi công trong khu dân cư (ví dụ: trộn bê tông trong khu dân cư) Hạn chế các hoạt động thi công vào ban đêm. Khi cần thiết, công việc thi công vào ban đêm phải được lên kế hoạch cụ thể	Trong quá trình thi công	Độ phù hợp cao	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		và thông báo đầy đủ cho những người xung quanh để họ có những biện pháp cần thiết.				
Tác động do phát thải khí ô nhiễm	Phương tiện, máy móc hoạt động trên công trường phải tuân thủ các quy định về giới hạn khí thải.	Các phương tiện vận tải, máy móc thiết bị hoạt động trên công trường phải có đầy đủ giấy chứng nhận đăng ký chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư 55/2014/TT-BGTVT; Không đốt chất thải xây dựng và chất thải nguy hại trên công trường	Trong quá trình thi công	Độ phù hợp cao	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Chất thải	Chất thải xây dựng phát sinh trong quá trình đào ao	Tái sử dụng làm vật liệu đắp Dùng làm vật liệu lấp ruộng để nâng lên Nhà thầu cần xây dựng Kế hoạch quản lý chất thải trong quá trình đào	Trong quá trình thi công	Độ phù hợp cao	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Tác động do ô nhiễm nguồn nước	Nước thải sinh hoạt của công nhân không được kiểm soát sẽ gây ô nhiễm nguồn nước	Nhà thầu phải có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về xả nước thải vào nguồn tiếp nhận. Phải có hố xí hợp vệ sinh tạm thời tại công trường cho công nhân thi công. Nước thải từ nhà vệ sinh và từ nhà bếp, nhà tắm,	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		bồn rửa, ... phải được chứa trong các bể chứa để đưa ra ngoài công trường; không được phép xả trực tiếp vào bất kỳ nguồn nào. Nước thải phải được xử lý đạt ngưỡng cho phép theo quy chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng trước khi thải ra môi trường. Khi hoàn thiện các hạng mục công trình, bể nước, bể phốt sẽ được lấp đầy và niêm phong cẩn thận để trả lại mặt bằng.				
Rủi ro OHS đối với cộng đồng	Gia tăng giao thông trong khu vực dự án và xung quanh khu vực dự án Khu vực xây dựng có nguy cơ cao cần được rào lại để giảm thiểu lượng người ra vào	Lái xe trong khu vực dự án cần được đào tạo về an toàn và địa hình dự án.	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Sinh thái học	Loại bỏ hoặc xáo trộn thảm thực vật tự nhiên, mất hoặc xáo trộn một quần xã thực vật độc đáo, quý hiếm hoặc bị đe dọa, Tác động sinh thái do hoạt động của công nhân và người lao động Các rào cản hoặc đập có thể ngăn cản sự di cư của cá ở thượng nguồn	Cần đảm bảo không làm hại đến các loài quý hiếm trong quá trình thi công Công nhân và người lao động không được phép thu thập các loài bản địa trong quá trình thực hiện/thi công các hoạt động.	Trong quá trình thi công	Không phù hợp	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		Cần có những nghiên cứu cụ thể và những biện pháp hợp lý để ngăn chặn hiện tượng này xảy ra				
Tác động do ô nhiễm nguồn nước	Chất thải xây dựng không được kiểm soát sẽ làm tắc đường ống thoát nước.	Nhà thầu phải đảm bảo không để chất thải rắn, hóa chất nguy hại (nếu có) rơi vãi gây tắc nghẽn và ô nhiễm môi trường xung quanh, đảm bảo hệ thống thoát nước luôn thông thoáng.	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Tác động do rác thải sinh hoạt	Rác thải sinh hoạt của công nhân bị vứt bừa bãi ra bên ngoài sẽ gây ảnh hưởng xấu đến đời sống của người dân	Tại nơi làm việc, nhà thầu sẽ bố trí các thùng chứa rác nhỏ, thùng rác và phương tiện thu gom rác. Chất thải rắn có thể được tập kết tạm thời trên công trường về khu vực riêng được Tư vấn giám sát thi công và chính quyền địa phương chấp thuận trước khi thu gom và tiêu hủy. Dụng cụ chứa rác phải có mái che, che chắn, tránh mưa nắng và không bị chim, thú xâm nhập. Không đốt, chôn lấp, đổ chất thải rắn trong công trường. Trong mọi trường hợp, các nhà thầu thi công không được thải bỏ bất kỳ vật liệu nào ở các khu	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		vực nhạy cảm với môi trường như khu vực sinh sống tự nhiên hoặc trên sông. Nhà thầu phải có kế hoạch thu gom rác thải thi công và rác thải sinh hoạt trong quá trình thi công.				
Sự gián đoạn của các dịch vụ tiện ích	Gián đoạn hoạt động nông nghiệp trong quá trình xây dựng Giảm thu nhập do hoạt động canh tác bị gián đoạn trong quá trình xây dựng	Thông báo sớm cho nông dân để tối ưu hóa cơ hội trồng và lập kế hoạch thu hoạch để giảm thiểu sự gián đoạn	Trong quá trình thi công	Độ phù hợp cao	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
An toàn giao thông	Ảnh hưởng đến sự an toàn của người tham gia giao thông	Trước khi thi công cần tham khảo ý kiến của chính quyền địa phương và cộng đồng. Lưu lượng xe cộ tăng đáng kể phải được dự báo trước trong quy hoạch thi công đã được phê duyệt trước đó. Việc định tuyến, đặc biệt là đối với các phương tiện nặng, cần được tính toán để tránh các địa điểm nhạy cảm như trường học. Việc lắp đặt đèn chiếu sáng vào ban đêm phải được thực hiện nếu cần thiết Đặt biển báo xung quanh khu vực thi công để giúp giao thông	Trong quá trình thi công	Độ phù hợp cao	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		và đi lại thuận lợi, có biển chỉ dẫn đến các bộ phận khác nhau của công trình và có biển cảnh báo an toàn. Sử dụng các biện pháp kiểm soát giao thông an toàn bao gồm các biển báo đường bộ/đường sông và có người mang cờ cảnh báo các trường hợp nguy hiểm. Tránh vận chuyển nguyên liệu, vật liệu thi công vào giờ cao điểm. Đặt các biển báo thích hợp cho các tuyến đường khi cần thiết.				
An toàn phòng chống cháy nổ	Các phương tiện, máy móc sử dụng có thể gây ra sự cố cháy nổ Kéo điện sinh hoạt và thi công cũng là nguyên nhân gây ra sự cố - Theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy	Chuẩn bị phương án ứng phó khẩn cấp để kiểm soát hỏa hoạn. Trang bị đủ bình chữa cháy trong khu vực thi công. Thường xuyên kiểm tra các thiết bị điện có nguy cơ cháy nổ.	Trong quá trình thi công	Không phù hợp	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Tác động đến thảm thực bì và tài nguyên sinh thái	Phục hồi các khu vực bị ảnh hưởng sau khi xây dựng	Các khu vực tập kết nguyên liệu, vật liệu, khu vực tạm chiếm trong quá trình thi công công trình dự án sẽ phải phục hồi cảnh quan và hoàn thiện hệ thống công trình hạ tầng	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		Cần thống nhất với tư vấn giám sát để xác định vị trí của các khu vực tạm thời này				
An toàn cho người lao động và cộng đồng	Lưu lượng giao thông cao hơn Không có biển cảnh báo về độ sâu của ao, cũng như biện pháp an toàn về khả năng xảy ra đuối nước nguy hiểm đến tính mạng. Không tuân thủ các yêu cầu về bảo hộ lao động, an toàn lao động,	Đào tạo người lao động các quy định về an toàn lao động và trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ lao động theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Lập hàng rào bảo vệ, điểm dừng, cấm biển cảnh báo/khu vực cấm xung quanh khu vực thi công để cảnh báo cho cộng đồng về những nguy hiểm tiềm ẩn. Đặt biển báo các quy định về an toàn trong khu vực thi công. Nhà thầu thi công sẽ thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn như dựng hàng rào bảo vệ, chốt cảnh báo nguy hiểm, cung cấp hệ thống chiếu sáng để tránh tai nạn giao thông và các nguy hiểm khác cho người dân và các khu vực nhạy cảm.	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Quan hệ với cộng đồng địa phương	Mối quan hệ không tốt/hòa đồng giữa nhà thầu xây dựng và người dân địa phương sẽ dẫn đến những hiểu lầm không đáng có.	Nhà thầu có trách nhiệm: Thông báo cho chính quyền và nhân dân địa phương về tiến độ	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		thi công và kế hoạch thực hiện.... Quy tắc thực hành về môi trường (bản tiếng Việt) và các tài liệu chính sách an toàn môi trường liên quan khác sẽ được cung cấp cho cộng đồng địa phương và công nhân trên công trường. Phổ biến thông tin dự án cho các bên bị ảnh hưởng (ví dụ như chính quyền địa phương, doanh nghiệp, hộ gia đình bị ảnh hưởng, v.v.) thông qua các cuộc họp với cộng đồng trước khi bắt đầu làm việc cho dự án. Cung cấp đầu mối liên hệ với cộng đồng để các bên liên quan có thể nhận được thông tin từ họ về các hoạt động của địa điểm, tiến độ dự án và kết quả thực hiện dự án. Các bảng thông báo sẽ được dựng lên tại tất cả các công trường để cung cấp thông tin về dự án và thông tin liên hệ của cán bộ quản lý công trường, cán bộ môi trường, cán bộ an toàn				

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		và y tế, số điện thoại và các thông tin khác để người dân bị ảnh hưởng có kênh bày tỏ quan tâm và đề xuất.				
Thủ tục nếu phát hiện tài sản/di sản văn hóa	Trong quá trình khai quật hoặc xây dựng, đã phát hiện ra các địa điểm khảo cổ, địa điểm có giá trị lịch sử, tàn tích và đồ vật, bao gồm cả các khu mộ và/hoặc các ngôi mộ đơn lẻ.	Nếu Nhà thầu thi công, trong quá trình khai quật hoặc xây dựng, đã phát hiện ra các địa điểm khảo cổ, địa điểm có giá trị lịch sử, tàn tích và đồ vật, bao gồm cả các khu mộ và/hoặc các ngôi mộ đơn lẻ, thì Nhà thầu sẽ: Dừng hoạt động thi công tại các vị trí có phát hiện các vật thể không mong đợi; Khoanh vùng địa điểm hoặc khu vực được phát hiện; Bảo vệ địa điểm để tránh bất kỳ thiệt hại hoặc mất mát các vật dụng có thể di chuyển được. Trường hợp cổ vật có thể di chuyển được hoặc di tích dễ hư hỏng thì phải bố trí người trực đêm cho đến khi chính quyền địa phương hoặc Sở Văn hóa - Thông tin đến nghiệm thu. ; Thông báo cho Tư vấn giám sát thi công để tư vấn thông báo	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan quản lý trung ương về Tài sản văn hóa (trong vòng 24 giờ); Chính quyền địa phương hoặc trung ương sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ và bảo quản địa điểm trước khi đưa ra quyết định về các thủ tục thích hợp tiếp theo. Quy trình này yêu cầu đánh giá sơ bộ các vị trí được phát hiện. Ý nghĩa và tầm quan trọng của những phát hiện này cần được đánh giá dựa trên các tiêu chí khác nhau về di sản văn hóa; Các tiêu chí này bao gồm các tiêu chí về giá trị thẩm mỹ, giá trị lịch sử, giá trị khoa học hoặc nghiên cứu, giá trị kinh tế và xã hội. Các quyết định về cách xử lý những phát hiện này sẽ được đưa ra bởi các cơ quan có trách nhiệm. Quyết định này có thể bao gồm những thay đổi đối với cách bố trí (ví dụ khi một địa điểm bất động nhưng quan trọng về văn hóa hoặc kiến trúc được				

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		phát hiện), bảo tồn, bảo trì, phục hồi và khôi phục; Nếu các địa điểm và/hoặc di tích văn hóa có giá trị cao và được các chuyên gia khuyến nghị bảo tồn và được các cơ quan quản lý di sản văn hóa yêu cầu thì Chủ dự án sẽ phải thay đổi thiết kế để đáp ứng các yêu cầu đó và bảo tồn di tích; Các quyết định về việc quản lý địa điểm phát hiện phải được thực hiện bằng văn bản của các cơ quan hữu quan; Công việc thi công chỉ có thể được tiếp tục sau khi được sự cho phép của chính quyền địa phương, chịu trách nhiệm bảo vệ địa điểm.				
Quy trình rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh	Bom mìn chưa nổ có thể gây nguy hiểm đến tính mạng con người (Ví dụ: Bom mìn chưa nổ còn sót lại trong chiến tranh)	Đối với mặt bằng để thực hiện các hạng mục công trình cần rà phá bom mìn, vật liệu nổ thì tại hiện trường có biên bản rà phá bom mìn, vật liệu nổ, đảm bảo mặt bằng sạch để thi công.	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Phòng chống COVID-19	Dịch COVID-19 nói riêng và các bệnh khác nói chung có thể gây ra	Nhà thầu có trách nhiệm bố trí các điểm rửa tay tại các vị trí quan trọng, thuận tiện trong	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
	những bất lợi trong quá trình thi công	toàn bộ công trường, bao gồm các cổng ra/vào công trường, nơi có nhà vệ sinh, chỗ ăn, chỗ ngủ, chỗ đổ rác, tại các cửa hàng và các cơ sở tại xã. Mỗi công trường cần có nguồn cung cấp nước sạch, xà phòng và khăn giấy (để lau khô tay) và thùng rác (cho khăn giấy đã qua sử dụng) thường xuyên được dọn sạch và đưa đến cơ sở xử lý chất thải đã được phê duyệt (không nên chỉ đem đi chôn lấp). Ở những nơi không thể bố trí các điểm rửa tay (ví dụ tại các công trường ở vùng sâu, vùng xa), cần cung cấp cồn để khử trùng tay. Các nhà thầu cần thi công các hành động cụ thể trong trường hợp người lao động gặp rủi ro khi ký hợp đồng COVID-19 tại công trường, bao gồm: Nêu rõ cách sắp xếp để đưa người lao động vào phòng/khu vực cách ly với những người khác tại hiện trường, hạn chế số người tiếp xúc với người đó và				sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
		liên hệ với cơ quan y tế địa phương; Xác định những người có nguy cơ cao (ví dụ, do các tình trạng y tế từ trước như tiểu đường, bệnh tim và phổi hoặc tuổi cao) và các biện pháp hỗ trợ họ, nhưng tránh kỳ thị và phân biệt đối xử tại nơi làm việc.				
Nước ngầm	Tăng lượng dinh dưỡng và ô nhiễm nước ngầm do sử dụng phân bón không kiểm soát Tưới không được quản lý hợp lý có thể dẫn đến khai thác quá mức tài nguyên nước	Áp dụng các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp hiệu quả là sử dụng đúng liều lượng phân bón để tránh tác động dư thừa của phân bón đến nước mặt và nước ngầm. Cải thiện và nâng cao hệ thống quan trắc khí tượng để dự báo và quản lý hiệu quả tài nguyên nước Thực hiện đánh giá thủy văn để xác định lưu lượng và biến đổi lưu lượng của nguồn nước Tăng cường các chương trình hiện có để có thêm thông tin về khí hậu và tài nguyên nước	Sau thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
	Lượng nước mưa không đủ so với sức chứa của ao.	Thiết kế chi tiết phù hợp Thực hiện O&M, đào tạo, thiết lập cơ chế tài trợ bền vững	Trong quá trình thi công	Không phù hợp	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
Sự bền vững	Kích thước ao không phù hợp với nhu cầu nước Công việc Vận hành và Bảo trì (O&M) không được chấp nhận hoặc duy trì					sách An toàn Môi trường
	Việc tưới tiêu có thể dẫn đến việc khai thác quá mức nước nếu nguồn nước không được quản lý một cách hợp lý.	Cải thiện hệ thống giám sát khí hậu để cho phép dự báo và quản lý tài nguyên nước tốt hơn Thực hiện các đánh giá thủy văn để xác định dòng chảy và sự thay đổi trong/giữa các năm của nguồn nước Nâng cấp các chương trình hiện có giúp nâng cao hiệu quả về nước/chống chịu khí hậu	Trong quá trình thi công	Không phù hợp	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
OHS (An toàn và sức khỏe nghề nghiệp)	Rủi ro OHS cộng đồng - Gia tăng sự di chuyển của xe cộ xung quanh và trong các địa điểm	Các địa điểm làm việc có rủi ro cao phải được rào lại để giảm thiểu sự tiếp cận của cộng đồng Lái xe sẽ được đào tạo để đảm bảo hiểu yêu cầu trên công trường. Lái xe không tuân thủ sẽ bị loại	Trong quá trình thi công	Không phù hợp	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Xói mòn/chất lượng nước	Xói mòn và bồi lắng - việc đào và loại bỏ thảm thực vật sẽ khiến mặt đất bị xói mòn và có khả năng làm suy giảm chất lượng nước mặt	Kiểm soát trầm tích và xói mòn sẽ được sử dụng (áp dụng ESMF) Tránh đào đất khi có mưa lớn.	Trong quá trình thi công	Phù hợp mức độ vừa phải	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
Thiết kế/tính bền vững	Lượng mưa không đủ để lấp đầy ao Kích thước ao không phù hợp với nhu cầu nước	Phân tích và thiết kế kỹ thuật chi tiết	Trong quá trình thi công	Không phù hợp	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
OHS	Rủi ro OHS thi công	Đào tạo và áp dụng các thực hành OHS, thực hiện ESMF	Trong quá trình thi công	Không phù hợp	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
	Kế hoạch quản lý sức khỏe và an toàn: nguy cơ chết đuối (vật chứa nước)	Hàng rào vật chứa nước ở những nơi thích hợp				
Sự bền vững	Các phương thức O&M không được chấp nhận hoặc duy trì	Vận hành O&M, cung cấp đào tạo, thiết lập cơ chế tài trợ bền vững	Trong quá trình thi công	Không phù hợp	Nhà thầu thi công	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Biến đổi khí hậu	Nguy cơ hạn hán và lũ lụt: Các sự kiện thiên tai thường xuyên xảy ra nhất là lũ lụt do lượng mưa lớn, bão, lở đất, sóng nhiệt, gió giật và hạn hán Hạn hán đang trở nên nghiêm trọng hơn và gây ảnh hưởng lên các khu vực rộng lớn hơn trước đây	Áp dụng các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu	Giai đoạn tiền thi công Giai đoạn thi công Giai đoạn vận hành	Yếu	Nhà thầu và hộ hưởng lợi	Các PPMU, Cán bộ Chính sách An toàn Môi trường
Rủi ro xã hội tiềm ẩn	Hộ nghèo, hộ cận nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và số hộ DTTS không được tiếp cận thông tin đăng ký tham gia nhóm hưởng lợi	Công khai thông tin minh bạch về tiêu chí lựa chọn hộ hưởng lợi từ gói ao tại nơi công cộng (nhà văn hóa thôn/nhà sinh hoạt	Trước và trong khi lựa chọn đối tượng được hưởng gói	Thấp	Các PPMU/cán bộ CSAT giám sát các hoạt động của nhà	Cán bộ chính sách an toàn xã hội và giới của PPMU

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
	từ gói hỗ trợ ao nhà nước và tư nhân. Số hộ nghèo và hộ cận nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và số hộ gia đình DTTS được hỗ trợ thiết yếu để tiếp cận các ao, hồ chống biến đổi khí hậu thấp hơn tỷ lệ đại diện quy định trong GAP (30% phụ nữ nghèo và cận nghèo. là trụ cột trong gia đình và 20% hộ gia đình DTTS được hỗ trợ thiết yếu). Phụ nữ được mời tham vấn về vị trí ao và thiết kế ao không đáp ứng được tỷ lệ tham vấn yêu cầu (50% số người được hỏi là phụ nữ) vì họ thường được coi là không hiểu biết nhiều như nam giới. Xung đột giữa một số hộ gia đình trong cộng đồng có thể xảy ra trong quá trình thi công ao, có thể ảnh hưởng đến các hộ xung quanh/liền kề. Các hộ phụ nữ nghèo và cận nghèo thường rất yếu trong việc thương lượng với các hộ liền kề nếu có mâu thuẫn. Một số xã có thể không tìm đủ số lượng ao cấp xã để đăng ký theo	cộng đồng) để mọi người biết tiêu chí và đăng ký tham gia. Tổ chức bình chọn công khai, ưu tiên nữ trụ cột thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ người dân tộc thiểu số nếu số người đủ điều kiện đăng ký nhiều hơn hạn mức ao của dự án. Các nhà thầu tuân thủ nghiêm ngặt các chỉ tiêu về giới trong việc tổ chức các hoạt động tham vấn để xác định ao. Đối với các hộ hưởng lợi, khuyến khích cả vợ và chồng của người hưởng lợi tham gia tư vấn về việc lựa chọn vị trí ao và thiết kế ao. Nếu có vướng mắc/mâu thuẫn khi chuẩn bị thi công ao với các hộ liền kề, người trụ cột/hộ DTTS có thể hỏi hòa giải viên trong cộng đồng, kể cả trưởng thôn. , trưởng thôn và cán bộ CSAT của các PPMU để hỗ trợ giải quyết Theo chính sách của UNDP, PPMU mỗi tỉnh có thể điều phối và chuyển các tiêu chí về ao chung từ các xã có ít nhóm đăng	hỗ trợ ao và trong quá trình thi công ao.		thầu CPO-01 về việc tham vấn với những người hưởng lợi về việc lựa chọn vị trí ao và thiết kế ao.	

Khía cạnh Môi trường/Xã hội	Rủi ro/Tác động	Chiến lược giảm thiểu	Thời gian hành động	Đánh giá xác suất rủi ro	Trách nhiệm	Giám sát và Đánh giá
	Chỉ tiêu đã cho vì một số hộ lo ngại về tình trạng sử dụng chung các ao và số tiền góp vốn đối ứng khi tham gia nhóm ao xã. Điều này có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ phụ nữ và người dân tộc thiểu số tham gia hưởng lợi từ nhóm ao chung và các hoạt động liên kết với nhóm ao trong tương lai.	ký ao chung sang các xã có nhiều nhóm có nhu cầu đăng ký ao chung cao. Và các chỉ tiêu giới bắt buộc vẫn được áp dụng ở các xã nhận được tiêu chí bổ sung cho ao cấp xã. Trong trường hợp số lượng chỉ tiêu chung của các ao ở các tỉnh vẫn còn và các xã trong tỉnh không còn đăng ký các nhóm ao chung thì PPMU cần báo cáo thông tin này với CPMU và UNDP để có biện pháp khắc phục kịp thời. , hoặc có thể chờ điều chỉnh vào kỳ đánh giá giữa kỳ.				

5.2 NGƯỜI BẢN ĐỊA

5.2.1. Áp dụng SES của UNDP đối với người bản địa trong dự án

Do Chính phủ Việt Nam không sử dụng thuật ngữ 'dân tộc bản địa', do đó trong bản ESMP này, thuật ngữ 'dân tộc thiểu số' (EM) được sử dụng thay thế thuật ngữ 'dân tộc bản địa' trong bối cảnh Việt Nam. Trong bối cảnh này, các nhóm dân tộc thiểu số được đề cập ở đây nhất quán với SES của UNDP và tất cả các nhóm như thế sẽ được xác định là người bản địa theo SES của UNDP.

Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh là dân tộc đa số, chiếm 85,50% tổng dân số. 53 DTTS còn lại chiếm 14,7%. Người dân tộc thiểu số được biết là có tồn tại ở những khu vực mà dự án sẽ hoạt động. Các nhóm dân tộc thiểu số cư trú tại 5 tỉnh mục tiêu (tức là các tỉnh Khánh Hòa, Bình Thuận, Ninh Thuận, Đắk Lắk và Đắk Nông) chủ yếu bao gồm Raglai, Chăm, Ê Đê, Jarai, Mnông, Tày, Nùng, Mường, Thái, Dao, Hmông và những dân tộc khác.

Khung kế hoạch cho người bản địa (IPPF) đã được chuẩn bị để hỗ trợ cho đề xuất dự án SACCR do UNDP và Chính phủ Việt Nam chuẩn bị và được phê duyệt bởi Quỹ Khí hậu xanh (GCF).

Theo Tiêu chuẩn 6 của UNDP SES về Người bản địa, IPPF chỉ rõ rằng nếu một dự án hoặc tiểu dự án hoặc các hoạt động được đề xuất có thể ảnh hưởng đến quyền, đất đai, tài nguyên hoặc lãnh thổ của người bản địa, thì Kế hoạch Người bản địa (IPP) cần được xây dựng và đưa vào hệ thống tài liệu chính sách an toàn của dự án. IPP phải được xây dựng và triển khai theo cách nhất quán với các Tiêu chuẩn Môi trường và Xã hội của UNDP và có mức độ chi tiết tương ứng với mức độ phức tạp về tính chất và quy mô của Dự án được đề xuất cũng như các tác động tiềm ẩn của nó đối với người dân bản địa và đất đai, tài nguyên của họ và lãnh thổ. Với sự tham gia hiệu quả và có ý nghĩa của những người bị ảnh hưởng, IPP sẽ được xây dựng chi tiết và bao gồm các điều khoản đề cập đến, ở mức tối thiểu, các khía cạnh cơ bản của đề cương trong Phụ lục I của IPPF.

Ở giai đoạn sớm nhất của quá trình lên ý tưởng và thiết kế dự án, và lặp đi lặp lại trong suốt quá trình thực hiện và kết thúc dự án, các cơ chế phải được xác định và thực hiện để đảm bảo sự tham gia có ý nghĩa, hiệu quả và được cung cấp đầy đủ thông tin của người dân bản địa vào tất cả các vấn đề liên quan đến các hoạt động của dự án. Các cuộc tham vấn phù hợp với văn hóa được thực hiện với mục tiêu đạt được thỏa thuận và FPIC được đảm bảo về bất kỳ vấn đề nào có thể ảnh hưởng - tích cực hoặc tiêu cực - quyền và lợi ích, đất đai, lãnh thổ của người dân bản địa (dù có tên hoặc không có tên đối với người dân trong câu hỏi), tài nguyên, sinh kế truyền thống, và/hoặc Di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Điều này bao gồm mọi hoạt động tái định cư tiềm năng và đề xuất phát triển, sử dụng hoặc khai thác khoáng sản, rừng, nước hoặc các nguồn tài nguyên khác trên các vùng đất và lãnh thổ mà người dân bản địa sở hữu, chiếm đóng hoặc sử dụng hoặc mua lại theo cách khác, kể cả các vùng đất và lãnh thổ mà họ chưa có quyền sở hữu, cũng như sở hữu hình thức. Các hoạt động dự án có thể ảnh hưởng



Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

xấu đến sự tồn tại, giá trị, sử dụng hoặc hưởng thụ đất đai, tài nguyên hoặc lãnh thổ bản địa không được tiến hành trừ khi đã đạt được thỏa thuận thông qua quy trình FPIC. Quy trình đảm bảo đạt được FPIC được nêu trong IPPF của dự án.

5.2.2. Kết quả tham vấn tại địa điểm dự án với người dân và cộng đồng DTTS

Một cuộc khảo sát đánh giá sơ bộ tại 8 xã được chọn và hội thảo về các biện pháp an toàn xã hội vào tháng 7 năm 2022. Các cuộc tham vấn này đã xác nhận sự cư trú của người DTTS tại các địa điểm dự án và người DTTS cũng được xác nhận là những người hưởng lợi trực tiếp và gián tiếp bên cạnh những người hưởng lợi khác của dự án. Nhiều lợi ích được cho là tích cực cho người DTTS đã được xác định thông qua các hoạt động của dự án phù hợp với thiết kế và mục tiêu của dự án, bao gồm tăng khả năng tiếp cận với nguồn nước tưới tiêu, lợi ích từ việc áp dụng các kỹ thuật và công nghệ tưới tiêu tiết kiệm nước tiên tiến, cũng như khả năng tiếp cận và liên kết thị trường tốt hơn, và nâng cao năng lực để có sinh kế tốt hơn.

Một số tác động tiêu cực tiềm ẩn liên quan đến các hoạt động dự án đã được đề cập trong ESMP này cũng đã được người DTTS xác định trong các quá trình tham vấn. Thực tế những điều này được cho là liên quan đến các tác động nhất thời trong quá trình xây dựng như liên quan đến tiếng ồn, phát sinh chất thải và khả năng gián đoạn tạm thời đối với các hoạt động canh tác.

Kết quả của các cuộc tham vấn sơ bộ này đã xác nhận sự cần thiết phải xây dựng một IPP cho dự án, dựa trên sự cư trú của người DTTS tại các địa điểm dự án bao gồm cả những người hưởng lợi trực tiếp và gián tiếp cũng như các tác động tích cực và tiêu cực dự kiến của dự án đối với người DTTS.

Tiếp theo 8 hội thảo tham vấn ban đầu tại các xã được chọn, các PPMU tiếp tục tiến hành các hội thảo tham vấn tại tất cả các xã dự án, áp dụng phương pháp tiếp cận tương tự. Kết quả của các hội thảo tham vấn sẽ được đưa vào bằng chứng về FPIC để được dự án kết hợp với IPP ghi lại. Cả IPP và bằng chứng về FPIC sẽ được cung cấp cho GCF theo quy định tại điểm 10.02(j) của FAA.

5.2.3. Cơ chế kiểm soát để đảm bảo nhà thầu tuân thủ IPP

PPMU chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các yêu cầu của IPP được đưa vào các tài liệu hợp đồng, điều khoản tham chiếu cũng như hồ sơ đấu thầu công trình dân dụng cho tất cả các công trình xây dựng theo Hoạt động 1.2.1 và Hoạt động 1.3.1, đảm bảo rằng không có nhà thầu nào bắt đầu các hoạt động xây dựng trước khi IPP phê duyệt, đồng thời tiến hành giám sát việc tuân thủ IPP trong quá trình triển khai các hoạt động xây dựng.

6. CÁC CHIẾN LƯỢC GIẢM THIỂU MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Phần này xác định các chiến lược môi trường và xã hội được xác định cho dự án và vạch ra các mục tiêu quản lý tương ứng, các tác động tiềm ẩn, các hoạt động kiểm soát và các tiêu chí hoạt động môi trường mà các chỉ số này sẽ được đánh giá (tức là đã được kiểm toán).

6.1 KHÍ HẬU

Cả Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ đều nằm trong đới khí hậu xavan nhiệt đới nhưng có một số vùng tiểu khí hậu cục bộ do địa hình đa dạng: vùng cao hoặc vùng núi trung bình ẩm ướt hơn, vùng đồng bằng và ven biển khô hơn và các vùng cao nguyên ở Tây Nguyên nằm ở giữa.

Lượng mưa hàng năm ở Tây Nguyên từ 1400mm đến 2000mm. Lượng mưa tháng cao nhất từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm khoảng 80% lượng mưa hàng năm. Lượng mưa trung bình tháng trong mùa mưa vượt quá 200mm và đạt cực đại vào tháng 8 và tháng 9.

Lượng mưa hàng năm ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ dao động từ 700 đến 800mm ở vùng đồng bằng đến 1.300mm ở vùng cao, với 90% lượng mưa được cung cấp trong mùa mưa. Phần phía bắc nhất của khu vực là một trong những nơi ẩm ướt nhất ở Việt Nam, trong khi phần phía nam - với Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận - khô nhất. Lượng mưa tháng ở ba tỉnh cao nhất từ tháng 5 đến tháng 11. Lượng mưa trung bình tháng trong mùa mưa khoảng 200-350mm và đạt cực đại vào tháng 9-10. Một số khu vực khô hạn nhất có từ sáu đến chín tháng khô hạn một năm với lượng mưa hàng năm ít hơn 500mm.

Việt Nam có đặc điểm khí hậu cận nhiệt đới ẩm với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông ở phía Bắc và khí hậu xavan nhiệt đới chỉ có hai mùa - khô và ẩm - ở phía Nam. Khí hậu bị ảnh hưởng mạnh bởi hai đợt gió mùa, gió mùa Đông Bắc (tháng 12 - tháng 3) và gió mùa Tây Nam (tháng 6 - tháng 9), mang lại gió mạnh, lượng mưa tăng cường và các hiện tượng mưa lớn.

Tác động biến đổi khí hậu do dự án mang lại là rất ít. Tuy nhiên, để đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu đòi hỏi các nhà thầu phải áp dụng các biện pháp không phát thải khí nhà kính.

6.2 HỆ SINH THÁI

6.2.1 Thông tin cơ sở

Từ kết quả của các vòng tham vấn và đánh giá dữ liệu có sẵn, các hoạt động của dự án sẽ không diễn ra tại khu bảo tồn, ví dụ: vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên. Các công trình thi công sẽ được thực hiện chủ yếu trên đất canh tác. Mức độ xáo trộn không đáng kể.

Bảng 14: Danh sách các khu bảo tồn lân cận trong 5 tỉnh mục tiêu của dự án đến các xã mục tiêu của dự án

Tỉnh Khánh Hòa	Các khu vực được bảo vệ lân cận
Huyện Cam Lâm	
Cam Duc	Không
Cam Tan	Không
Cam Hoa	Không
Cam Hai Tay	Không
Cam Hiep Bac	Không
Cam Hiep Nam	Không
Cam Thanh Bac	Không
Suoi Cat	Khu bảo tồn thiên nhiên Hon Ba
Suoi Tan	Không
Tỉnh Ninh Thuận	
Huyện Ninh Hải	
Phuong Hai	Không
Xuan Hai	Không
Tri Hai	Không
Nhon Hai	Vườn quốc gia Núi Chúa
Huyện Ninh Sơn	
My Son	Không
Nhon Son	Không
Huyện Thuận Bắc	
Phuoc Chien	Không
Phuoc Khang	Không
Loi Hai	Không
Bac Son	Không
Bac Phong	Không
Huyện Bắc Ái	
Phuoc Tan	Không

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Phuoc Thang	Không
Phuoc Thanh	Không
Phuoc Trung	Không
Tỉnh Bình Thuận	
Huyện Hàm Thuận Nam	
Thuan Nam town	Khu bảo tồn thiên nhiên Ta Kou
My Thanh	Khu bảo tồn thiên nhiên Nui Ong
Ham Can	Không
Tan Lap	Không
Tan Thanh	Khu bảo tồn thiên nhiên Ta Kou
Tan Thuan	Khu bảo tồn thiên nhiên Ta Kou
Huyện Đức Linh	
Tan Ha	Không
Dong Ha	Không
Tra Tan	Không
Tỉnh Dak Lak	
Huyện Ea Hleo	
Ea DRang	Không
Ea Sol	Không
Dlie Yang	Không
Huyện Cu M'Gar	
Quang Tien	Không
Huyện Ea Kar	
Ea So	Khu bảo tồn thiên nhiên Ea Sô
Ea Sar	Không
Xuan Phu	Không
Huyện Krong Pac	
Krong Buk	Không
Ea Phe	Không
Ea Yong	Không
Ea Kenh	Không
Tỉnh Dak Nong	
Huyện Cu Jut	
Ea T'Ling	Không
Nam Dong	Không
Dak DRong	Không
Tam Thang	Không
Cu Knia	Không
Truc Son	Không
Huyện Dak Mil	
Dak Lao	Không

Dac Manh	Không
Long Son	Không
Dak Sak	Không
Thuan An	Không
Duc Minh	Không
Huyện Krong No	
Dak Sor	Không
Nam Xuan	Không
Dak Dro	Không
Nam Nung	Không

Các loài bị đe dọa ở Việt Nam

Các loài sau đây xuất hiện trong Sách đỏ của IUCN về các loài bị đe dọa²:

- Chim sẻ xanh Việt Nam (*Chloris monguilloti*) - Môi quan tâm ít nhất - *Carduelis monguilloti* là loài đặc hữu của cao nguyên Đà Lạt, phía nam An Nam, Việt Nam, là loài phổ biến tại địa phương.
- Ếch com Việt Nam (*Microhyla annamensis*) - Sắp bị đe dọa - Loài này chỉ được biết đến một cách chắc chắn ở độ cao từ 1.000-2.000 m Asl trên Cao nguyên Langbian ở phía nam Tây Nguyên Việt Nam (Smith 1923, Poyarkov et al. 2014).
- Ếch hút Việt Nam (*Odorrana chapaensis*) - Sắp bị đe dọa - Loài này được biết đến từ các quận Hà Khẩu và Luchun ở phía nam tỉnh Vân Nam, Trung Quốc (nơi Zhao và Adler (1993) gọi nó với từ đồng nghĩa *Amolops macrorhynchus*), từ Sa Pa ở cực bắc Việt Nam (Bourret 1942) và từ Dãy núi Annamite cực bắc (S. Swan pers. comm.) của Việt Nam.
- Thằn lằn Việt Nam (*Psuedocalotes brevipes*) - Ít quan tâm nhất - Loài này được biết đến từ vùng Tonkin (Bắc Kỳ), miền Bắc Việt Nam và từ Quảng Tây, Trung Quốc.
- Ếch bay Việt Nam (*Rhacophorus calcaneus*) - gần Đe dọa - Loài này được biết đến từ Cao nguyên Kon Tum ở miền nam và miền trung Việt Nam, vùng đá vôi ở miền Trung Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và vùng núi Trường Sơn và Tam Đảo (từ những cá thể chưa thành thực), miền Bắc Việt Nam (Inger et al. 1999, Stuart 1999). Được giới hạn trong rừng nhiệt đới thường xanh không bị xáo trộn và thường được quan sát thấy trên thảm thực vật ven suối.
- Cheo Cheo Việt Nam (*Tragulius versicolor*) - Thiếu dữ liệu - Không có thông tin về phạm vi hoặc tình trạng quần thể hiện tại của *T. versicolor* vì thiếu công việc khảo sát thích hợp về loài này ở các khu vực thích hợp.

² Sách đỏ của IUCN về các loài bị đe dọa.. Phiên bản 2017-3. <http://www.iucnredlist.org> truy cập ngày 15/5/2018

6.2.2 Tiêu chí Hiệu suất

Các tiêu chí hoạt động sau đây được đặt ra cho việc thi công các dự án:

không phát quang thực bì ngoài ranh giới phát quang đã chỉ định;

không có cái chết đối với động vật bản địa do kết quả của các hoạt động phát quang;

không có tác động có hại đến môi trường nước và sinh cảnh trên cạn;

không đưa vào các loài cỏ dại mới do kết quả của các hoạt động thi công; và

không có sự gia tăng cỏ dại hiện có trong hoặc ngoài bất kỳ dấu vết nào của dự án do các hoạt động thi công.

.

Bảng 15: Các biện pháp quản lý động thực vật

Vấn đề	Hoạt động kiểm soát (và Nguồn)	Hoạt động thi công	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo ³
FF1: Mất môi trường sống và xáo trộn hệ động vật	FF1.1 Hạn chế phát quang thảm thực vật và giảm thiểu xáo trộn môi trường sống thông qua việc bảo vệ và quản lý đầy đủ các thảm thực vật được giữ lại.	Đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	FF1.2: Giảm thiểu mức độ ồn và tia lửa điện do quá trình thi công và vận hành trong khu vực của bất kỳ địa điểm nhạy cảm nào.	Đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	FF1.3: Bảo đảm tất cả các nhân sự đều nhận thức được địa điểm sinh cảnh/thực vật và các yêu cầu bảo vệ các khu vực này.	Đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	FF1.4 Giảm thiểu sự xáo trộn đối với động vật tại chỗ và phục hồi và cứu hộ bất kỳ động vật nào bị thương hoặc mồ côi trong quá trình thi công và vận hành.	Đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và duy trì hồ sơ, báo cáo
	FF1.5: Trong trường hợp có khả năng liên quan tới loài bị đe dọa, cần lập kế hoạch quản lý loài bị đe dọa (có thể là một phần trong nội dung CESMP cụ thể)	Đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và duy trì hồ sơ, báo cáo
FF2: Các loài thực vật và cỏ dại được giới thiệu	FF2.1: Thực hiện ESCP để giảm sự lây lan của cỏ dại do xói mòn và vật liệu bồi lắng xâm nhập vào bất kỳ đường nước nào và do đó lây lan.	Trước và trong quá trình thi công	1.3.1 hoạt động	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	FF2.2: Cải tạo các khu vực bị xáo trộn bằng cách sử dụng các loài bản địa và đặc hữu địa phương có giá trị sinh cảnh cao.	Đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Theo yêu cầu và duy trì hồ sơ
	FF2.3: Giảm thiểu sự xáo trộn đối với thảm thực vật trưởng thành còn sót lại, đặc biệt là các cây có tán.	Đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	FF2.4: Hạt giống không được lẫn cỏ dại	Vận hành	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	FF2.5: Kiểm soát cỏ dại trong khu vực thi công		Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1		

³ Ghi chú: SNN&PTNT phải được thông báo ngay lập tức trong trường hợp có bất kỳ trường hợp nghi ngờ nào về vật chất hoặc tác hại nghiêm trọng đến môi trường, hoặc nếu vượt quá mức xác định liên quan đến chất lượng nước

	FF2.6: Cần kiểm soát cỏ dại trong khu vực thực hiện dự án	Đường ống/ao	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và duy trì hồ sơ
--	---	--------------	--------------------------	-----	----------------------------

6.3 NƯỚC NGẦM

6.3.1 Thông tin cơ sở

Tài nguyên nước ngầm ở Việt Nam rất dồi dào - với tổng trữ lượng tiềm năng có thể khai thác của các tầng chứa nước của đất nước, ước tính gần 60 tỷ m³ mỗi năm. Trữ lượng thay đổi từ dồi dào ở Đồng bằng sông Cửu Long đến có phần hạn chế ở Bắc Trung Bộ. Ở Tây Nguyên, nước ngầm được khai thác nhiều để tưới cây hoa màu dẫn đến tình trạng thiếu nước ở các vùng này⁴.

Dự án sẽ sử dụng nước mặt, được thu hoạch và lưu trữ trong các đập và hồ chứa, sau đó được phân phối qua các đường ống của dự án. Nước ngầm sẽ không được sử dụng như một phần của dự án, trên thực tế, dự án nhằm mục đích giảm bớt sự phụ thuộc của nông dân vào nguồn nước ngầm.

Các tác động tiềm tàng đối với nước ngầm là do ô nhiễm do hoạt động thi công, ví dụ như tràn hoặc lắng cặn, hoặc ô nhiễm trong quá trình vận hành ví dụ như tràn nhiên liệu/dầu hoặc bón phân quá mức.

6.3.2 Tiêu chí Hiệu suất

Các tiêu chí hoạt động sau đây được đặt ra cho dự án:

chất lượng và số lượng nước ngầm không bị suy giảm đáng kể do kết quả của các hoạt động thi công và vận hành gần các dự án;
thực hiện hiệu quả các EDSCP cụ thể tại địa điểm và các biện pháp khác để bảo vệ nước ngầm.

Bằng cách tuân thủ các biện pháp quản lý được đề ra trong ESMP, dự án sẽ không có tác động đáng kể đến chất lượng nước trên toàn bộ khu vực rộng lớn hơn.

⁴ <http://www.wepa-db.net/policies/state/vietnam/groundwater.htm>

Bảng 16: Các biện pháp quản lý nước ngầm

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo ⁵
GW 1: Sự gia tăng tổng chất ô nhiễm, hydrocacbon, kim loại và các chất ô nhiễm hóa học khác vào môi trường nước ngầm và/hoặc nước mặt.	GW1.1: Tiến hành giám sát chất lượng nước mặt và nước ngầm thường xuyên ở những vị trí có khả năng bị ảnh hưởng đến nước ngầm, kể cả việc đánh giá thay đổi đối với chất lượng nước ngầm.	Giai đoạn thi công và vận hành	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và theo yêu cầu với báo cáo cho SNN&PTNT và UNDP
	GW1.2: Ngăn nước mặt bị ô nhiễm xâm nhập vào các tầng chứa nước thông qua các lỗ khoan và giếng - bảo vệ khỏi dòng chảy và lũ lụt và giữ cho các khu vực xung quanh luôn sạch sẽ.	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng tuần
	GW1.3: Các khu vực được chỉ định để lưu trữ nhiên liệu, dầu, hóa chất hoặc các chất lỏng nguy hiểm khác phải có nền chống thấm, được nén chặt và viền quanh để ngăn chặn bất kỳ sự cố tràn nào. Tiếp nhiên liệu được thực hiện ở các khu vực cách xa hệ thống nước.	Toàn bộ giai đoạn thi công và vận hành	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Báo cáo hàng tuần với SNN&PTNT và UNDP
	GW1.4: Kiểm tra tất cả các phương tiện, thiết bị và khu vực chứa nguyên vật liệu hàng ngày để đảm bảo nhiên liệu, dầu và hóa chất không bị rò rỉ. Thực hiện việc tiếp nhiên liệu ở các địa điểm xác định trước và xa khỏi các hệ thống nước	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	GW 1.5: Giảm thiểu việc sử dụng thuốc diệt cỏ, thuốc trừ sâu và các hóa chất khác và chỉ sử dụng thuốc diệt cỏ phân hủy sinh học có tác động tối thiểu đến chất lượng nước và động vật. Chỉ sử dụng theo chỉ dẫn	Tất cả các giai đoạn	Đào tạo	Tất cả nhân sự	Báo cáo hàng tuần cho SNN&PTNT và UNDP

⁵ Ghi chú: SNN&PTNT phải được thông báo ngay lập tức trong trường hợp có bất kỳ trường hợp nghi ngờ nào về vật chất hoặc tác hại nghiêm trọng đến môi trường, hoặc nếu vượt quá mức xác định liên quan đến chất lượng nước

6.4. Nước MẶT

6.4.1 Thông tin cơ sở

Dự án liên quan đến việc thu và lưu trữ nước trong các hồ chứa, sau đó được chuyển qua kênh và đường ống đến các bể và ao nhỏ hơn để phân phối cho các khu ruộng. Nghiên cứu khả thi bao gồm các bản đồ về mạng lưới nước mặt, cả tự nhiên và nhân tạo.

Như đã thảo luận trong phần 5.1, lượng mưa hàng năm ở Tây Nguyên dao động từ 1400mm đến 2000mm. Lượng mưa tháng cao nhất từ tháng 5 đến tháng 10, chiếm khoảng 80% lượng mưa cả năm. Lượng mưa trung bình tháng trong mùa mưa vượt quá 200mm và đạt cực đại vào tháng 8 và tháng 9.

Lượng mưa hàng năm ở vùng duyên hải Nam Trung Bộ dao động từ 700 đến 800mm ở vùng đồng bằng đến 1.300mm ở vùng cao, với 90% lượng mưa được cung cấp trong mùa mưa. Phần phía bắc nhất của khu vực là một trong những nơi ẩm ướt nhất ở Việt Nam, trong khi phần phía nam - với Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận - khô nhất. Lượng mưa tháng ở ba tỉnh cao nhất từ tháng 5 đến tháng 11. Lượng mưa trung bình tháng trong mùa mưa khoảng 200-350mm và đạt cực đại vào tháng 9-10. Một số khu vực khô hạn nhất có từ sáu đến chín tháng khô hạn một năm với lượng mưa hàng năm ít hơn 500mm.

Mưa khác nhau giữa các khu vực. Bản đồ và biểu đồ về lượng mưa có trong Nghiên cứu khả thi. Mức độ nghiêm trọng của lượng mưa có thể ảnh hưởng đến nguy cơ lũ lụt và xói mòn, do đó phải được xem xét trong bất kỳ kế hoạch thi công và vận hành nào.

Có nước có chất lượng phù hợp với mục đích sử dụng là điều quan trọng. Chất lượng nước có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của cây trồng, sức khỏe vật nuôi, chất lượng đất, thiết bị nông trại và sử dụng trong nước. Chất lượng của nguồn nước cũng có thể thay đổi tùy thuộc vào thời tiết và các yếu tố đầu vào bên ngoài.

Bốc hơi làm tăng nồng độ muối trong khi xả nước làm loãng muối nhưng có thể làm tăng cặn và phân bón, phân hoặc chất dinh dưỡng chảy tràn.

6.4.2 Tiêu chí Hiệu suất

Các tiêu chí hiệu suất sau được đặt ra cho dự án:

chất lượng nước không bị suy giảm đáng kể do kết quả của các hoạt động thi công và vận hành;

chất lượng nước phải tuân theo bất kỳ điều kiện phê duyệt nào do UNDP, SNN&PTNT và/hoặc các cơ quan chính phủ khác quy định, hoặc trong trường hợp không có các điều kiện đó, hãy tuân theo phương pháp luận 'không làm xấu đi'; và triển khai hiệu quả các EDSCP theo địa điểm cụ thể.

Bảng 17: Các biện pháp quản lý chất lượng nước

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Trách nhiệm	Áp dụng cho	Giám sát và báo cáo ⁶
W1: Tăng cường chất lượng nước và các chất gây ô nhiễm khác trong hệ thống nước mặt.	W1.1: Xây dựng và thực hiện Kế hoạch kiểm soát xói mòn, thoát nước và bồi lắng (EDSCP) cụ thể tại công trường để giải quyết vấn đề kiểm soát thoát nước, kiểm soát bồi lắng và xói mòn và dự trữ vật liệu, đất trong quá trình xây dựng tất cả các hợp phần của dự án. Các biện pháp EDSCP được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo tất cả các thiết bị hoạt động hiệu quả.	Trước công tác đất	SEO	Hoạt động và 1.2.1 1.3.1	Thiết lập ban đầu và sau đó theo yêu cầu với báo cáo cho SNN&PTNT và UNDP
	W1.2: Các khu vực được chỉ định để lưu trữ nhiên liệu, dầu, hóa chất hoặc các chất lỏng nguy hiểm khác phải có nền chống thấm, được nén chặt và viền quanh để ngăn chặn bất kỳ sự cố tràn nào. Tiếp nhiên liệu được thực hiện ở các khu vực cách xa hệ thống nước.	Toàn bộ giai đoạn thi công và vận hành	Tất cả nhân sự	Hoạt động và 1.2.1 1.3.1	Báo cáo hàng tuần với SNN&PTNT và UNDP
	W1.3: Tiến hành giám sát chất lượng nước mặt và nước ngầm thường xuyên ở những vị trí có khả năng bị ảnh hưởng đến nước ngầm kể cả việc đánh giá thay đổi đối với chất lượng nước ngầm.	Toàn bộ giai đoạn thi công và vận hành	SEO	Hoạt động và 1.2.1 1.3.1	Hàng tuần và theo yêu cầu với báo cáo cho SNN&PTNT và UNDP
	W1.4: Lên kế hoạch làm việc theo từng giai đoạn để đảm bảo rằng các khu vực bị xáo trộn được phục hồi và ổn định dần dần và sớm nhất có thể sau khi hoàn thành công việc.	Tránh thực hiện công việc đào đắp hàng loạt trong mùa mưa	Cán bộ hiện trường và SNN&PTNT	Hoạt động và 1.2.1 1.3.1	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	W1.5: Vật liệu xây dựng sẽ không được lưu trữ gần môi trường nước do có nguy cơ thải ra môi trường. Các thiết bị xây dựng sẽ được chuyển ra khỏi vị trí gần môi trường nước vào cuối mỗi ngày làm việc hoặc nếu dự báo có lượng mưa lớn	Toàn bộ giai đoạn thi công và vận hành	SEO	Hoạt động và 1.2.1 1.3.1	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép

⁶ Ghi chú: SNN&PTNT phải được thông báo ngay lập tức trong trường hợp có bất kỳ trường hợp nghi ngờ nào về vật chất hoặc tác hại nghiêm trọng đến môi trường, hoặc nếu vượt quá mức xác định liên quan đến chất lượng nước

6.5. CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

6.5.1 Thông tin cơ sở

Các khu vực dự án chủ yếu là làng quê hoặc nông thôn. Chất lượng không khí hiện tại phản ánh những môi trường đó, với bụi là mối phiền toái chính về chất lượng không khí, nhưng khói và khí thải động cơ cũng có thể gây ra phiền toái.

Tất cả các hoạt động thi công đều có khả năng gây ra những phiền toái về chất lượng không khí. Công nhân tham gia vào các hoạt động thi công và vận hành cần phải nắm rõ các phương pháp giảm thiểu tác động của chất lượng không khí có hại và các quy trình thi công thay thế theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc thông lệ quốc tế tốt.

6.5.2 Tiêu chí Hiệu suất

Các tiêu chí hoạt động sau đây được đặt ra cho việc thi công các dự án:

Việc phát tán bụi/vật chất hạt không được gây phiền toái đến môi trường;

Thực hiện các biện pháp mọi lúc để hỗ trợ giảm thiểu các tác động đến chất lượng không khí liên quan đến các hoạt động thi công và vận hành; và

Hành động khắc phục để trả lời các khiếu nại và/hoặc khiếu nại sẽ được thực hiện trong vòng 48 giờ.

Bảng 18: Các biện pháp quản lý chất lượng không khí

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
A.1 Tăng mức độ bụi tại các thụ thể tiếp nhận	A1.1: Thực hiện các biện pháp quản lý bụi hiệu quả trong tất cả các lĩnh vực trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành.	Trước và trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	A1.2: Hạn chế tốc độ trên đường và tiếp cận các tuyến đường	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	A1.3: Quản lý các hoạt động tạo ra bụi/hạt để đảm bảo rằng khí thải không gây ra phiền toái cho môi trường tại bất kỳ địa điểm nhạy cảm nào	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	A1.4: Các hoạt động xây dựng cần giảm thiểu rủi ro liên quan đến các sự kiện khí hậu (kiểm tra các dự báo).	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	A1.5: Thực hiện lập kế hoạch/tổ chức các công việc được đề xuất để đảm bảo giảm thiểu sự xáo trộn lớn của thảm thực vật và công tác đào đắp.	Toàn bộ việc xây dựng	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	A1.6: Xác định vị trí các khu vực dự trữ vật liệu càng xa các cơ quan tiếp nhận nhạy cảm càng tốt. Che nếu thích hợp.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	A1.7: Cung cấp đủ nước có chất lượng phù hợp cho các hoạt động ngăn chặn bụi tuân theo bất kỳ hạn chế nào về nước.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	A1.8: Lên lịch các hoạt động phục hồi để đảm bảo sự tồn tại tối ưu của các loài thực vật.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	A1.9: Các thùng chứa rác nên được che đậy và đặt càng xa các vị trí nhạy cảm càng tốt	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
A2: Tăng lượng khí thải xe cộ/máy móc	A2.1 Đảm bảo tắt các phương tiện/máy móc khi không sử dụng.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	A2.2 Đảm bảo chỉ các phương tiện cần thiết để đảm nhận công việc được vận hành tại chỗ.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
	A2.3 Đảm bảo tất cả các phương tiện thi công, nhà máy và máy móc được bảo trì và vận hành theo đúng tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật của thiết kế.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	A2.4 Thi công và thực hiện một chương trình giới thiệu cho tất cả cán bộ hiện trường, bao gồm tối thiểu một phác thảo về các yêu cầu tối thiểu đối với quản lý môi trường liên quan đến địa điểm.	Trước và trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	A2.5 Xác định vị trí các khu vực lưu trữ phương tiện thi công/nhà máy/thiết bị càng xa các vị trí nhạy cảm càng tốt.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	A2.6 Khí thải trực tiếp của nhà máy di động cách xa mặt đất.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ

6.6 TIẾNG ÒN VÀ ĐỘ RUNG

6.6.1 Thông tin cơ sở

Tất cả các hoạt động thi công và vận hành đều có khả năng lớn gây phiền toái về tiếng ồn. Cư dân gần đó và sinh cảnh nhạy cảm có thể bị ảnh hưởng bởi độ rung được gây ra thông qua việc sử dụng thiết bị rung. Việc nỗ lực không bắt buộc phải được thực hiện như một phần của dự án này.

Việc sử dụng máy móc hoặc đưa vào sử dụng các phương tiện tạo ra tiếng ồn có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và cư dân nếu không được quản lý thích hợp.

Các nhà thầu tham gia vào hoạt động thi công cần phải nắm rõ các phương pháp kiểm soát máy móc ồn ào và các quy trình thi công thay thế có trong luật cụ thể hoặc trong trường hợp không có, có thể áp dụng thông lệ quốc tế tốt trong ngành nếu luật chưa được ban hành.

Các nguồn tiếng ồn tiềm ẩn trong quá trình thi công và vận hành có thể bao gồm:

- máy móc thi công hạng nặng
- dụng cụ điện và máy nén
- Xe vận chuyển
- máy bơm
- máy móc nông nghiệp

6.6.2 Tiêu chí Hiệu suất

Các tiêu chí hoạt động sau đây được đặt ra cho việc thi công các dự án:

- tiếng ồn từ các hoạt động thi công và vận hành không được gây ảnh hưởng đến môi trường tại bất kỳ địa điểm nhạy cảm về tiếng ồn;
- thực hiện các biện pháp mọi lúc để hỗ trợ giảm thiểu tiếng ồn liên quan đến các hoạt động thi công;
- không có thiệt hại đối với tài sản ngoài công trường do rung động từ các hoạt động thi công và vận hành; và
- hành động khắc phục để trả lời các khiếu nại và/hoặc khiếu nại sẽ được thực hiện trong vòng 48 giờ.

Bảng 19: Các biện pháp quản lý tiếng ồn và rung

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
N1: Tăng mức độ tiếng ồn	N1.1: Lựa chọn nhà máy và thiết bị và thực hành công việc thiết kế cụ thể để đảm bảo giảm thiểu phát thải tiếng ồn trong quá trình xây dựng và vận hành bao gồm tất cả các thiết bị bơm.	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N1.2: Các thiết bị giảm tiếng ồn cụ thể như bộ giảm thanh và bộ giảm âm phải được lắp đặt thích hợp với nhà máy và thiết bị tại hiện trường.	Trước và trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N1.3 Giảm thiểu nhu cầu và hạn chế phát thải càng nhiều càng tốt nếu các công việc thi công tạo ra tiếng ồn được thực hiện ngoài giờ: 7am-6pm	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	N1.4: Tham khảo ý kiến của người dân xung quanh trước các hoạt động xây dựng, đặc biệt nếu các hoạt động xây dựng tạo ra tiếng ồn được thực hiện ngoài giờ 'ban ngày': 7am-6pm.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	N1.5 Các chiến lược kiểm soát thay thế phải được thực hiện, theo đó các hạng mục thiết bị tạo ra tiếng ồn quá mức tại chỗ được thay thế bằng các giải pháp khác.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	N1.6 Lắp các rào cản tiếng ồn thi công tạm thời dưới dạng vật liệu thi công kiên cố ở những nơi có thể có tác động đến những người dân cụ thể.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	N1.7 Mọi khiếu nại về sự cố và sự không tuân thủ liên quan đến tiếng ồn phải được báo cáo theo các thủ tục báo cáo sự cố hiện trường và được tóm tắt trong nhật ký công trường.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
N1: Tăng mức độ tiếng ồn	N1.8 Nhà thầu cần tiến hành đào tạo cán bộ và người vận hành để nâng cao nhận thức về sự cần thiết phải giảm thiểu tiếng ồn quá mức thông qua việc thực hiện các biện pháp.	Trước và trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
N2: Rung do thi công	N2.1: Xác định các đặc tính, cấu trúc và vị trí môi trường sống sẽ nhạy cảm với các tác động rung động do xây dựng và vận hành dự án.	Trước và trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N2.2: Thiết kế để đưa ra các biện pháp giảm thiểu tạm thời và lâu dài đối với tiếng ồn và độ rung do tác động của rung động xây dựng và vận hành.	Tiền thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N2.3: Mọi khiếu nại về sự cố và sự không tuân thủ liên quan đến tiếng ồn phải được báo cáo theo các thủ tục báo cáo sự cố hiện trường và được tóm tắt trong nhật ký công trường.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	N2.4: Trong quá trình xây dựng, các biện pháp tiêu chuẩn sẽ được thực hiện để xác định vị trí và bảo vệ các dịch vụ ngầm khỏi các tác động rung động trong xây dựng và vận hành.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép

6.7 KIỂM SOÁT XÓI MÒN, THOÁT NƯỚC VÀ TRẦM TÍCH

6.7.1 Thông tin cơ sở

Các địa điểm có địa hình và loại đất khác nhau. Dự án tập trung vào canh tác thích ứng với khí hậu, bao gồm sử dụng tốt hơn tài nguyên đất và nước, do đó việc quản lý hệ thống thoát nước và xói mòn là rất quan trọng. Các biện pháp can thiệp cần xem xét cả các tác động ngắn hạn và dài hạn và các sự kiện tự nhiên như lũ lụt nằm ngoài tầm kiểm soát của dự án.

Nguy cơ xói mòn tồn tại cả trong giai đoạn thi công và giai đoạn vận hành.

6.7.2 Địa hình

Về địa hình, Tây Nguyên hình thành phần phía đông của một loạt các cao nguyên tiếp giáp với độ cao từ 500m đến 1.500m so với mực nước biển. Khu vực cao nguyên được bao quanh bởi dãy núi Nam Trường Sơn.

Vùng duyên hải Nam Trung Bộ có địa hình phức tạp với những vùng đất thấp, đồi núi quanh co, rừng rậm, cồn cát và đất đá pha cát. Những ngọn núi cao nhất ở phía Nam giáp Tây Nguyên có thể lên tới 1000m.

Các khu vực mục tiêu của dự án nói chung là ở các tầng thung lũng bằng phẳng, với một số hoạt động canh tác mưa diễn ra dọc theo các lều dốc. Các khu vực dốc hoặc quá nhiều đá không phải là một phần của dự án.

6.7.3 Đất

Xói mòn đất phụ thuộc vào một số thông số như loại đất, độ dốc, thảm thực vật, bản chất của địa hình và cường độ mưa. Sự mất ổn định của đất và xói mòn đất có thể xảy ra do việc loại bỏ lớp phủ thực vật và nhiều hoạt động thi công. Có thể làm mất độ phì nhiêu của đất và gây mất ổn định mái dốc. Việc chuẩn bị đất cho dự án có thể dẫn đến tắc nghẽn hoặc thay đổi các đường dẫn dòng chảy tự nhiên gây ra những thay đổi về mô hình thoát nước trong khu vực. Các biện pháp giảm thiểu hiệu quả và hiệu quả không chỉ có thể giảm thiểu mà còn có thể cải thiện các điều kiện so với các điều kiện hiện có.

Lượng mưa có thể có tác động đáng kể đến khả năng quản lý các tác động môi trường, đặc biệt là về quản lý hệ thống thoát nước, xói mòn và bồi lắng. Do đó, các hoạt động liên quan đến xáo trộn đất đáng kể hoặc vận hành các đường thoát nước và đường dẫn nước nên được lên kế hoạch thực hiện trong những tháng khô hạn nhất. Điều quan trọng nữa là phải đảm bảo rằng Mọi cơ chế kiểm soát xói mòn và bồi lắng cần thiết được thực hiện trước khi bắt đầu mùa mưa.

Các hoạt động có khả năng gây xói mòn nên được thực hiện với các điều kiện thời tiết có thể xảy ra.

6.7.4 Tiêu chí Hiệu suất

Các tiêu chí hoạt động sau đây được đặt ra cho dự án:

không tích tụ trầm tích trong môi trường nước và/hoặc nước mặt và/hoặc nước ngầm do kết quả của các hoạt động thi công và vận hành;

không làm suy giảm chất lượng nước trong hoặc ngoài công trình của mọi dự án;

nước trong khu vực dự án và/hoặc vào các hệ thống nước ngầm phải được thông qua các biện pháp kiểm soát xói mòn, thoát nước và trầm tích thực hành tốt nhất; và triển khai hiệu quả EDSCP cho từng địa điểm cụ thể.

Bảng 20: Các biện pháp kiểm soát xói mòn, thoát nước và bồi lắng

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
E1: Mất vật liệu đất và bồi lắng xuống bề mặt và/hoặc hệ thống nước ngầm từ công trường do các hoạt động đào đắp	E1.1: Lập và thực hiện EDSCP cho bất kỳ công trình bề mặt, công trình kè và đào, giao cắt nước và đường dẫn nước mưa.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.2: Đảm bảo rằng các thiết bị kiểm soát xói mòn và trầm tích được lắp đặt, kiểm tra và bảo trì theo yêu cầu.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.3: Lịch trình/giai đoạn làm việc để giảm thiểu các khu vực đã được dọn sạch và đất phát lộ ra mọi lúc.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.4: Kết hợp thiết kế và vị trí của các biện pháp EDSC tạm thời và vĩnh viễn cho các khu vực lộ thiên và đường thoát nước. Điều này sẽ được thực hiện trước các hoạt động tiền thi công và sẽ duy trì tại chỗ trong quá trình làm việc	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.5: Các công việc đề xuất trong lịch trình/giai đoạn để đảm bảo rằng các hoạt động đào đắp và xáo trộn thảm thực vật lớn được thực hiện trong thời gian lượng mưa và tốc độ gió thấp hơn.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.6: Dải và dự trữ lớp đất mặt để sử dụng trong quá trình cải tạo và/hoặc chuyển đất đã loại bỏ trở lại thành đất nông nghiệp.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.7: Lịch trình/giai đoạn làm việc để giảm thiểu thời gian dự trữ vật liệu đất mặt. Dự trữ rau nếu cần bảo quản trong thời gian dài.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.8: Thiết lập các khu vực lưu trữ cách xa lối thoát nước, dòng nước và các khu vực nhạy cảm.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
E1: Mất vật liệu đất và bồi lắng xuống bề mặt và/hoặc hệ thống nước ngầm	E1.9: Thiết kế các biện pháp quản lý nước mưa giảm tốc độ dòng chảy và tránh tập trung dòng chảy mặt	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
từ công trường do các hoạt động đào đắp	E1.10: Thiết kế các biện pháp quản lý nước mưa để giảm vận tốc dòng chảy và tránh dòng chảy tập trung. Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và kiểm tra các đập.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.11: Lớp phủ sẽ được sử dụng như một hình thức kiểm soát xói mòn và trầm tích và được sử dụng ở bất kỳ độ dốc nào (tùy thuộc vào lựa chọn tại chỗ), bao gồm hàng rào ngăn phủ sa bổ sung khi lượng mưa lớn.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.12: Bó các loại vật liệu khi cần thiết gần khu vực xung quanh nguồn nước hoặc xung quanh các hàng hóa nhạy cảm/nguy hiểm khi cần thiết.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.13: Cần bố trí các dải đệm bằng cỏ khi cần thiết trong quá trình thi công để giảm vận tốc nước.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.14: Đặt hàng rào bùn hoặc các cấu trúc tương tự để bảo vệ khối lượng vật liệu bồi lắng gia tăng.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu thi công	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.15: Trầm tích dư trong các công trình bảo vệ xói lở và bồi lắng (ví dụ: bể trầm tích, đập kiểm tra) phải được loại bỏ khi cần thiết để có đủ khả năng chứa.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu thi công	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
E2: Ô nhiễm đất	E2.1: Nếu phát hiện hoặc nghi ngờ ô nhiễm (bên ngoài các dấu vết của dự án), cần tiến hành điều tra sơ bộ về ô nhiễm tại địa điểm Giai đoạn 1. Nhà thầu nên ngừng công việc nếu gặp phải sự ô nhiễm chưa được xác định trước đó và kích hoạt các thủ tục quản lý và xin ý kiến/giấy phép/phê duyệt (theo yêu cầu).	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	E2.2: Tuân thủ thực hành tốt nhất để loại bỏ và xử lý đất/vật liệu bị ô nhiễm khỏi hiện trường (nếu được yêu cầu), bao gồm cả đất bị ô nhiễm trong khu vực dự án.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	E2.3: Các biện pháp kiểm soát thoát nước để đảm bảo dòng chảy không tiếp xúc với các khu vực bị ô nhiễm (bao gồm cả	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và duy trì hồ sơ

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
	vật liệu ô nhiễm trong khuôn viên dự án) và được chuyển hướng đến các khu vực ổn định để xả bỏ.				
	E2.4: Tránh sử dụng đất đắp mua từ bên ngoài có thể gây ô nhiễm địa điểm và thiếu chứng chỉ/tài liệu kèm theo. Trường hợp không đủ đất đắp tại chỗ, đất thay thế cần được thử nghiệm phù hợp với các thông số địa kỹ thuật.	Giai đoạn thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
E3: Đổ bỏ đất/bồi lắng dư thừa	E3.4: Vật liệu thải cần tái sử dụng hợp lý ví dụ, làm phân hữu cơ để bón ruộng	Giai đoạn thi công và vận hành	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu/Nhà điều hành	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép

6.8 QUẢN LÝ CHẤT THẢI

6.8.1 Thông tin cơ sở

Là cơ quan thực hiện, SNN&PTNT chủ trương thực hành tốt quản lý chất thải. Hệ thống phân cấp quản lý chất thải được ưu tiên và các nguyên tắc để đạt được quản lý chất thải tốt như sau:

- tránh tạo ra chất thải (tránh sử dụng vật liệu không cần thiết cho các dự án);
- tái sử dụng chất thải (tái sử dụng vật liệu và giảm thải bỏ);
- tái chế chất thải (vật liệu tái chế như lon, chai, v.v.); và
- xử lý chất thải (tất cả chất thải vụn và/hoặc ô nhiễm được đổ tại các bãi chôn lấp đã được phê duyệt).

Các dòng chất thải chính phát sinh trong quá trình thi công có khả năng bao gồm các chất bồi lắng còn sót lại và chất thải thi công như:

- chất thải đào không thích hợp để tái sử dụng trong quá trình đào đắp;
- chất thải từ thi công và bảo trì thiết bị khoan. Nhiều loại xe hạng nặng và thiết bị thi công sẽ được sử dụng trong suốt giai đoạn thi công. Chất thải nguy hại dạng lỏng từ việc vệ sinh, sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị này có thể được tạo ra. Tương tự như vậy, sự rò rỉ hoặc tràn nhiên liệu/dầu trong khu vực cần được quản lý và xử lý thích hợp;
- chất thải lỏng không nguy hại sẽ được tạo ra thông qua việc sử dụng các tiện nghi của công nhân như nhà vệ sinh; và
- chất thải chung kể cả phế liệu và chất thải dễ phân hủy.

Các dòng chất thải chính được tạo ra trong quá trình hoạt động có thể bao gồm:

- trầm tích đào (chủ yếu là bồi lắng cát, có thể được sử dụng để rải trên các khu vực thích hợp);
- phân bón chảy tràn
- chất thải động thực vật
- đóng bao; và
- dầu đã qua sử dụng và các bộ phận máy móc.

Công nhân tham gia vào các hoạt động thi công và vận hành cần phải nắm rõ các phương pháp giảm thiểu tác động của việc dọn sạch thực bì để giảm thiểu dấu vết cần thiết cho các công trình và phục hồi các khu vực bị xáo trộn. Bằng cách thực hiện các hoạt động này, các dự án sẽ giảm thiểu tác động của chất thải do dự án tạo ra.

6.8.2 Tiêu chí Hiệu suất

Các tiêu chí hoạt động sau đây được đặt ra cho việc thi công các dự án:

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

giảm thiểu phát sinh chất thải thông qua việc thực hiện hệ thống phân cấp chất thải (tránh, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế);
không có rác thải sẽ được quan sát trong khu vực dự án hoặc xung quanh do các hoạt động của cán bộ hiện trường;
không nhận được khiếu nại liên quan đến phát sinh và quản lý chất thải;
bất kỳ chất thải nào từ các thiết bị vệ sinh di động tại chỗ sẽ được một nhà thầu được cấp phép xử lý chất thải; và
dầu thải sẽ được thu gom và xử lý hoặc tái chế tại chỗ.

Bảng 21: Các biện pháp quản lý chất thải

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
WT1: Tạo ra chất thải và sử dụng tài nguyên quá mức	WT1.1: Ưu tiên cho các vật liệu có thể được sử dụng để xây dựng nhằm giảm thiểu chất thải trực tiếp và gián tiếp được tạo ra.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	WT1.2: Cần đổ thải hàng ngày trừ khi có hợp đồng với bên làm dịch vụ quản lý thải bên ngoài	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	WT1.3: Việc sử dụng vật liệu xây dựng phải được tối ưu hóa và nếu có thể, cần có chính sách tái chế	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và duy trì hồ sơ
	WT1.4: Các dòng chất thải cần tách riêng, ví dụ chất thải sinh hoạt chung, chất thải xây dựng và chất thải gây ô nhiễm. Dành vị trí cụ thể trên công trường để quản lý tạm thời các dòng chất thải khác nhau.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và duy trì hồ sơ
	WT1.5: Bất kỳ chất thải nhiễm độc nào đều phải đổ bỏ tại các bãi đổ thải có phép	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và duy trì hồ sơ
	WT1.6: Chất thải có thể tái chế (bao gồm dầu và một số chất thải xây dựng) phải được thu gom riêng và xử lý đúng cách.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và duy trì hồ sơ
	WT1.7: Các bãi rác thải phải được che phủ đầy đủ để đảm bảo rằng động vật hoang dã không xâm phạm	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày
	WT1.8: Việc xử lý chất thải phải được thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và duy trì hồ sơ
	WT1.9: Rò rỉ nhiên liệu và chất bôi trơn từ xe cộ và nhà máy phải được khắc phục ngay lập tức.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu/ SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
WT1: Tạo ra chất thải và sử dụng tài nguyên quá mức	WT1.10: Việc bảo dưỡng và sửa chữa lớn phải được thực hiện ngoài công trường khi có thể.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng tuần và duy trì hồ sơ
	WT1.11: Nếu có thể, việc lưu trữ và xử lý nhiên liệu và hóa chất sẽ được thực hiện tại các cơ sở lưu trữ nhiên liệu và hóa chất trung tâm, ví dụ các trạm xăng dầu.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
	WT1.12: Việc dự trữ nhiên liệu và hóa chất tại chỗ phải được giữ ở mức tối thiểu.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày, duy trì hồ sơ và báo cáo bất kỳ sự cố nào
	WT1.13: Bất kỳ loại dầu thải và chất bôi trơn nào đều phải được thu gom và vận chuyển đến các nhà tái chế hoặc các địa điểm xử lý được chỉ định càng sớm càng tốt.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	WT1.14: Mọi hàng hóa nguy hiểm được lưu giữ tại chỗ phải được lưu giữ theo quy định	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và duy trì hồ sơ

6.9 QUẢN LÝ XÃ HỘI

6.9.1 Thông tin cơ sở

Ở Việt Nam có 54 dân tộc anh em cư trú, trong đó dân tộc Kinh (dân tộc đa số) chiếm tới 86% dân số (TCTK, 2010). Các dân tộc còn lại (53) chiếm xấp xỉ 14% dân số, trong đó dân tộc đông thứ hai sau Kinh chỉ chiếm dưới 2% dân số, phản ánh sự chênh lệch dân số rất lớn giữa dân tộc thiểu số và dân tộc đa số. (EM).

Ở khu vực nông thôn, nhiều phụ nữ (63% phụ nữ đi làm) tham gia vào sản xuất nông nghiệp hơn nam giới (57% nam giới đi làm), tuy nhiên phụ nữ chủ yếu làm việc trong các công việc phi chính thức hoặc nông nghiệp tự cung tự cấp khiến họ gặp nhiều rủi ro do tác động của khí hậu và thiên tai. nông nghiệp. Do một phần lớn phụ nữ nông dân (45%) lao động tự do, họ không nhận được các phúc lợi an sinh xã hội và không được tiếp cận với bảo hiểm, điều này khiến họ dễ bị tổn thương và bất an. Phụ nữ đặc biệt bị ảnh hưởng theo tỷ lệ trong các thảm họa liên quan đến khí hậu khi tài nguyên khan hiếm do thảm họa, vì họ dành thêm thời gian để lấy nước, thực phẩm và nhiên liệu, vốn là trách nhiệm của phụ nữ.

Tiếp cận và kiểm soát không bình đẳng đối với đất đai và tài sản sản xuất, đào tạo, thông tin, công nghệ, dịch vụ khuyến nông và tài chính đã hạn chế cơ hội và khả năng phục hồi của phụ nữ. Rất ít phụ nữ nông thôn có thể tiếp cận với đào tạo nghề, dịch vụ khuyến nông, tài chính, công nghệ, thị trường và mạng lưới thương nhân (29%) so với nam giới (40%) và việc đào tạo dành cho phụ nữ thường ngắn hạn và tập trung vào các kỹ năng 'truyền thống' của phụ nữ như kỹ thuật sản xuất và chế biến kém kỹ thuật. Chủ hộ, thường là thành viên nam, được mời tham dự các cuộc họp cộng đồng để chia sẻ thông tin về thiên tai và khí hậu nhưng thông tin được chia sẻ trong các cuộc họp thường không được chuyển cho phụ nữ và các thành viên khác trong gia đình.

Vai trò của phụ nữ khác nhau giữa các hộ gia đình người Kinh và dân tộc thiểu số. Trong các hộ gia đình người Kinh, nam giới là chủ hộ trong khi phụ nữ đảm nhận trách nhiệm đó trong các gia đình DTTS do văn hóa mẫu hệ. Do đó, việc ra quyết định thường được giao cho người chồng trong hộ gia đình người Kinh và cho người vợ trong các hộ gia đình DTTS.

Nam giới chịu trách nhiệm chính cho các công việc sản xuất nặng nhọc hơn, trong khi phụ nữ dành nhiều thời gian hơn cho các công việc gia đình không được trả lương như chăm sóc con cái, nấu ăn, dọn dẹp, v.v. Trong sản xuất nông nghiệp, các công việc và trách nhiệm nội bộ gia đình thường là người chồng đảm nhiệm việc làm đất, tưới nước, vận hành các thiết bị cơ giới còn người vợ chịu trách nhiệm thu hoạch. Ở các cặp vợ chồng trẻ, xu hướng chia sẻ việc nhà ngày càng gia tăng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng lan tỏa của văn hóa truyền thống bảo thủ, nhiều phụ nữ trẻ vẫn tiếp tục đảm việc nhà.

Những thách thức chính mà nông dân nữ phải đối mặt liên quan đến quyền sở hữu hạn chế đối với tài sản sản xuất và khả năng tiếp cận kiến thức, công nghệ, dịch vụ và thị trường bị hạn chế của họ. Mặc dù những khó khăn này cũng gặp phải đối với nông dân quy mô nhỏ là nam giới, nhưng đối với nông dân nữ thì chúng càng trở nên trầm trọng hơn.

Trong các cuộc thảo luận nhóm tập trung, phụ nữ đã kết hôn cho biết họ chỉ tham gia tập huấn khuyến nông khi chồng họ tạm thời vắng mặt. Họ cũng thường đề cập đến mâu thuẫn việc nhà và trách nhiệm chăm sóc như một lý do để không tham gia.

Dự án được thiết kế với sự hỗ trợ của các bên liên quan, kể cả phụ nữ và các nhóm DTTS và nhằm mục đích mang lại lợi ích cho cộng đồng rộng lớn hơn. Mặc dù vậy, như với bất kỳ dự án nào liên quan đến thi công, một số không hài lòng có thể xảy ra và xung đột có thể phát sinh. Điều quan trọng là các khu vực tiềm ẩn căng thẳng phải được nhận biết sớm và thực hiện các hành động thích hợp để tránh hoặc giảm thiểu xung đột.

Cả năm tỉnh mục tiêu đều có các dân tộc thiểu số bản địa như Chăm, Raglai và Châu Ro ở Duyên hải Nam Trung bộ và Ê Đê, Gia Lai và Mơ Nông (hoặc M'Nông) ở Tây Nguyên. Các tộc người bản địa đều sống theo hệ thống xã hội mẫu hệ. Tây Nguyên cũng có một phần lớn các nhóm dân tộc thiểu số như Tày, Nùng, Thái, Mường, H'Mông, K'Ho, Chu Ru, v.v., những người chủ yếu di cư từ miền Bắc vào từ nhiều thập kỷ trước theo mô hình kinh tế mới của Chính phủ. Các nhóm này và người Kinh là phụ hệ. Các nhóm này cũng như nhóm dân tộc Kinh theo chế độ phụ hệ.

Mặc dù cả năm tỉnh mục tiêu đều có các nhóm dân tộc thiểu số khác nhau, nhưng tỷ trọng của họ trong tổng dân số cao nhất là Đắk Nông (29%), Ninh Thuận (23,1%) và Đắk Lắk (19,6%). Tỷ lệ nghèo dân tộc thiểu số đặc biệt cao ở các vùng cao vùng sâu vùng xa và các xã có tỷ lệ dân số dân tộc thiểu số cao hơn.

Các nhu cầu, rào cản, ưu tiên và thách thức mà nông hộ nghèo và hộ cận nghèo phải đối mặt thường trầm trọng hơn ở các nhóm dân tộc thiểu số. Các biện pháp giảm thiểu dưới đây áp dụng cho các bên liên quan, nhưng một số biện pháp cụ thể hơn cho các dân tộc thiểu số (như đã chỉ ra)

6.9.2 Tiêu chí Hiệu suất

Các tiêu chí hoạt động sau đây được đặt ra cho dự án:

- cộng đồng đã được thông báo trước, tự do và nhất trí về các yếu tố của dự án đã được thiết kế với sự tham vấn và tham gia đầy đủ thông tin của họ trong suốt dự án;
- bên liên quan được đại diện thích hợp;
- tránh các tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương trong quá trình thi công và vận hành và nếu không thể, giảm thiểu, khôi phục hoặc bồi thường cho những tác động này;

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

- di sản văn hóa không bị tác động xấu;
- sức khỏe và sự an toàn của cộng đồng được bảo vệ và các lợi ích về phúc lợi tổng thể thu được từ dự án;
- cơ chế khiếu nại và khiếu kiện được thực hiện và quản lý chủ động; và
- lợi ích xã hội lâu dài đạt được.

Các bên liên quan địa phương và các thành viên cộng đồng có vai trò chính trong việc thực hiện và giám sát dự án.

Việc tham vấn với các bên liên quan sẽ tiếp tục. Điều này sẽ giúp đảm bảo rằng các bên liên quan tiếp tục nhận thức được dự án, tiến độ của dự án và bất kỳ thay đổi nào trong dự án. Nó cũng sẽ hỗ trợ xác định bất kỳ vấn đề nào khi chúng phát sinh.

SNN&PTNT sẽ chịu trách nhiệm tư vấn hỗ trợ và các dịch vụ mở rộng cho các đối tượng địa phương cùng với việc chịu trách nhiệm phân phối vật tư đầu vào và cung cấp đào tạo kỹ thuật và hỗ trợ trong việc thực hiện các hoạt động của chương trình.

Bảng 22: Các biện pháp quản lý xã hội

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
SM1: Sử dụng đất cộng đồng	SM 1.1: Tham vấn cộng đồng về mục đích và lợi ích của việc thay đổi sử dụng đất	Tiền thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM 1.2: Nhận được sự ủng hộ của cộng đồng khi có bất kỳ sự thay đổi nào về việc sử dụng đất.	Tiền thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM 1.3: Đảm bảo tuân thủ quy trình Cơ chế giải quyết khiếu nại	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM 1.4: Nếu là đất bản địa, cần đảm bảo đạt FPIC (thực hiện IPP)	Tiền thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
SM2: Phiền toái công cộng do các hoạt động thi công/vận hành gây ra (ví dụ như tiếng ồn, bụi, v.v.)	SM 2.1: Thực hiện tham vấn cộng đồng trước khi tiến hành các hoạt động	Tiền thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM 2.2: Thực hiện các kế hoạch quản lý thích hợp (tham khảo các phần Tiếng ồn, Không khí, ESCP và Chất thải của ESMF)	Giai đoạn thi công và vận hành	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Giám sát công trường và SNN&PTNT	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	SM 2.3: Đảm bảo tuân thủ quy trình Cơ chế giải quyết khiếu nại	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
SM3: Bình đẳng xã hội	Đại diện một cách bình đẳng - đảm bảo sự đại diện của các DTTS trong các hoạt động của dự án, bao gồm trao quyền cho họ như những nguồn lực chính để thực hiện dự án, từ thiết kế hệ thống nước đến đánh giá nhu cầu dịch vụ khí hậu cho các nhóm DTTS, hoặc tạo điều kiện cho các kế hoạch sinh kế cho các đối tượng được hưởng lợi mục tiêu.	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM3.2: Các nhóm phụ nữ và Hội Liên hiệp Phụ nữ tích cực tham gia trong giai đoạn thiết kế chi tiết để xác định định tuyến các tuyến ống và vị trí dẫn nước từ các đường ống chôn lấp.	Tiền thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
SM3: Bình đẳng xã hội	SM3.3: Đảm bảo phụ nữ chiếm ít nhất 50% số người tham gia các cuộc họp tham vấn và chia sẻ thông tin về khung kế	Giai đoạn tiền thi công/thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Duy trì hồ sơ/báo cáo hàng năm

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

	hoạch/phân bổ nước để ưu tiên phân bổ nước (đặc biệt khi nước tưới được sử dụng cho mục đích sinh hoạt/hộ gia đình).				
	SM3.4: Phân bổ và lập kế hoạch cấp nước - Khung kế hoạch/phân bổ nước phải đảm bảo rằng các hộ gia đình có nam và nữ làm chủ hộ ở các khu vực chỉ huy được tiếp cận bình đẳng với chương trình nước/tưới đồng thời công nhận việc phân bổ ưu tiên cho các cây trồng có giá trị cao (hơn lúa).	Vận hành	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM3.5: Hỗ trợ viên cộng đồng (là cư dân của các cộng đồng khu vực chỉ huy địa phương) sẽ tham gia phổ biến thông tin về khung quy hoạch/phân bổ nước và các ưu tiên liên quan đối với cây trồng và các hoạt động khác. Khi thích hợp, ít nhất 30% điều hành viên cộng đồng là người dân tộc thiểu số và 30% là phụ nữ.	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM3.5: Tài liệu truyền thông, đào tạo và giới được sử dụng để phổ biến thông tin phải phù hợp với văn hóa và ngôn ngữ địa phương, đặc biệt là đối với các DTTS.	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT/Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM3.6: Thực hiện Kế hoạch Hành động Giới và Kế hoạch Hành động DTTS (Phụ lục 4) và nếu được kích hoạt, lập IPP bao gồm quy trình FPIC.	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM3.7: Người DTTS thường có cách học tập, chia sẻ thông tin và ứng dụng kiến thức riêng. Hỗ trợ và đào tạo ToT cho những người được tôn trọng trong các nhóm dân tộc (người lớn tuổi, người đứng đầu được đề cử, v.v.) để tăng cường cơ hội học tập cho người DTTS. Thành lập và tạo điều kiện cho các nhóm học tập đồng đẳng thông qua các chuyển thăm quan trao đổi và học hỏi giữa các DTTS, thôn và xã.	Giai đoạn thiết kế và thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Hồ sơ đào tạo
SM3: Bình đẳng xã hội	SM3.8 Tập huấn cho cán bộ khuyến nông, ưu tiên cho công nhân thuộc các nhóm DTTS, sau đó những người này sẽ chuyển giao kiến thức, kỹ thuật và kinh nghiệm cho các cộng đồng lớn hơn.	Thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
SM4: Bồi thường mất đất hoặc năng suất	SM4.1: Không di dời người hoặc tài sản. Tuy nhiên, cần tham khảo "Kế hoạch tái định cư" WEIDAP nếu xảy ra tình trạng mất năng suất hoặc mất đất đáng kể không lường trước được do dự án	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
SM5: Kết nối công trình và kinh tế	SM5.1: Đảm bảo Phụ nữ và các nhóm DTTS là người hưởng lợi mục tiêu của dự án và được ưu tiên cao trong quá trình lựa chọn người hưởng lợi.	Giai đoạn thiết kế và thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Duy trì hồ sơ/đánh giá hàng năm

	SM5.2: Hỗ trợ thành lập các nhóm cùng sở thích để thúc đẩy việc trồng cùng một loại cây trồng và chia sẻ kinh nghiệm, học hỏi để nâng cao chất lượng và sản lượng, đồng thời thương lượng chung về giá cả	Thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM5.3: Giới thiệu cách mua bán tập thể, hộ nghèo, cận nghèo và nhóm DTTS để tăng sức mua/bán.	Thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Đánh giá hàng năm
	SM5.4: Nâng cao khả năng tiếp cận của người DTTS đối với nguồn tín dụng có khả năng chi trả thông qua phối hợp với các chương trình tín dụng vi mô đang triển khai, thành lập Chương trình giảm nghèo quốc gia, Hội Liên hiệp Phụ nữ và Hội Nông dân (# 135).	Thiết kế và thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
SM5: Kết nối công trình và kinh tế	SM5.5: Là một phần của đánh giá và lập kế hoạch sinh kế trong dự án, cần khám phá các lựa chọn để thúc đẩy các cơ hội kinh tế mới và tạo nguồn thu nhập.	Giai đoạn thiết kế	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM5.6: Khuyến khích lồng ghép các giải pháp xanh dựa vào thiên nhiên để tạo cơ hội sinh kế mới cho thanh niên và phụ nữ DTTS kết hợp với đào tạo nghề cho các nhóm DTTS sử dụng ngôn ngữ của họ	Tất cả các giai đoạn	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM5.7: Chương trình sinh kế cần được thiết kế tập trung vào các mặt hàng nông nghiệp bản địa và có giá trị cao. Thúc đẩy kiến thức DTTS về cách cải thiện quy trình chế biến sau thu hoạch, đóng gói và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đó.	Giai đoạn thiết kế và thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	SM5.8: Giới thiệu các sáng kiến cho quan hệ đối tác khu vực tư nhân để cải thiện khả năng tiếp cận thị trường cho các sản phẩm DTTS.	Thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép

6.10 DI SẢN VĂN HÓA VÀ KHẢO CỔ

6.10.1 Thông tin cơ sở

Không có địa điểm khảo cổ hoặc di sản văn hóa nào được báo cáo là một phần của giai đoạn thiết kế ban đầu/khả thi. Dự án đã xác định được một số di tích lịch sử được công nhận là di tích chính thức, cụ thể như bảng dưới đây:

Bảng 23: Di tích lịch sử và di tích được công nhận chính thức

Tỉnh	Huyện	Xã	Di tích lịch sử
Khánh Hòa	Cam Lam	Cam Tân	Đình Vĩnh Bình (thế kỷ 19 có hiện vật và chứng tích lịch sử, văn hóa)
		Cam Hoa	Đền Lập Định; Miếu Cửu Lợi (thế kỷ 19 với các hiện vật và chứng tích lịch sử, văn hóa)
		Suoi Cat	Chùa Thiên Y A Na (chùa đầu thế kỷ 20); Chùa Khánh Thành (chùa và đình thế kỷ 19)
Ninh Thuận	Ninh Hai	Tri Hai	Đình Tri Thủy (thế kỷ 19); chùa Khánh Hội
	Ninh Sơn	Nhon Sơn	Chùa Đăk Nhơn (thế kỷ 18)
	Thuan Bac	Bac Phong	Di tích Hòa Lai (di tích Chăm xây dựng vào thế kỷ thứ 9 sau Công nguyên)
	Bac Ai	Phuoc Thanh	Đá Ba Cái ("Ba hòn đá") - nơi phát tích linh thiêng của người Raglai

Quy trình phát hiện vật thể phát lộ

Nếu phát hiện ra một nguồn tài nguyên văn hóa vật thể, ví dụ (nhưng không giới hạn ở) các địa điểm khảo cổ, di tích lịch sử, hài cốt và đồ vật, hoặc một nghĩa trang và/hoặc các ngôi mộ riêng lẻ trong quá trình khai quật hoặc thi công, các bước sau sẽ được thực hiện:

1. Dừng mọi công việc xung quanh khu vực tìm thấy, cho đến khi tìm được giải pháp bảo quản các vật phát lộ này, hoặc nhận được lời khuyên từ các cơ quan hữu quan;
2. Thông báo ngay cho trưởng ca. Trưởng ca sẽ thông báo cho Giám đốc Thi công và Cán bộ Môi trường (EO)/Giám đốc Môi trường (EM);
3. Ghi lại các chi tiết trong Báo cáo sự cố và chụp ảnh phát hiện;
4. Xác định vị trí hoặc khu vực được khám phá; bảo vệ hiện trường để ngăn chặn bất kỳ thiệt hại hoặc mất mát các bộ phận có thể tháo rời. Trong trường hợp có cổ vật di dời hoặc di vật nhạy cảm, phải bố trí người canh gác trực đêm cho đến khi chính quyền địa phương có trách nhiệm tiếp quản;

5. Đánh giá sơ bộ của các phát hiện bởi các nhà khảo cổ học. Nhà khảo cổ học phải đánh giá nhanh về địa điểm hoặc tìm thấy để xác định tầm quan trọng của nó. Dựa trên đánh giá này, chiến lược thích hợp có thể được thực hiện. Ý nghĩa và tầm quan trọng của phát hiện cần được đánh giá theo các tiêu chí khác nhau liên quan đến di sản văn hóa như giá trị thẩm mỹ, lịch sử, khoa học hoặc nghiên cứu, xã hội và kinh tế của phát hiện;

6. Các vị trí có ý nghĩa nhỏ (ví dụ các đặc điểm biệt lập hoặc không rõ ràng và các phát hiện biệt lập) cần được nhà khảo cổ ghi lại ngay lập tức, do đó sẽ gây ra sự gián đoạn tối thiểu cho tiến độ công việc của Nhà thầu. Kết quả của khảo cổ phải được báo cáo cho Bộ/Cơ quan sau khi hoàn thành.

7. Trong trường hợp tìm thấy vật phát lộ quan trọng, Cơ quan/Bộ (Cơ quan Bảo vệ Di sản Quốc gia hoặc Trung tâm Nghiên cứu Khảo cổ học, sau đây gọi là **Đội Di sản**) phải được thông báo ngay lập tức và bằng văn bản trong vòng 7 ngày kể từ ngày tìm thấy (sửa đổi luật bảo vệ di sản).

8. Nhà khảo cổ học tại chỗ cung cấp cho nhóm Di sản các bức ảnh, thông tin khác có liên quan để xác định và đánh giá tầm quan trọng của các hạng mục di sản.

9. Bộ phải điều tra thực tế trong vòng 2 tuần kể từ ngày thông báo và trả lời bằng văn bản.

10. Các quyết định về cách xử lý phát hiện sẽ do các cơ quan có trách nhiệm thực hiện. Điều này có thể bao gồm những thay đổi trong cách bố trí (ví dụ khi tìm thấy di tích không thể di dời có tầm quan trọng về văn hóa hoặc khảo cổ học) bảo tồn, bảo quản, phục hồi và trục vớt;

11. Các công trình thi công chỉ có thể tiếp tục sau khi được cấp phép từ các cơ quan có trách nhiệm.

12. Trường hợp không nhận được phản hồi trong thời hạn 2 tuần nêu trên thì coi như được ủy quyền để tiến hành đình chỉ thi công công trình. Một trong những yêu cầu chính của thủ tục là lưu trữ hồ sơ. Mọi vật thể tìm thấy phải được đăng ký. Ảnh chụp, bản sao trao đổi với cơ quan ra quyết định, kết luận và khuyến nghị/hướng dẫn, báo cáo thực hiện - được lưu giữ.

Dự án đã xác định một số di sản văn hóa phi vật thể được công nhận tại các khu vực thuộc dự án, như sau:

- Lễ cải táng Vidhi Atou (Bồ Mạ) của người Raglai ở tỉnh Khánh Hòa
- Nghề gốm của người M'Nông (huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông)
- Lễ trưởng thành Mpu Toh Kông của người Ê Đê (Đăk Lăk, Đăk Nông) được tổ chức khi thanh niên tròn 15 tuổi
- Nghề làm gốm truyền thống của người Chăm (Ninh Thuận, Bình Thuận).
- Trường ca sử thi của dân tộc Ê Đê, Banar

Các biện pháp sau đây về di sản văn hóa phi vật thể sẽ được dự án SACCR tuân thủ và giám sát:

- Tham vấn và xác định các di sản văn hóa phi vật thể ở các khu vực thuộc vùng dự án trong giai đoạn khởi động dự án cũng như kinh nghiệm và kiến thức truyền thống đặc biệt về các hoạt động nông nghiệp
- Tham vấn cộng đồng về kinh nghiệm, kiến thức và di sản văn hóa phi vật thể truyền thống của họ và các biện pháp/hành động để đảm bảo sự tôn trọng và cân nhắc của CH trong các can thiệp của dự án
- Đạt được sự đồng ý với các cộng đồng về giao thức tôn **trọng và xem xét CH**
- Các nhà thầu thiết lập các quy trình làm việc liên quan đến việc tôn trọng và xem xét các giá trị văn hóa
- Thông báo danh sách các di sản văn hóa phi vật thể này cho các nhà cung cấp dịch vụ và nhà thầu
- Tổ chức đào tạo trước khi bắt đầu công việc thực địa về các hành động cần thiết để tôn trọng và xem xét các giá trị văn hóa
- Tham vấn thực địa/sự kiện/hoạt động sẽ không được tổ chức trong những ngày thực hành nghi lễ/lễ/lễ hội địa phương
- Sử dụng GRM của dự án để nhận phản hồi về các vấn đề liên quan đến di sản văn hóa phi vật thể nếu có
- Xác định kinh nghiệm canh tác và kiến thức của cộng đồng địa phương
- Các chuyên gia nông nghiệp tham vấn xem mô hình CRA mới có phù hợp với các giá trị và thông lệ địa phương dựa trên sự đồng thuận hay không

6.10.2 Tiêu chí Hiệu suất

Các tiêu chí hiệu suất sau đây được đặt ra cho các vấn đề di sản văn hóa liên quan đến dự án:

Sẽ không có tác động đến bất kỳ địa điểm Khảo cổ, Bản địa và/hoặc Di sản Văn hóa quan trọng nào;

Quản lý bất kỳ địa điểm cụ thể nào có ý nghĩa về Khảo cổ, Bản địa và/hoặc Văn hóa quan trọng (các địa điểm quan trọng);

Bảng 24: Di sản văn hóa và khảo cổ

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
CH1: Phá hoại hoặc xáo trộn đối với Di sản Khảo cổ, Bản địa và/hoặc Văn hóa quan trọng trong quá trình xáo trộn trái đất và các hoạt động khai phá đất	CH1.1: Nếu phát hiện bất kỳ địa điểm Khảo cổ, Bản địa và/hoặc Di sản Văn hóa quan trọng nào, cần ngừng hoạt động ngay lập tức trong khu vực mà địa điểm đã được quan sát và tham khảo ý kiến của Bảo tàng/nhóm chủ sở hữu truyền thống có liên quan, UNDP, SNN&PTNT và nhà khảo cổ học hiện diện để thực hiện trong quá trình xây dựng.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày, duy trì hồ sơ và thông báo ngay cho UNDP và SNN&PTNT về bất kỳ phát hiện nào
	Quy trình xử lý vật thể phát lộ (xem 6.10.1)	Thiết kế và thực hiện	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	thông báo ngay cho UNDP và SNN&PTNT về bất kỳ phát hiện nào
Sự hiện diện của di sản văn hóa	Xác nhận rằng không có CH đã biết nào tồn tại trong phạm vi dự án	Giai đoạn thiết kế	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	thông báo ngay cho UNDP và SNN&PTNT về bất kỳ phát hiện nào

6.11. CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ KHẨN CẤP

Trong trường hợp xảy ra các hành động có thể dẫn đến thiệt hại nghiêm trọng về sức khỏe, an toàn và môi trường (thảm khốc), các hành động ứng phó khẩn cấp hoặc dự phòng sẽ được thực hiện càng sớm càng tốt để hạn chế mức độ thiệt hại môi trường.

Đơn vị thực hiện trực tiếp sẽ cần đưa các ứng cứu khẩn cấp vào dự án tuân thủ các yêu cầu theo Chính sách về nghề nghiệp, sức khỏe và an toàn của tổ chức thực hiện trực tiếp và luật pháp Việt Nam có liên quan, Thông tư số 01/2011/TTLT-BLĐTBXH-BYT và Điều 121 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định 06/2021/NĐ-CP về quản lý chất lượng, thi công và bảo trì công trình thi công.

6.11.1 Tiêu chí Hiệu suất

Các tiêu chí hoạt động sau đây được đặt ra cho việc thi công các dự án:

- không để xảy ra sự cố cháy nổ;
- không có sự cố của các công trình giữ nước;
- không có sự cố tràn nhiên liệu hoặc hóa chất lớn;
- không có tai nạn lao động hoặc công nghiệp có thể ngăn ngừa được;
- phản ứng tức thời và hiệu quả đối với các sự cố có nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng, an toàn hoặc môi trường; và
- giảm thiểu tác hại đến môi trường do các sự cố không lường trước được.

Bảng 25: Các biện pháp quản lý khẩn cấp

Vấn đề	Kiểm soát hoạt động (và nguồn)	Thời gian hành động	Áp dụng cho	Trách nhiệm	Giám sát và báo cáo
E1: Các chiến lược quản lý và phòng ngừa cháy và khẩn cấp được thực hiện	E1.1: Khu vực kho chứa/chất lỏng dễ cháy và dễ cháy được thiết kế phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế phù hợp	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	E1.2: Bình chữa cháy luôn sẵn sàng tại chỗ	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Nhà thầu	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	E1.3: Không được phép xảy ra cháy nổ trong khu vực dự án	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	E1.4: Thiết bị thông tin liên lạc và các quy trình khẩn cấp phải được thiết lập trước khi bắt đầu các hoạt động thi công.	Trước và trong khi thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SNN&PTNT/Nhà thầu	Cập nhật hồ sơ giấy tờ ghi chép
	E1.5: Đào tạo tất cả cán bộ về khả năng sẵn sàng và ứng phó với tình huống khẩn cấp (bao gồm sức khỏe và an toàn tại địa điểm làm việc). Phối hợp với NDMO.	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	E1.6: Kiểm tra và bổ sung Bộ dụng cụ sơ cứu	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	SEO	Hàng ngày và duy trì hồ sơ
	E1.7: Sử dụng Thiết bị Bảo vệ Cá nhân	Trong quá trình thi công	Hoạt động 1.2.1 và 1.3.1	Tất cả nhân sự	Hàng ngày và duy trì hồ sơ

Phụ lục

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH KIỂM TRA SÀNG LỌC-SESP⁷

Kiểm tra Sàng lọc Xã hội và Môi trường (SESP) đã hoàn thành cho toàn bộ dự án hiện có tại:

https://pims.undp.org/attachments/6117/215904/1719432/1752789/FP-UNDP-070220-6117-Annex%20VI_a_%20-%20SESP%20_CLEAN_.docx

SESP cũng cung cấp tài liệu tham khảo chính để hoàn thành Sơ đồ địa điểm theo mẫu được cung cấp trong Phụ lục 2 bên dưới.

PHỤ LỤC 2: MẪU KẾ HOẠCH HIỆN TRƯỜNG/HOẠT ĐỘNG

Tên hiện trường/hoạt động:

Ngày:

Tên địa điểm/hoạt động:

Địa điểm:

1. Thông tin chi tiết về Người đề xuất

Chi tiết về người đề xuất/xã: tên, địa chỉ và chi tiết liên hệ

2. Vị trí và quy mô dự án

Tỉnh/Xã/Thôn:

Tọa độ GPS:

Bản đồ hoặc quy hoạch của vị trí:

3. Đất

Quyền sở hữu hợp pháp đối với đất được sử dụng cho dự án, bao gồm bất kỳ quyền sở hữu, chứng thư hoặc tài liệu, hoặc cho thuê hoặc ủy quyền khác được mô tả

Bất kỳ quyền đất hoặc quyền về tài nguyên nước nào có thể bị ảnh hưởng bởi dự án đề xuất

4. Thông tin chi tiết về dự án

4.1. Bản chất của dự án

Mô tả ngắn gọn về dự án là gì (ví dụ: ao, đường ống, đập nước...),

⁷ Bất kỳ danh sách kiểm tra chi tiết bổ sung nào về dự án cụ thể

4.2. Các thành phần và hoạt động cần thiết để hoàn thành dự án

(ví dụ: các hoạt động thi công (đào, thi công, thi công lại, v.v.)

4.3. Bản vẽ kỹ thuật

Phương án, bản vẽ kỹ thuật hoặc bản phác thảo của dự án

5. Tham vấn cộng đồng

Theo SEP

6. Rủi ro về Môi trường và Xã hội đã xác định

Dựa trên các danh mục cuối cùng được xác định trong ESMP, mục đích là có một loạt các hộp kiểm về các lĩnh vực rủi ro chính khác nhau có thể được xác định và lựa chọn nhanh chóng để tạo ra một nhóm nhỏ các rủi ro được xác định trong ESMP cho toàn bộ dự án.

Loại rủi ro	Loại rủi ro
Khí hậu/Thời tiết	Hồng
Mất/xáo trộn sinh cảnh	Chất thải
Loài sâu bọ	Đất cộng đồng
Ô nhiễm nước ngầm	
Nhiễm bẩn nước mặt	
Bụi bặm	
Phát thải từ Máy móc	
Tiếng ồn	
Rung	
Xói mòn	
Ô nhiễm đất	

MẪU KẾ HOẠCH HIỆN TRƯỜNG

Ngày: 28 tháng 11 năm 2022

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

Tên Địa điểm / Hoạt động: Xây dựng ao - Giai đoạn 1

Vị trí: xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận

1. Thông tin chi tiết về Đề xuất

Ban quản lý dự án tỉnh Ninh Thuận (PPMUs) được thành lập bởi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT) Ninh Thuận theo Quyết định số 376/QĐ-SNNPTNT ngày 27 tháng 8 năm 2021. PPMU Ninh Thuận được chỉ định phụ trách và quản lý các hoạt động SACCR tại tỉnh Ninh Thuận. PPMU bao gồm một giám đốc, phó giám đốc, kế toán, cán bộ M&E, tư vấn thủy lợi, chuyên gia nông nghiệp, cán bộ an toàn và cán bộ lập kế hoạch.

Địa chỉ: Văn phòng PPMU SACCR Ninh Thuận, Sở NNPTNT Ninh Thuận, số 134, đường 21/8, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

Thông tin liên hệ: Ông Nguyễn Văn Bính – Giám đốc PPMU,

Email: nvbinhsonn@gmail.com;

Điện thoại: 0913197982

Dự án SACCR Ninh Thuận được triển khai trên địa bàn 15 xã của 4 huyện như sau:

	Huyện Ninh Hải	Huyện Ninh Sơn	Huyện Thuận Bắc	Huyện Bắc Ái
Xã	Phuong Hai Xuan Hai Tri Hai Nhon Hai	My Son Nhon Son	Phuoc Chien Phuoc Khang Loi Hai Bac Son Bac Phong	Phuoc Tan Phuoc Thang Phuoc Thanh Phuoc Trung

Sơ đồ mặt bằng này sẽ tập trung vào các hoạt động xây dựng ao ở xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc.

2. Địa điểm và quy mô của các hoạt động dự án được đề cập trong Kế hoạch Hoạt động này

Tỉnh/Xã/Thôn: xã Phước Kháng, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận

Dựa trên số liệu của UBND tỉnh và cơ sở dữ liệu của dự án SACCR, tính đến năm 2020, xã Phước Kháng có 9.020 hộ gia đình, trong đó 99,3% là người dân tộc thiểu số Raglai. Số còn lại là dân tộc Kinh (dân tộc chiếm đa số ở Việt Nam). Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo là 44,3%. Các hộ gia đình ở Phước Kháng chủ yếu sống dựa vào sản xuất nông nghiệp là chính. Các loại cây trồng chính là xoài, điều, nho, ngô, lúa và sắn. Tổng diện tích tự nhiên của xã Phước Kháng là 4.686 ha với 0,8% đất trồng lúa, 6% cây nông nghiệp hàng năm, 0,7% cây lâu năm, còn lại là đất thổ cư và đất lâm nghiệp sản xuất.



Vị trí xã Phước Khánh (màu xanh)

Nhiệt độ trung bình ở khu vực này là 26-28°C. Mùa mưa thường kéo dài từ tháng 9 đến tháng 11, với lượng mưa trung bình hàng năm từ 700 – 800mm. Khan hiếm nước là một mối quan tâm lớn đối với sản xuất nông nghiệp. Hiện nay hạ tầng thủy lợi ở Phước Khánh chưa đáp ứng được nhu cầu tưới tiêu.

Thông tin về dân tộc Raglai: Dân tộc Raglai có dân số hơn 146.000 người, từ bao đời nay sống tập trung chủ yếu ở các vùng có độ cao trên 500m thuộc phía Nam tỉnh Khánh Hòa và tỉnh Ninh Thuận. Một số người Raglai cũng sống ở tỉnh Bình Thuận và Lâm Đồng. Họ còn được gọi là Raglay, Krai, Orang Glai, Noa Na và La Vang. Ngôn ngữ của họ thuộc nhóm Malayo-Polynesian. Người Raglai có truyền thống theo chế độ mẫu hệ và hệ thống mẫu hệ, chồng ở với nhà vợ, con lấy họ mẹ. Đối với các công trình cộng đồng, các Pô Pa-palay (già làng) thường đóng vai trò quan trọng trong việc

ra quyết định của cộng đồng. Họ có quan hệ mật thiết với nhóm Chăm về ngôn ngữ và phong tục tập quán.

Người Raglai sống thành các pa-lay (làng) tách biệt nhau ở nơi cao ráo, bằng phẳng, gần nguồn nước. Nhà sàn truyền thống của người Raglai có khoảng cách từ nền nhà đến nền nhà không quá một mét. Họ từng sống du canh, du cư; tuy nhiên, gần đây họ đã chuyển đến định cư lâu dài với các tập quán canh tác thâm canh.

(Xem thêm chi tiết mô tả về người Raglai tại Mục 5.1.1 của ESMP)

3. Đất đai

Chính quyền xã lập danh sách đối tượng hưởng lợi theo tiêu chí của dự án. Tổng số đối tượng được hưởng lợi trực tiếp ở Phước Kháng là 358 hộ. Tất cả họ đều là người Raglai. 272/358 hộ nghèo/cận nghèo và 7/358 hộ do phụ nữ làm chủ kinh tế. Diện tích đất nông nghiệp trung bình là 0,6 ha/hộ. Không có xung đột về quyền sở hữu đất đai đã được xác định. Toàn bộ diện tích đất canh tác đều được đăng ký với địa chính xã. Có một số trường hợp cho thuê đất nông nghiệp có sự thỏa thuận bằng văn bản giữa bên cho thuê và bên thuê. Các trường hợp khác, người dân được thừa kế đất đai nhưng chưa đăng ký ranh giới. Danh sách các lô đất được lập dựa trên thông tin do người hưởng lợi cung cấp và đã được phòng địa chính xã xem xét.

Danh sách đối tượng thụ hưởng được niêm yết tại Văn phòng UBND xã và Nhà sinh hoạt cộng đồng trong 14 ngày để tiếp nhận phản ánh, khiếu nại nếu có. Không có phản hồi, khiếu nại nào liên quan đến danh sách người hưởng lợi được niêm yết công khai này trong thời gian này và danh sách người hưởng lợi cuối cùng đã được UBND xã Phước Kháng xác nhận tại Văn bản số 98/GM-UBND của UBND xã Phước Kháng ngày 13 tháng 9 năm 2022.

Trong giai đoạn đầu xây dựng ao, quy hoạch 4 ao, với 6 hộ được hưởng lợi (3 ao cá nhân và 1 ao chung phục vụ 3 hộ dân). PPMU và công ty thiết kế đã tiến hành tham vấn với những người hưởng lợi và đạt được thỏa thuận bằng văn bản xác nhận rằng những người hưởng lợi đồng ý với thiết kế ao và không có yêu cầu bồi thường đất. Vị trí của 4 ao trong giai đoạn đầu tiên có quyền sở hữu đất rõ ràng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tức là Sổ đỏ). Văn phòng địa chính xã đã xác nhận rằng không có mâu thuẫn nào được biết đến về quyền sở hữu đất đai liên quan đến các địa điểm này. Các vị trí ao này không nằm dưới hoặc liền kề với khu vực tự nhiên được bảo vệ và các di tích lịch sử/văn hóa.

Kết quả tham vấn cộng đồng cũng chỉ ra rằng các quyền lợi về sử dụng đất đai và nước của người dân địa phương sẽ không bị ảnh hưởng bởi dự án.

Không có khu bảo tồn nào gần xã Phước Kháng (như đã nêu trong Bảng 14 của ESMP).

4. Chi tiết về các hoạt động của dự án được đề cập trong Kế hoạch Hoạt động này

4.1. Bản chất của các hoạt động dự án

Tất cả những người được thụ hưởng đều là người Raglai. Các ao nằm trên khu đất có quyền sử dụng đất rõ ràng. Thỏa thuận bằng văn bản với người thụ hưởng đã được hoàn thành. Không có trường hợp thu hồi đất và đền bù.

Vị trí của 4 ao được trình bày dưới đây:



Vị trí của cụm 4 công trình ao đầu tiên tại xã Phước Kháng

4.2. Các thành phần và hoạt động cần thiết để hoàn thành dự án

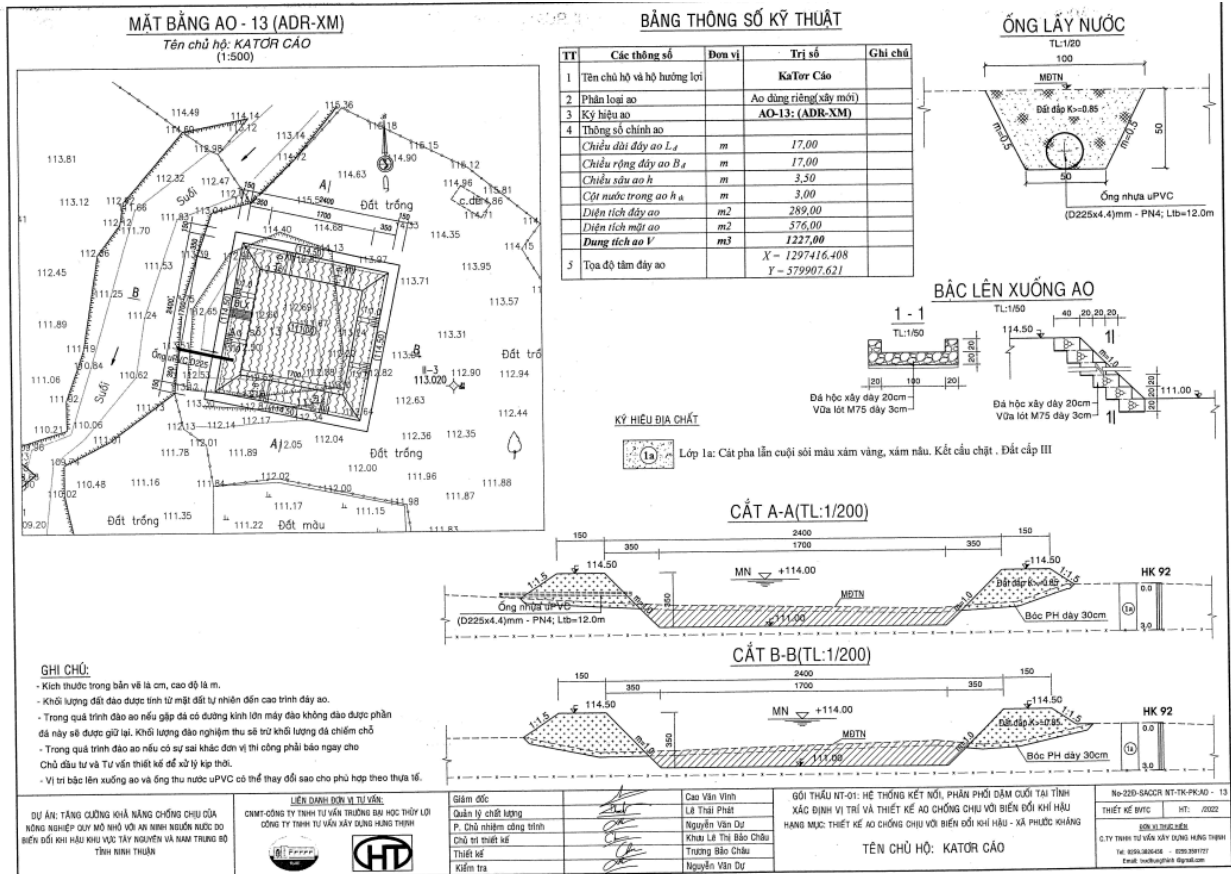
Công trình ao bao gồm:

- Giải phóng mặt bằng
- Đào đất: máy đào sẽ được sử dụng khi thích hợp; ở một số vị trí việc đào thủ công sẽ được thực hiện nếu cần.
- Vệ sinh công trường

Các bước và yêu cầu chi tiết được cung cấp trong tài liệu thiết kế kỹ thuật.

4.3. Bản vẽ kỹ thuật

Bản vẽ mẫu ao của ông Kator Cao ở xã Phước Kháng, thể hiện bản vẽ mặt bằng ao (mặt bằng), mặt cắt (cắt A-A, cắt B-B), (bảng thông số kỹ thuật), (ống lấy nước), (bậc lên xuống ao).



5. Tham vấn cộng đồng

Một cuộc họp tham vấn đã được tổ chức tại xã Phước Kháng vào ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở UBND xã Phước Kháng với sự tham gia của đại diện chính quyền xã bao gồm Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch Hội Phụ nữ xã, các thành viên trong ban dự án, đại diện thôn và người hưởng lợi.

Nội dung cuộc họp tham vấn

Bản sao biên bản cuộc họp bằng tiếng Việt được đính kèm, các bản dịch đầy đủ sẽ được cung cấp. Dưới đây là những điểm chính tóm tắt những nội dung chính và kết luận của cuộc họp.

Một phiên dịch viên tiếng Raglai-Việt Nam đã được sắp xếp cho cuộc họp tham vấn cộng đồng để đảm bảo tất cả những người tham gia hiểu nội dung cuộc họp và có thể bày tỏ quan điểm của mình.

Các PPMU đã tiến hành các hoạt động sau:

- Nhắc lại và phổ biến thông tin và hoạt động của dự án
- Thông báo về Cơ chế giải quyết khiếu nại
- Thực hiện theo các quy trình được nêu trong IPPF và hướng dẫn liên quan của UNDP về Tiêu chuẩn 6 để xác định rủi ro EM và đề xuất các biện pháp giảm thiểu, đánh giá nhu cầu phát triển IPP và liệu FPIC có nên được kích hoạt hay không. Cán bộ PPMU tham vấn thêm về việc liệu dự án có ảnh hưởng đến đất

đai, quyền, lãnh thổ và sinh kế truyền thống của các nhóm DTTS hiện tại hay không và xem xét các câu hỏi trong danh sách kiểm tra FPIC để xác định xem có cần kích hoạt FPIC hay không.

- Tư vấn thiết kế ao nuôi phù hợp khí hậu
- Tư vấn về giai đoạn xây dựng dự án sắp tới và các yêu cầu đối với nhà thầu xây dựng
- Tham vấn về việc liệu các hoạt động dự án và công trình xây dựng có hoạt động trong khu vực được bảo vệ và các khu vực linh thiêng hay không

Kết quả cuộc họp:

- Chính quyền địa phương và những người hưởng lợi cam kết hỗ trợ đầy đủ cho dự án và các hoạt động sẽ được triển khai tại địa phương, đặc biệt là các hoạt động nâng cấp, cải tạo và xây dựng ao nuôi mới trên địa bàn, giúp nông dân phát triển các hoạt động nông nghiệp và đạt năng suất cao hơn nhờ được cung cấp bổ sung nguồn nước tưới, đảm bảo cho người dân thu hoạch các loại cây trồng có năng suất cao.
- Cuộc họp đã tuân theo các thủ tục như đã nêu trong IPPF bằng cách sàng lọc các rủi ro đối với các dân tộc thiểu số, đánh giá xem các rủi ro có tác động đáng kể đến đất đai, quyền và lãnh thổ của họ hay không. Các đại biểu cho rằng các hoạt động của dự án nói chung và các hoạt động đào, cải tạo, nâng cấp ao không có tác động tiêu cực đáng kể về mặt xã hội đối với cộng đồng dân tộc thiểu số trong khu vực và đất đai, quyền và lãnh thổ của họ. Đất đai ở Phước Kháng được phân ranh rõ ràng và đăng ký với địa chính xã. Các ao nằm trong các vùng đất nông nghiệp riêng lẻ. Trong trường hợp ao chung, tất cả các thành viên đều có văn bản đồng ý về cam kết, sử dụng đất và cơ chế vận hành. Ba người tham gia cho biết họ mong muốn dự án đẩy nhanh các hoạt động và cung cấp các khóa đào tạo về kỹ thuật nông nghiệp cho nông dân để bổ Cấn bộ của PPMU cũng đã xem qua các câu hỏi trong danh sách kiểm tra của FPIC. Vì câu trả lời cho các câu hỏi trong danh sách kiểm tra FPIC là Không nên quy trình FPIC sẽ không được kích hoạt trong trường hợp này. Tuy nhiên, nhân viên PPMU đã thông báo cho cộng đồng địa phương rằng họ có quyền thăm dò thêm thông tin về dự án và có quyền rút lui. Các địa chỉ liên hệ có liên quan được cung cấp như một phần của Cơ chế giải quyết khiếu nại.
- Các đại biểu đều thống nhất hoạt động hỗ trợ đào ao sẽ không phát sinh các ảnh hưởng lớn đến nhà, đất của người dân nên hoàn toàn không có hoạt động di dời, tái định cư. Một số đại biểu nhấn mạnh rằng các nhà thầu cần đảm bảo có kế hoạch để hoạt động của các phương tiện và máy xúc của họ không gây ra bất kỳ thiệt hại nào cho rau và hoa màu của đất canh tác của những người lân cận. Bụi nên được giảm thiểu. PPMU đã ghi nhận điều này và sẽ làm việc với các nhà thầu để lồng ghép những vấn đề này vào kế hoạch xây dựng. Không cần bồi thường/thu hồi đất. PPMU cũng đã thông qua danh mục kiểm tra FPIC.

Kết luận là FPIC sẽ không được kích hoạt. Các hoạt động của dự án như hỗ trợ đào ao sẽ không có tác động tiêu cực đến các địa điểm tôn giáo của xã. Ngoài ra, dự án không gây tác động tiêu cực đến truyền thống văn hóa của cộng đồng dân tộc Raglai trên địa bàn xã. Ngược lại, ao chung và việc thành lập các nhóm dùng nước có thể làm tăng tính đoàn kết cộng đồng.

- Một số đối tượng và người dân địa phương không thông thạo tiếng Việt. Do đó, tất cả các hoạt động của dự án nên có phiên dịch viên địa phương đi kèm (như trong cuộc tham vấn cộng đồng này).
- PPMU và UBND xã sẽ làm việc với cán bộ dự án để cố gắng khuyến khích và thu hút phụ nữ tham gia vào các hoạt động tham vấn của dự án, đặc biệt là các cuộc tham vấn sắp tới về thiết kế ao nuôi cũng như các hoạt động khác như đào tạo về tiết kiệm nước trong tương lai.
- Phước Kháng sẽ nhận hỗ trợ tổng cộng 14 ao nữa. Đợt 1 sẽ hỗ trợ 4 ao tại thôn Suối Le, với 6 hộ dân được hỗ trợ. Trong số 4 ao này có 3 ao cá nhân hộ gia đình sử dụng và 1 ao chung của 3 hộ gia đình. Cán bộ và nhân dân địa phương rất mong giai đoạn 2 của việc xây dựng ao nuôi cũng sớm được triển khai để các hộ dân sau này cũng được hưởng lợi.
- Người hưởng lợi rất ủng hộ dự án. Người được hưởng lợi có văn bản cam kết (file đính kèm) cam kết ao được xây dựng trên đất “sạch”, không có tranh chấp, chủ ao sẽ chịu trách nhiệm vận hành, bảo dưỡng ao. Trường hợp ao nuôi chung, các chủ ao nuôi cam kết xây dựng phương án, quy chế hoạt động. Hướng dẫn xây dựng các quy định được cung cấp từ UNDP cho các PPMU cùng với các khóa đào tạo tiếp theo để đảm bảo rằng các PPMU có khả năng hỗ trợ những người hưởng lợi trong việc vận hành và bảo trì các ao chung..
- Kích thước của mỗi ao tương đối nhỏ và mỗi ao đều nằm cách xa khu dân cư và không nằm trong hoặc gần bất kỳ khu vực nhạy cảm nào. Do đó, bất kỳ tác động tiêu cực nào đối với môi trường và cộng đồng địa phương từ việc xây dựng và nâng cấp các ao sẽ chỉ là tạm thời và không đáng kể và có thể được giảm thiểu nếu được quản lý phù hợp trên cơ sở kế hoạch bảo vệ môi trường và xã hội như đã nêu trong SACCR Môi trường và Kế hoạch quản lý xã hội (ESMP).
- Tất cả những người tham gia cuộc họp đều nhất trí với các nội dung ESMP được đề xuất và nhất trí với các biện pháp giảm thiểu tác động được đưa ra để giảm thiểu các tác động môi trường của dự án như đã đề ra trong dự thảo ESMP nêu trên. Đặc biệt, cần yêu cầu các nhà thầu xây dựng Kế hoạch quản lý chất thải để quản lý chất thải phát sinh từ việc đào/nạo vét ao.
- Người hưởng lợi cam kết tuân thủ việc dựng hàng rào/lưới chống đuối nước.
- Cộng đồng và chính quyền địa phương nhận thức được GRM tại chỗ.

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

- Các nội dung và thống nhất trong kết luận cuộc họp đã được các đại biểu tham dự khẳng định.

6. Rủi ro môi trường và xã hội được xác định

Dựa trên ESMP và tài liệu thiết kế kỹ thuật, các rủi ro đã xác định tại địa điểm thi công này được mô tả bên dưới. Các hành động tuân thủ các biện pháp giảm thiểu có khả năng phát sinh tác động được các nhà thầu thi công giám sát và quản lý như một phần được quy định trong quy trình đấu thầu xây dựng ao:

Các vấn đề môi trường cần quan tâm	Các rủi ro	Biện pháp giảm thiểu	Các hành động chi tiết (do nhà thầu hoàn thành)
Thời tiết	Mưa lớn có thể ảnh hưởng đến công trình	Việc xây dựng sẽ được lên kế hoạch trong khoảng thời gian khô ráo (xem xét dự báo thời tiết)	
Chất lượng nước ngầm	Tăng lượng xăng dầu sử dụng cho phương tiện như máy đào, máy xúc	Các khu vực được chỉ định để lưu trữ nhiên liệu, dầu, hóa chất hoặc các chất lỏng nguy hiểm khác phải có nền đất không thấm nước và được nén chặt, cũng như được đựng trong một thùng đáp ứng điều kiện để không gây bất kỳ sự cố tràn nào. Khu vực chứa nhiên liệu sẽ được thực hiện ở những khu vực cách xa hệ thống nước.	
		Kiểm tra tất cả các phương tiện, thiết bị và khu vực lưu trữ vật liệu hàng ngày để phát hiện rò rỉ nhiên liệu, dầu và hóa chất. Tiến hành tiếp nhiên liệu tại những nơi được chỉ định cách xa hệ thống nước.	
Chất lượng nước mặt	Chất rắn lơ lửng tăng cao và các chất gây ô nhiễm khác trong hệ thống nước mặt	Các khu vực được chỉ định để lưu trữ nhiên liệu, dầu, hóa chất hoặc các chất lỏng nguy hiểm khác phải có nền đất không thấm nước và được nén chặt, cũng như được đựng trong một thùng đáp ứng điều kiện để không gây bất kỳ sự cố tràn nào. Khu vực chứa nhiên liệu và tiếp nhiên liệu sẽ được thực hiện ở những khu vực cách xa hệ thống nước.	
		Lập kế hoạch thực hiện các công việc theo từng giai đoạn để đảm bảo rằng các khu vực bị xáo trộn do thi công được phủ xanh và ổn định dần dần sau khi hoàn thành công việc.	
		Vật liệu xây dựng sẽ không được dự trữ gần khu vực môi trường thủy sinh vì nếu ở gần các khu vực như thế này chất thải có thể thải ra môi trường nước. Thiết bị xây dựng sẽ được di chuyển khỏi khu vực gần môi trường nước vào cuối mỗi ngày làm việc hoặc nếu dự báo có mưa lớn	
Chất lượng không khí	Tăng mức độ bụi tại các khu vực nhạy	Thực hiện lập kế hoạch/sắp xếp các công việc được đề xuất để đảm bảo	

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội

	cắm	giảm thiểu sự xáo trộn lớn của thảm thực vật do công việc đào đắp được giảm thiểu.	
		Xác định vị trí các khu vực dự trữ vật liệu càng xa các khu vực nhạy cảm càng tốt. Khu vực này cần thiết có mái che thích hợp	
		Tưới/phun nước làm giảm nguy cơ tác động của bụi	
	Tăng lượng khí thải xe cộ/máy móc	Xác định vị trí các khu vực lưu trữ phương tiện xây dựng, thiết bị thi công càng xa các vị trí nhạy cảm càng tốt.	
		Đảm bảo chỉ những phương tiện cần thiết để thực hiện công việc mới được vận hành tại chỗ.	
		Đảm bảo tất cả các phương tiện xây dựng và máy móc thi công được bảo trì và vận hành theo các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật thiết kế.	
Chất thải phát sinh	Chất thải do đào và nâng cấp ao cũng như chất thải sinh hoạt từ các công trình xây dựng	Kế hoạch quản lý chất thải phải được xây dựng để chỉ ra lịch trình và kế hoạch quản lý chất thải và đất đào phát sinh do quá trình nạo vét ao	

PHỤ LỤC 3: MẪU CỦA BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ KHIẾU NẠI

Số Khiếu nại: _____			
ĐỊA ĐIỂM: Huyện: _____ Thôn: _____			
Tên CDC: _____			
TÊN NGƯỜI KHIẾU NẠI: _____			
ĐỊA	CHỈ: _____	Số	điện thoại #: _____
NGÀY NHẬN: _____			
Phân loại khiếu nại (Hộp kiểm) ☐ Tranh chấp sử dụng nước với nhà thầu ☐ ☐ Hình thành CDC ☐ Tranh chấp giữa các cộng đồng ☐ Phối hợp kỹ thuật/vận hành ☐ Chậm trễ ☐ trong các quy trình tài chính ☐ Chất lượng nước ☐ tiếng ồn ☐ vệ sinh ☐ Sử dụng nước ☐ Khác (ghi rõ) _____			
Mô tả ngắn gọn về khiếu nại: _____			
Nguyên nhân chính là gì? _____			
Hành động được đề xuất (của người khiếu nại) để giải quyết khiếu nại: _____			

PHỤ LỤC 4: MẪU BÁO CÁO TIẾN ĐỘ VÀ BÁO CÁO GIÁM SÁT

A4.1 Mẫu báo cáo tiến độ tháng của các tiểu dự án

Hướng dẫn: Biểu mẫu này được hoàn thành và gửi cho Quản lý dự án tháng. Trong trường hợp biểu mẫu này không có chỗ trống, hãy đính kèm thông tin bổ sung nếu cần.

Báo cáo tiến độ tháng:

Tên tiểu dự án:

Mã tiểu dự án:

Cộng đồng:

Huyện:

Tiến độ: (Liệt kê mọi thành phần của tiểu dự án/hoạt động và tiến độ cho đến ngày báo cáo)

Tên tiểu dự án	Mô tả kết quả hoạt động cho đến ngày báo cáo	Ghi chú
1.		
2.		
3.		

Nhận xét về các vấn đề chính sách an toàn của tiểu dự án/hoạt động:

(Chỉ báo cáo nếu có bất kỳ vấn đề nào về chính sách an toàn cần sự hỗ trợ của Quản lý dự án hoặc cán bộ/chuyên gia tư vấn về chính sách an toàn).

Vấn đề	Yêu cầu

A4.2 Mẫu báo cáo chính sách an toàn dự án

Biểu mẫu dưới đây sẽ được sử dụng cho các báo cáo thực hiện biện pháp chính sách an toàn sáu tháng và hàng năm của dự án. Đính kèm thông tin bổ sung nếu cần khi các biểu mẫu sau không có sẵn.

Báo cáo tiến độ trong kỳ:.....

Chủ dự án/hoạt động:

Nội dung báo cáo tiến độ thực hiện các chính sách về môi trường và an toàn xã hội

STT	Dung Dự án (tiêu dự án/ các hoạt động)	Các vấn đề xã hội và môi trường chính	Thực hiện các pháp thiếu	Triển khai và giám sát ESMP	Thực hiện chương trình đào tạo & nâng cao năng lực	Bài học học	Ghi chú

PHỤ LỤC 5: ĐẦU MỐI LIÊN LẠC

ST T	Tên	Chức danh	Email	Điện thoại
UNDP				
1	Trần Tú Anh	Quản lý dự án	tran.tu.anh@undp.org	0913526972
8	Lê Ngọc Dũng	Cán bộ M&E	le.ngoc.dung@undp.org	0961070890
CPO-BNN&PTNT				
0	Email chung		cpogcf2@gmail.com	
1	Mr Phạm Đình Văn	Trưởng ban CPO	van_cpo@yahoo.com.vn	0913232781
2	Mr. Vũ Đình Hùng	Phó Trưởng ban CPO	hungvd_cpo@yahoo.com	0945095908
3	Mr. Nguyễn Mạnh Ngọc	PGD	mngoccpo@yahoo.com	0912215110
7	Trần Văn Hằng	Cán bộ dự án (Xã hội)	hangcpo@gmail.com	0904461599
9	Nguyễn Quang An	Cán bộ dự án (Môi trường)	nguyenquangancpo@gmail.com	0989550535
10	Lê Thị Bích Nguyệt	Cán bộ M&E	nguyetcpo@gmail.com	0983066619
ADB				
1	Vũ Ngọc Châu		vungocchau@adb.org	0911089090
Tỉnh Bình Thuận				
0	BQLDA tỉnh Bình Thuận		binhthuansaccr2021@gmail.com	
1	Mr. Nguyễn Hữu Phước	PGĐ Sở NN&PTNT (GD Ban)	phuocltbt@gmail.com	0918157801
4	Mr. Lê Ngọc Thuyết	CV Sở NN&PTNT (Kỹ thuật)	thuyet44c@gmail.com	0937959729
7	Ms. Nguyễn Thị Kim Dung	CB TTKN tỉnh (CB CSAT XH-MT)	skynguyencv@gmail.com	0943763803
8	Ms. Nguyễn Thị Hà Giang	Tr.Ban - Hội Phụ nữ tỉnh (	hagiang.hpn@gmail.com	0918120576

		an toàn xã hội, giới)		
Tỉnh Ninh Thuận				
0	BQLDA tỉnh Ninh Thuận		saccrninhthuan@gmail.com	
1	Mr. Đặng Kim Cường	Giám đốc Sở NN &PTNT	kimcuong171@gmail.com	091319804 8
2	Mr. Nguyễn Văn Bính	TP.QLCN Sở NN- Giám đốc Ban QLDA	nvbinhsonn@gmail.com	091319798 2
7	Mr. Phạm Dũng	CC. Trưởng CC Trồng trọt&BVTV - CB CSAT XH-MT BQLDA	Phdungbvtvnt@gmail.com	091907123 5
8	MS. Nguyễn Thị Thanh Hằng	CV Sở NN - Cán bộ CSAT xã hội-MT Ban QLDA	thanhhangeco@gmail.com	094789280 5
10	MS. Phan Thị Ngân Hạnh	Chủ tịch Hội LHPN tỉnh: Cán bộ bình đẳng giới BQLDA	nganhanhphan79@gmail.com	091893504 4
Tỉnh Khánh Hòa				
0	BQLDA tỉnh Khánh Hòa		saccr.khanhhoa@gmail.com	
1	Mr. Nguyễn Duy Quang	PGĐ Sở, P.Trách T.Lợi, GD BQLDA SACCR	ndquang@gmail.com	091342424 5
2	Ms. Lương Kim Ngân	P. Chi cục Trưởng Chi cục TT&BVTV, PGĐ BQLDA SACCR	kimnganbvtv@gmail.com	090500747 8

6	Mr. Trần Quốc Long	Chuyên viên Sở NN&PTNT	longtg89@gmail.com	0935701000
9	Ms. Nguyễn Hoàng Vân Hạ	Phó chủ tịch Hội LHPNT	nhvha81@gmail.com	0939086881
Tỉnh Đắk Nông:				
0	BQLDA tỉnh Đắk Nông		Saccredaknong@gmail.com	
1	Mr. Phạm Tuấn Anh	GD sở NN và PTNT_Chủ đầu tư	phamtuananhln@gmail.com	0913477586
2	Mr. Hoàng Trung Thơ	PGĐ Sở, P.Trách T.Lợi, GD Dự án SACCR	hoangtrungtho.snn@gmail.com	0913437292
7	Ms. Phạm Thị Hồng Tuyền	Phòng K.hoạch-Nghiệp vụ (cán bộ chính sách an toàn xã hội, giới)	tuyenapm@gmail.com	0916083337
8	Ms. Trinh Thị Mỹ Duyên	Phòng K.hoạch-Nghiệp vụ (cán bộ chính sách an toàn môi trường, giám sát đánh giá dự án)	lemyduyen610@gmail.com	0945338028
10	Ms. Nguyễn Thị Minh Huệ	Hội LHPNT		
Tỉnh Đắk Lak				
	BQLDA tỉnh Đắk Lắk		saccredaklak@gmail.com	
1	Mr. Nguyễn Hoài Dương	GD sở NN kiêm Giám đốc BQL dự án		0913411652

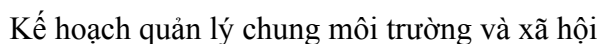
2	Mr. Phạm Ngọc Nam	Phó giám đốc BQL Dự án	ks.phamngocnam@gmail.com	0902558847
5	Mr. Nguyễn Đức Anh	Cán bộ GSDG, CSAT BQL Dự án	ducanhnguyen.pm@gmail.com	0904466664
10	Mr. Bùi Thanh Sơn	Nhân viên Chính sách an toàn môi trường	sonvnsatdaklak@gmail.com	0933598885
13	Ms. Nông Thị Thanh Huyền	Cán bộ CSAT giới -kiêm nhiệm (hội phụ nữ tỉnh)	thanhhuyenpndl@gmail.com	0935612167

PHỤ LỤC 6

NGƯỜI NGHÈO, CẬN NGHÈO VÀ DÂN TỘC TRONG CÁC KHU VỰC DỰ ÁN									GCF2-SACCR
N o.	Xã	Giai đoạn lập dự án (2017)			Giai đoạn thực hiện dự án (2020)				Tên các dân tộc thiểu số
		Tổng số hộ năm 2017	% hộ nghèo và cận nghèo năm 2017	% Dân tộc thiểu số năm 2017	Tổng số hộ năm 2020	% hộ nghèo và cận nghèo vào năm 2020	% dân tộc thiểu số năm 2020	Số hộ dân tộc thiểu số	
I	KHÁNH HÒA				7557		65,6%	4961	1 huyện và 9 xã
	Huyện Khánh Vĩnh				7557		65,6%	4961	Raglai
1	Khánh Bình				1164		71,8%	836	Raglai
2	Khánh Đông				912		31,9%	291	Raglai
3	Khánh Hiệp				1017		82,9%	843	Raglai
4	Khánh Nam				616		76,6%	472	Raglai
5	Khánh Phú				861		97,8%	842	Raglai
6	Khánh Thành				501		95,4%	478	Raglai
7	Khánh Trung				811		70,8%	574	Raglai
8	Sông Cầu				374		15,5%	58	Raglai
9	TT Khánh Vĩnh				1,301		43,6%	567	Raglai
	TỔNG 4 TỈNH	117.262 100%		37996 32,4%	124030		28,64%	35523	
II	NINH THUẬN	30.980	31,30%	12423 40,10%	28.930		46%	13.308	4 huyện và 14 xã
	Huyện Ninh Hải	12.909	11,20%	16,10%	11.080	8,90%	20%	2.216	
10	Phước Hải	1783	16,00%	0,00%	1.606	12,10%	0%	0	Số người Dân tộc thiểu số
11	Xuân Hải	4245	8,50%	49,00%	3.539	3,20%	50%	1.770	Chăm
12	Tri Hải	3130	11,80%	0,00%	2.442	10,70%	0%	0%	Số người Dân tộc thiểu số
13	Nhon Hải	3751	11,60%	0,00%	3.459	29,60%	0%	0%	Số người Dân tộc thiểu số
	Huyện Ninh Sơn	6.534	29,70%	28,00%	6.393		30,3%	1.940	
14	Mỹ Sơn	2.815	50,10%	30,00%	1.065	N/A	32%	341	Raglai, Nùng.
15	Nhon Sơn	3.719	14,30%	28,00%	5.328	29,60%	30%	1599	Raglai, Chăm
	Huyện Thuận Bắc	8.427	50,10%	64,30%	7955	46,00%	41%	5.920	
16	Phước Chiến	1.155	82,30%	96,80%		13,10%	98%		Raglai
17	Phước Kháng	614	88,10%	100,00%		44,30%	99,3%		Raglai

NGƯỜI NGHÈO, CẬN NGHÈO VÀ DÂN TỘC TRONG CÁC KHU VỰC DỰ ÁN									GCF2-SACCR
N o.	Xã	Giai đoạn lập dự án (2017)			Giai đoạn thực hiện dự án (2020)				Tên các dân tộc thiểu số
		Tổng số hộ năm 2017	% hộ nghèo và cận nghèo năm 2017	% Dân tộc thiểu số năm 2017	Tổng số hộ năm 2020	% hộ nghèo và cận nghèo vào năm 2020	% dân tộc thiểu số năm 2020	Số hộ dân tộc thiểu số	
18	Lợi Hải	2.974	44,10%	75,50%		71,70%	82%		Raglai
19	Bắc Sơn	1.983	58,70%	72,50%		70,60%	70%		Raglai
20	Bắc Phong	1.701	15,20%	0,00%		23,60%	0%		Số người Dân tộc thiểu số
	Huyện Bắc Ái	3.110	66,80%	99,40%	3.502	47,10%	92%	3223	
21	Phước Tân	743	72,70%	100,00%	772	9,00%	94%	728	Raglai (719 hộ DTTS/tổng 765 hộ)
22	Phước Thắng	944	63,60%	99,10%	1090	N/A	95%	1017	Raglai
23	Phước Thành	853	77,00%	99,60%	964	47,30%	92%	848	Raglai,
24	Phước Trung	570	49,00%	99,10%	676	27,80%	94%	630	Raglai
II I	BÌNH THUẬN	17.125	9%	2.158 12,60%	18.907		9,71%	1836	2 huyện và 9 xã
	Huyện Hàm Thuận Nam	11.627	8,20%	14,90%				1.459	
25	TT Thuận Nam	3.329	5,20%	99,60%				20	Chăm, Mường và Thái
26	Mỹ Thạnh	227	68,70%	95,00%				255	Rai
27	Hàm Cản	891	31,50%	90,00%				801	Rai
28	Tân Lập	2.187	6,20%	13,00%			8,00%	70	Hre, Mường, Khmer
29	Tân Thuận	3.593	3,50%	7,30%				289	Chăm
30	Tân Thành	1,4	5,90%	14,90%			8,00%	24	
	Huyện Đức Linh	5.498	10,00%	95,00%	5621	63,60%	6,1%	377	
31	Tân Hà	1.402	11,80%	90,00%	1.585	16,30%	0,32%	5	
32	Đông Hà	2.029	9,10%	20,00%	2.176	4,50%	0,82 %	18	
33	Trà Tân	2.067	9,60%	7,30%	1.860	2,10%	19,03%	354	
IV	ĐẮC LẮK	29.980	21,30%	11.740 39,16%	33.855		21,74%	7.359	4 huyện và 11 xã
	Huyện Ea Hleo	9.405	14,00%	35,10%	11.476		33,5%	3.844	
34	TT. Thị trấn EaDrăng	4.372	11,00%	13,00%	5491	9,12%	10,64%	577	EĐe,Rajai,Tày, Nùng
35	EaSol	2.838	18,60%	57,80%	3530	15,58%	58,30%	2.058	E Đe,Rajai, Tày, Thái
36	Điê Yang	2.195	14,20%	49,60%	2455	9,78%	49,25%	1.209	E đe,Rajai, Dao
	Huyện Cư M'Gar	1.601	12,50%	9,40%	1.902		0,26%	5	

NGƯỜI NGHÈO, CẬN NGHÈO VÀ DÂN TỘC TRONG CÁC KHU VỰC DỰ ÁN									GCF2-SACCR
N o.	Xã	Giai đoạn lập dự án (2017)			Giai đoạn thực hiện dự án (2020)				Tên các dân tộc thiểu số
		Tổng số hộ năm 2017	% hộ nghèo và cận nghèo năm 2017	% Dân tộc thiểu số năm 2017	Tổng số hộ năm 2020	% hộ nghèo và cận nghèo vào năm 2020	% dân tộc thiểu số năm 2020	Số hộ dân tộc thiểu số	
37	Quảng Tiến	1.601	12,50%	9,40%	1902	7,90%	0,26%	5	Sau khi bán đất, nhiều người dân tộc thiểu số đã được chuyển đi nơi khác.
	Huyện Ea Kar	4280	39,50%	37,60%	4561		38,01%	1735	
38	Ea Sô	889	60,50%	47,20%	906	39,40%	52,10%	472	Tày, Mường, Ê Đê, Mông, Dao
39	Ea Sar	1.928	48,00%	49,80%	2110	31,56%	49,48%	1.044	Ê Đê, Thái, Tày, Mông, Nùng, Xơ Dăng
40	Xuân Phú	1.463	15,50%	15,70%	1545	7,18%	14,17%	219	Tày, Nùng, Ê đê, Thái
	Huyện Krông Pắc	14.694	21,70%	45,50%	15.916		45,1%	7.138	
41	Krông Buk	3.023	40,80%	51,50%	3274	9,04%	53,21%	1.742	Ê Đê, Tây, Nùng
42	Ea Phê	5.152	13,90%	41,40%	5735	7,44%	40,48%	2.322	Ê Đê, Tây, Nùng
43	Ea Yông	3.744	17,00%	48,20%	3930	7,44%	47,46%	1.865	Ê Đê, Tây, Nùng
44	Ea Kênh	2.775	21,70%	42,80%	2977	12,43%	42,09%	1.253	Ê Đê, Tây, Nùng
V	ĐẮK NÔNG	39.177	14,10%	11.675 hộ 29,80%	42.340		30,75%	13.020	3 huyện và 16 xã
	Huyện Cư Jút	16.715	17,00%	41,60%	17.784		40,6%	7.225	
45	Ea T'Ling	3.858	19,70%	16,60%	4561	5,20%	17,6%	803	M'Nông, Nùng, Tày, Thái
46	Nam Đông	4.026	14,50%	29,40%	3909	6,20%	28,1%	1.098	Nùng và Tày
47	Đăk DRông	3.316	14,90%	84,10%	3541	3,10%	84,4%	2.987	Nùng Tày và H'Mông
48	Tâm Thắng	2.928	17,90%	27,70%	3097	6,30%	27,1%	839	Ê Đê
49	Cư Knia	1.835	19,90%	74,50%	1852	5,10%	72,2%	1.337	Nùng, Tây, Thái H'Mông
50	Trúc Sơn	752	16,10%	21,00%	824	7,30%	19,5%	161	Tày và Nùng
	Huyện Đăk Mil	15.925	6,40%	11,40%	17687	7,70%	11,3%	1992	
51	Đăk Lao	1.981	4,60%	5,70%	2198	7,40%	7,0%	155	Tày và Nùng
52	Đức Mạnh	3.653	3,80%	1,90%	3872	6,50%	2,00%	77	Thái, Dao
53	Long Sơn	373	26,30%	91,20%	392	7,20%	89,00%	349	Tày, Nùng
54	Đăk Săk	3.559	9,90%	8,60%	3896	11%	8,00%	312	M'Nông
55	Thuận An	2.629	2,90%	26,70%	2939	7,50%	25,50%	750	M'Nông



NGƯỜI NGHÈO, CẬN NGHÈO VÀ DÂN TỘC TRONG CÁC KHU VỰC DỰ ÁN									GCF2-SACCR
N o.	Xã	Giai đoạn lập dự án (2017)			Giai đoạn thực hiện dự án (2020)				
		Tổng số hộ năm 2017	% hộ nghèo và cận nghèo năm 2017	% Dân tộc thiểu số năm 2017	Tổng số hộ năm 2020	% hộ nghèo và cận nghèo vào năm 2020	% dân tộc thiểu số năm 2020	Số dân tộc thiểu số	
56	Đức Minh	3.73	7,10%	7,50%	4390	6,50%	7,50%	329	M'Nông
	Huyện Krông Nô	6.537	25,60%	44,50%	7.469	13,60%	44,2%	3.303	
57	Đăk Sôr	1.124	28,80%	35,30%	1274	15,10%	34%	433	Tày, Nùng
58	Nam Xuân	1.558	27,40%	74,40%	1822	9,10%	73,9%	1346	Tày, Nùng và Thái
59	Đăk Drô	2.186	19,70%	30,80%	2382	12,20%	29,0%	690	Tày, M'Nông
60	Nam Nung	1.669	29,70%	40,70%	1991	17,80%	41,9%	834	Thái, H'Mong
Nguồn: Số liệu hộ dân tộc thiểu số của Đal Lak và Khánh Hòa là số liệu thống kê năm 2021 Dữ liệu Dân tộc của 4 tỉnh năm 2017 được lấy từ báo cáo FS. Số liệu Bình Thuận năm 2020 do SNN&PTNT Bình Thuận cung cấp và Khảo sát tuyến cơ sở. Dữ liệu dân tộc của Khánh Hòa, Ninh Thuận và DakLak là dữ liệu thống kê năm 2020 và được cập nhật bởi cán bộ an toàn xã hội của các PPMU vào tháng 7 năm 2022 Số liệu dân tộc tỉnh Đăk Nông năm 2020 do Công an các huyện Krông Nô, Đal Mil và Cư Jút cung cấp.									